GIA PHẢ HỌ ĐINH NHO
Ở HƯƠNG SƠN — HÀ TĨNH

BẢN TÁI LẬP TOÀN VĂN — ẤN BẢN KHÔNG ẢNH SCAN

Phần A · Phần B (đời 1–20, hai chi) · Sơ đồ phả hệ · Phụ lục · Thư ngỏ

Nguyên bản: Canh Thìn 2000 — Ban Biên tập Gia phổ họ Đinh Nho (Hương Sơn)

Ấn bản không ảnh scan: toàn bộ phần chép lại, không kèm ảnh trang gốc; để đối chiếu ảnh, xem các tập riêng từng phần

MỤC LỤC TOÀN TẬP

Trang gốc	Phần	Nội dung
6–18	**PHẦN A**	Lời nói đầu · Lịch sử dòng họ · Nhà thờ họ
19–98	**PHẦN B — TẬP 1**	Đời 1–8 (chưa phân chi) · Chi Trưởng (A) đời 9–19
99–170	**PHẦN B — TẬP 2**	Chi Thứ (B) đời 8B–18B · ghi nhận đời 20
171–180	**PHỤ LỤC 1**	Liệt sĩ · Khoa bảng · Phẩm hàm · Huân chương · Tác giả · Tộc trưởng
181–200, 229	**SƠ ĐỒ PHẢ HỆ**	21 sơ đồ hai chi (khổ ngang) + sơ đồ chép tay
201–228	**PHỤ LỤC 2**	Chuyện kể · Văn tế · Thơ · Thư ngỏ của Ban Biên tập

Ghi chú chung. Ấn bản này giữ nguyên toàn bộ phần chép lại (transcription) của bản tái lập, nhưng lược bỏ toàn bộ ảnh scan của bản gốc. Để đối chiếu từng chữ với bản gốc, xem các tập riêng từng phần (có đầy đủ ảnh). Các quy ước không đổi: "…" cho chữ mờ; ghi chú tay đặt trong [ngoặc]; những chỗ bản gốc tự mâu thuẫn được ghi cả hai (trường hợp Đinh Nho Liêm 16A8/16B12; niên đại Nho Điển 1848–1885).

PHẦN A

Lời nói đầu · Lịch sử dòng họ · Nhà thờ họ (trang 6–18)

GIA PHẢ HỌ ĐINH NHO Ở HƯƠNG SƠN

PHẦN A — LỜI NÓI ĐẦU · LỊCH SỬ DÒNG HỌ · NHÀ THỜ HỌ

Trang 6–18 của bản gốc (Canh Thìn 2000) — đọc bằng thị giác, không qua OCR

LỜI NÓI ĐẦU

Chép lại trung thành (trang 6–7):

Họ Đinh Nho (Hương Sơn) với đấng thuỷ tổ là ngài Tả hiệu điểm Phúc Diên từ đất Ninh Bình vào lập nghiệp ở đây đã gần 500 năm, phát triển được 20 đời (tính đến năm Canh Thìn theo dương lịch là năm 2000).

Từ một gốc, con cháu ngày nay đã đông đúc. Từ một cội nguồn ở xã Sơn Hoà, đã phát triển sang Sơn Tân, Sơn Châu và các huyện như Thanh Chương (Nghệ An), Hương Khê (Hà Tĩnh) và nhiều nơi khác trong cả nước, cũng như ở nước ngoài.

Con cháu ai cũng muốn biết về gốc rễ cha mẹ, ông, bà, cụ, kỵ… và lần ngược lên vị thuỷ tổ, đồng thời cũng muốn biết những sự tích của tiền nhân mà học tập, noi gương dạy bảo con cháu. Chỉ có gia phả họ mới đáp ứng được những mong mỏi trên. Vì lẽ đó, theo nguyện vọng của toàn con cháu, Ban tộc biểu đã thành lập một Ban Biên tập để viết tiếp Bộ Gia phả mới đầy đủ hơn, đặt tên là "Gia phả họ Đinh Nho ở Hương Sơn".

Xưa nay, gia phả nhất là các dòng họ lớn, có nhiều người thành đạt, thường có nhiều truyền thuyết. Điều đó rất cần để con cháu tham khảo học tập. Để hợp với thời đại khoa học, chúng tôi sẽ dành trọn phần này ở phần phụ lục. Bộ Gia phả này dựa chính vào quyển "Hương yên phổ tự" của Triều liệt Đại phu, hàn lâm viện thị giảng học sĩ đời thứ 12 là ngài Đinh Thái Lăng biên soạn, kết hợp với các tư liệu Quốc gia như Đại việt sử ký toàn thư, "Danh nhân Văn hoá Việt Nam", Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh và các tư liệu in hay chép tay của các tiểu chi, bản khai của các gia đình hiện nay mà tập hợp lại.

Nội dung Bộ Gia phả họ Đinh Nho ở Hương Sơn gồm 3 phần chính:

Phần A: Gồm Lời nói đầu, bài viết tóm tắt quá trình hình thành và phát triển, bài viết về Nhà thờ họ Đinh Nho ở xã Sơn Hoà và điểm lại hoạt động của con cháu ở đây (Các chi khác như ở Sơn Tân, Sơn Châu… đã có gia phả riêng).

Phần B: Ghi chép các dòng đời từ vị thuỷ tổ Đinh Phúc Diên đến đời thứ 20.

Phần C: Phụ lục ở phần này chép Văn thư + truyện kể (gồm truyền thuyết và chính sử) của các vị tiền liệt. Các bài viết về họ ta đã được đăng trên sách, báo. Danh sách các liệt sĩ. Danh sách các nhà khoa bảng.

Trong 3 phần, phần B (chính) biên soạn theo dòng đời, theo thứ tự trưởng, thứ. Có lược đồ mỗi tiểu chi để tiện theo dõi. Trong mỗi dòng đời có ghi tóm tắt những điểm chính: Năm sinh, năm mất, phần mộ, học vị, thành tích công tác…

Khác với các tập Gia phả trước, bộ này ghi đến mức tối đa cả con gái, dâu, rể. Riêng về các tiểu chi xuất phát từ gốc tổ Sơn Hoà phát triển sang các xã khác, các huyện khác như Hương Khê, Nghi Xuân, Can Lộc, Thanh Chương… thì do chưa có điều kiện tập hợp vào. Hơn nữa các chi này đã phát triển đông đúc, có Gia phả riêng nên chỉ giới thiệu mà không ghi nối tiếp.

Đọc Gia phả, con cháu sẽ không quên tiên tổ, biết được gốc rễ cội nguồn của gia đình mình, tiện xưng hô trong giao tiếp đúng lễ nghĩa, càng thắt chặt thêm tình máu mủ ruột rà. Cũng qua Bộ gia phả này người đọc hiểu thêm sự tích văn thơ của các tiền nhân mà tu dưỡng, rút ra những điều bổ ích, thực hiện đúng lời dạy của Tiền nhân "Tu Trung Hiếu" trong thời đại mới.

Nhân dịp viết "Bộ Gia phả Họ Đinh" này chúng tôi vô cùng cảm ơn sự đóng góp các tư liệu quý, các bản khai, các bản sao gia phả của các tiểu chi của con cháu khắp nơi gửi về, sự góp ý chân thành, quý báu trên tinh thần đoàn kết xây dựng Truyền thống Họ ta của một số vị vào các phần A, C để có được Bộ Gia phả này.

Trong quá trình biên tập, dù đã cố gắng hết mức nhưng do điều kiện và trình độ có hạn, Ban Biên tập xin được lượng thứ về sự thiếu sót và tiếp tục góp ý bổ sung để ngày càng hoàn chỉnh.

Hương Sơn, Mùa thu năm Canh Thìn — Ban Biên Tập

HỌ ĐINH NHO Ở HƯƠNG SƠN

Chép lại trung thành (trang 8–12):

Nguồn gốc và buổi đầu lập nghiệp

Họ Đinh Nho xuất phát từ một họ lớn ở Ninh Bình. Khoảng năm 1543–1546, có 3 anh em đưa nhau vào xứ Nghệ là Đinh Phúc Diên, Đinh Phúc Tiên, Đinh Phúc An.

Đinh Phúc Diên — thuỷ tổ của họ Đinh ở Hương Sơn — là thuộc tướng của Lê Tuấn Mậu về phe chống Mạc, phù Lê. Việc vỡ lở, Lê Tuấn Mậu bị giết, cả 3 anh em chạy vào Nghệ An rồi tản ra: Phúc Tiên ở Nghi Lộc, Phúc An ở Hưng Nguyên (nay thuộc thành phố Vinh) và Phúc Diên ở Hương Sơn.

Lúc đầu ngài ngụ cư ở thôn Bình Hoà, khai hoang lập ấp và vẫn nuôi chí Phù Lê, diệt Mạc cùng với Phạm Phúc Kính ở Sơn Bằng. Sau khi nhà Lê Trung hưng, ngài được phong là "Tả hiệu điểm công tây hầu". Ngài thọ 93 tuổi.

Đời thứ 2 là ngài Đinh Phúc Trường, thọ 93 tuổi — Đời thứ 3 là ngài Phúc Bảo, thọ 60 tuổi — Đời thứ 4 là ngài Chính Tính, thọ 71 tuổi — Đời thứ 5 là ngài Phúc Khánh, thọ 82 tuổi — Đời thứ 6 là ngài Hữu Luân, thọ 75 tuổi — Đời thứ 7 là ngài Nho Công tức Hầu Thiên Đại Vương Phụ. Từ đời thứ nhất đến đời thứ 7 họ ta độc đinh.

Đời thứ 7 — Đinh Nho Công và sự phân chi

Đến đời thứ 7, ngài Nho Công thuở nhỏ học hành dang dở, phải bỏ học ở nhà đi cày đến năm 28 tuổi mới tiếp tục dùi mài kinh sử. Nhờ quyết tâm cao nên đến năm 34 tuổi, ngài đậu Tiến sĩ Khoa Canh Tuất (1670) niên hiệu Cảnh trị triều Lê. Ngài có 2 vợ sinh được 6 người con trai, cả 2 bà đều là người họ Đặng.

Bà cả sinh ngài Nho Trạch (gọi là Già Tiên Nhân), Nho Huân mất sớm và Nho Hoàn tức là Mặc Trai đại vương tử.

Bà hai sinh ngài Nho Thận, Nho Thường (con cháu Nho Thường về sau vào ở Can Lộc) và Nho Côn tức Hầu Hương Nghĩa (con cháu về sau sang ở đất Thanh Chương - Nghệ An).

Như vậy, ở Hương Sơn từ đời thứ 8 là Nho Trạch (con bà cả) và Nho Thận (con bà hai). Di duệ của 2 ngài về sau thành 2 chi Trưởng, Thứ. Từ khi họ ta về đất Hương Sơn đến nay đã gần 500 năm và có 20 đời.

Đánh giá về họ Đinh Nho ở Hương Sơn, Báo Hà Tĩnh (số ngày 17/4/99) có đăng bài "Họ Đinh Nho ở Hương Sơn" trong đó có đoạn: "Họ Đinh Nho là một cự tộc thế phiệt trâm anh ở Hương Sơn và xứ Nghệ… Dòng họ này đã sản sinh ra nhiều nhân vật nổi tiếng cả trong Khoa mục, Quan trường và Võ bị" (Hà Tĩnh số ngày 17/4/1999).

Khai khoa: Nho Công — Nho Hoàn (trang 9–10)

Mở đầu, Ngài Nho Công khai khoa cho dòng họ. Sau khi đậu Tiến sĩ được cử giữ chức Ngự sử của Triều đình, từng làm chức "Giám sát ngự sử lệ khoa công khoa cấp sự trung", "Đốc thị bản hạt chánh sứ" sau thăng "Ngự sử Đài Thiêm đô". Tính ngài ngay thẳng, thanh liêm được Nhà vua phong tặng 4 chữ "Ngôn ngữ phong lăng". Sau tấn phong Anh nghị Đại vương. Trong một lần được Nhà vua cử đi xét ngục ở Nghệ An, ngài đã giải oan cho viên phủ bộ bị án tù. Viên thủ bộ là cha của bà Phan Thị Viên, á thất ngài Đinh Nho Hoàn sau này. Tương truyền cũng trong lần công cán này ngài đã cùng bà cưu mang nhận nuôi con của vị tướng công họ Tống; Gia phả họ Tống trấn ở xã Sơn Hoà có ghi:

"Theo quê mẹ về nơi Gôi Mỹ
Làm con nuôi Đinh Thị Đại vương"

Đinh Nho Hoàn là con của ngài Đinh Nho Công, đậu Hoàng Giáp năm Canh Thìn (1700), được cử giữ nhiều chức quan trọng như đốc trấn Cao Bằng. Ngài mới đến ở đây 5 tháng đã được dựng bia ghi công đức, gọi là "Đức Chính bia" (bia được dựng trước Hội quán). Ngài có làm một chiếc khánh, gọi là Khánh Mặc Trai treo ở thư phòng để tu luyện ý chí. Bài văn trên khánh do ngài soạn có viết: "Phàm vật tĩnh giả tịch, khấu giả thanh. Thánh chi tiết, đạm nhi tuấn, hữu tự phù ngộ nhân chi cao giã, Dư cố ai chi, hoá nhất phiến, huyền vu… tả mạnh chi biết: "Mặc Trai Khanh" di trường dư chí" (Lời dịch — xem phụ lục). Khánh hiện còn lưu giữ ở Đền Gôi.

Mùa thu 1715, Ngài được cử làm phó sứ trong Đoàn sứ bộ sang Tàu. Trước khi đi ngài về quê sắp xếp việc nhà rồi dặn dò con cháu: Mặc Tử tôn —

Tu trung hiếu, phác hậu
Thanh kiệm, lạc bần
Tiến vi nghĩa sĩ, thối vi lương nông
Vật kiêu dâm, vật phạm thượng
Vật tranh tụng, vật đổ bác
Phương khả cận tư am
(Lời dịch: xem phụ lục)

Trên đường đi sứ, Ngài làm thơ, ngâm vịnh ghi lại thành tập "Mặc ông sứ tập". Xong việc, trên đường về, ngài lâm bệnh và mất dọc đường. Vua Tàu lấy làm thương tiếc lấy lễ Trung lao để tế ngài, ngự văn viết như sau:

Y! nam giao chi nhân hề
Nhân hề bất sinh
Sinh ư khoa mục
Kỳ sinh dạ vinh
Y! Nam giao chi nhân hề
Nhân thuỳ bất tử
Tử ư Quốc sự
Kỳ tử do sinh
Trẫm điện tam bôi
Khanh kỳ hữu linh
(Lời dịch: Xem phụ lục)

Sau đó sai hộ tống về nước. Triều đình Nhà Lê lấy làm thương tiếc, tế ngài rất hậu; Văn tế có đoạn: "Duy công, hệ xuất thế gia, danh cao giáp đệ. Ngu đình tức mục, tấn tương tự…, để mô, chu đạo uỷ trì, mận miễn các cần ư vương sự". Triều Lê đặc tặng lên chức "Kim tử Vinh lộc đại phu, lễ bộ tá thị lang, tá trị thượng khanh, thọ Sơn tử, thuỵ gián tịnh". Đời Cảnh hưng tấn phong "Đắc đạt Đại vương".

Ngài có 2 người con gái (con bà cả) đều gả về Nghệ An, trong đó có một người là Chính Thất Tiến sĩ Nguyễn Trọng Thường. Nguyễn Trọng Thường (1681–1735), hiệu Cừu Đường, ngụ ở làng Trung Cần (nay là xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An) — 32 tuổi đậu Tam Giáp đồng tiến sĩ Khoa Vĩnh Thịnh thứ 8 (1712) làm Quan đến chức Hữu thị lang bộ lại. Đã từng được cử đi sứ nhà Thanh. Sau khi nhạc phụ (Đinh Nho Hoàn) mất, ông thu thập các di cảo và biên tập thành sách "Mặc ông Sứ tập".

Trong lời dẫn cho tập sách, ông viết có đoạn: "Tôi thường đau buồn thương tiếc bèn tìm trong rương tráp cũ do triều đình cho chuyển về nhà, tìm được bản thảo viết tay của cụ để lại, chữa xếp thành từng bài, kính cẩn đặt tên là "Mặc ông Sứ tập", nhân đó ghi chú những điều được biết để tiện xem đọc ngõ hầu làm cho di chí của cụ được sáng rệt với đời sau vậy".

Bà Phan Thị Viên, Á thất của ngài vốn là con út quan Thủ bộ, quê ở Hưng Nguyên. Vì cảm công ơn cứu mạng của ngài Đại vương phụ mà quyết gả con gái út cho ngài. Qua mấy bài thơ tặng chồng lúc đi sứ chẳng những thấy rõ được tài thi phú mà còn thể hiện được đức tính chung thuỷ, tận trung với nước, luôn động viên chồng làm tròn quốc sự. Khi được tin chồng mất bà có trốn tránh vẫn cuối nối như không làm mọi người dị nghị. Đến lúc quan tài về nước bà mới biểu lộ thương xót, làm thơ khóc chồng, thơ tạ mẹ, tạ bà cả rồi tuẫn tiết theo chồng.

Việc đến tai Nhà vua. Vua sai cấp biển đề "Tiết phụ" treo trước cửa và cấp ruộng đất để phụng thờ, dân làng lập đền thờ bà, thường gọi là Đền Bà Tiết Nghĩa (tức Đền Gôi Mỹ thuộc xã Sơn Hoà).

Đinh Nho Côn là em cùng cha khác mẹ với ngài Đinh Nho Hoàn. Đậu giải nguyên, nhưng có tài quân sự, bổ sung nghề võ, ông được chúa Trịnh Doanh cử làm Đốc lĩnh Nghệ An đông quân ở Kỳ Hoa (Kỳ Anh). Ngài là một tướng tài được Nhà vua tấn phong "Hương nghĩa hầu, đốc lĩnh binh". Con cháu ngài về sau ngụ cư ở huyện Thanh Chương (Nghệ An).

Bốn vị phúc thần (trang 11)

Như vậy, sau khi ngài Nho Công khai khoa cho dòng họ, 2 con là Nho Hoàn, Nho Côn và dâu là bà Phan Thị Viên đã có những đóng góp cho đất nước, làm vẻ vang cho dòng họ. Sau này, cả 4 cha con đều được sắc phong Trung Đẳng thần:

+ Đinh Nho Công: Anh nghị Đại vương, Đoan túc dực Bảo trung Hưng phúc thần

+ Đinh Nho Hoàn: Đắc đạt Đại vương Tuấn hưng lương trực, Đoan túc dực Bảo Trung hưng phúc thần

+ Phan Thị Viên: Trinh nhất phẩm ôn nhàn Lương tịnh thục diệu nhàn uyên đục bảo Trung hưng phúc thần

+ Đinh Nho Côn: Tổng binh Đồng tri Hương nghĩa hầu; Đoan Túc đục bảo Trung hưng phúc thần

Trong lịch sử, thật hiếm có một gia đình có đến 4 cha con được phong trung đẳng thần. Trong bài tán, cử nhân Đinh Nho Quang, tuần vũ Hưu trí (đời 14) có viết: "Trên họ nước, dưới che dân / Một nhà 4 vị phúc thần vinh bao"

Đinh Nhật Thận và các thế hệ tiếp nối (trang 11)

Chi thứ có Ngài Đinh Nhật Thận (1815–1866) đời 11 là chắt nội ngài Đinh Nho Côn; ngài đậu Tiến sĩ năm 1838, cùng Cao Bá Quát chống lại triều đình. Cao Bá Quát bị chém, ngài bị tống ngục. Trong tù ngài viết tác phẩm "Thu dạ lữ hoài ngâm". Giáo sư Đặng Thai Mai đánh giá: đây là một trong 4 khúc ngâm hay nhất của văn học cổ điển nước ta (Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm, Truyện Kiều, Thu dạ lữ hoài ngâm).

Đời 14 có 2 anh em là ngài Nho Quang, Nho Điển (dòng Chi trưởng) nổi tiếng học giỏi. Ngài Nho Điển (1848–1885)* đậu Tiến sĩ Khoa Ất Hợi 1875, được cử làm Hình bộ sự vụ, Triều Nguyễn sắc phong "Hương bộ tự khanh". Theo Hồi ký của Đặng Thai Mai thì Cụ Hường Đinh Nho Điển uất ức mà chết lúc Tây lấy tỉnh Thừa Thiên hồi cụ làm ngự sự trong kinh (trang 153 — Hồi ký của Đặng Thai Mai).

Ngài có một người em [gái] lấy chồng là Đặng Thai Giai (bố Đặng Nguyên Cẩn), bà là bà nội của Đặng Thai Mai. Trong Hồi ký, Đặng Thai Mai dàn hằn một chương viết về bà nội, ca ngợi công lớn của bà trong việc giáo dục ông để sau này ông thành đạt; bà còn có công giúp đỡ phong trào cách mạng của Phan Bội Châu, các chí sĩ coi bà như một đồng chí. Đặng Thai Mai viết: "Nhờ có bà với những đức tính cao quý và vững chãi hiếm có, đã biết là tình thương bao la và sức chịu đựng mọi gian khổ trên đường đời một cách cương quyết và thầm lặng mà tôi đã hiểu, đã kính phục cái sức mạnh kín đáo phi thường của Người phụ nữ Việt Nam" (trang 377).

Cũng dòng đời 15 chi thứ có 2 anh em là Đinh Nho Thục, Đinh Nho Bộc hoạt động chống Pháp trong phong trào Đông…, Trong Việt Nam Nghĩa Liệt sĩ có viết về Đinh Doãn Tế (tức Đinh Nho Thục), đại ý: Ngài bị bệnh trên đường sang Xiêm với Phan Bá Ngọc. Lúc bệnh… thì chỉ nói: "Giết giặc Pháp! Giết giặc Pháp! Cho đến lúc tắt hơi (năm Canh Tuất 1910). Trong thơ điếu của Phan Bội Châu có viết…

Ghi chú: **Bản gốc trang 11 in nhầm "(1848-1845)" — sửa thành (1848–1885) cho khớp với trang 185 (sơ đồ) và trang 226 (bài Hồ Hữu Phước).*

Thế kỷ XX: cách mạng và kháng chiến (trang 10, 12)

Ngài Đinh Nho Chấn là một danh y nổi tiếng trong vùng (thường gọi là cụ Hàn Cổng - đời 15). Trong quá trình chấn hưng ngài có công biên soạn cuốn "Trung Việt dược tính hợp biên" hiện còn lưu giữ ở Thư viện KHXH.

Đến năm 1930, khi có Đảng của Giai cấp công nhân lãnh đạo, nhiều con cháu họ Đinh đã sớm giác ngộ Cách mạng ngay từ những ngày đầu như Đinh Nho Đang, Đinh Nho Khoách, Nguyễn Thị Tuyết, Cụ Đinh Nho Đang được sự "Gieo mầm cộng sản" của mẹ là Tôn Thị Bảy là chị Tôn Quang Phiệt, Tôn Thị Quế (là những nhà Cộng sản nổi tiếng) — Cụ Đang (1910–1972) năm 1926–1927 đã tham gia Tổ chức Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội. Năm 1930, ngài Đinh Cộng sản Đông Dương 1930, tham gia tích cực trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh; năm 1931 là bí thư huyện uỷ Hương Sơn. Cụ Tuyết là cán bộ lão thành cách mạng, 40 tuổi đảng. Bà Nguyễn Thị Phúc có bà nội là bà huyện Nghi Lộc, người họ Đinh con cụ Nho Đồng đời 14, thường gọi là Cố Huyện, là vợ trước cụ Đinh Xuân Đại, đã từng giúp đỡ, che dấu cán bộ, giúp đỡ một số đảng viên hoạt động ở Sài Gòn như Hà Huy Tập, Trần Ngọc Danh, Nguyễn Khoa Hiền. Cụ là thân sinh nhà thơ Quỳnh Dao và Giáo sư Tiến sĩ Đinh Phạm Thái.

Cụ Đinh Nho Huề (đời 16, chi thứ) đã từng tham gia các hoạt động yêu nước trong thời tiền khởi nghĩa như giúp việc in ấn, che dấu cán bộ, giúp đỡ một số đảng viên hoạt động… Trong giai đoạn này, nhiều con cháu trong khi làm công chức cho chính quyền Pháp hoặc Nam triều, cũng đã giác ngộ Cách mạng, tìm cách giúp đỡ cho phong trào và một số đồng chí như ông Đinh Nho Khôi, Đinh Xuân Thịnh, ông Khôi (1910–1988) đã được công nhận là lão thành Cách mạng. Trước hoạt động ở vùng Cực Nam trung bộ và Nam bộ (1943–1944). Sau 1954 tập kết ra Bắc làm Tổng Biên tập báo Thủ đô Hà Nội (nay là Hà Nội mới).

Sau khi nước nhà giành được độc lập trải qua 2 cuộc kháng chiến giữ nước, nhiều con cháu họ Đinh đã lên đường tòng quân giết giặc theo tiếng kêu cứu của tổ quốc… [22 liệt sĩ — xem danh sách phụ lục, trong đó liệt sĩ Đinh Văn Sỹ, mẹ là Nguyễn Thị Kế được phong tặng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng]. Nhiều con em đã trưởng thành trong chiến đấu và công tác trở thành vị chỉ huy quân sự cao cấp hay sĩ quan quân đội như Đinh Nho Liêm — uỷ viên trung ương Đảng, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại giao, về hưu; ông Đinh Xuân Vịnh là em ông Đinh Nho Bính, bà Đinh Thị Tường; Đậu thành chung thời Pháp, làm Thông phán toà sứ ở Vinh, đỗ cử nhân, có nhiều công trình nghiên cứu; ông Đinh Xuân Lâm là cháu họ với hơn 350 công trình; các Giáo sư Đinh Nho Chương, Đinh Nho Dũng, Đinh Thị Khương, Đinh Thị Oánh; Giáo sư Tiến sĩ Đinh Phạm Thái là cán bộ Khoa học có uy tín, từng được giao công trình mạ 8 chữ vàng "Không có gì quý hơn độc lập tự do" ở Tiền sảnh Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Theo thống kê chưa đầy đủ, chỉ tính từ sau cách mạng tháng 8 lại nay họ ta đã có: Tiến sĩ: 18 · 7 thạc sĩ · Cử nhân: 68 · đang học Đại học trên 60.

Kết (trang 12)

Thành đạt trên con đường học tập có Đinh Việt Anh từ nhỏ đã cố gắng vươn lên họ giỏi. Hiện đang theo học Đại Học Xã hội và Nhân văn, là một trong 10 gương mặt thanh niên Tiêu biểu của tỉnh Hà Tĩnh. Phần lớn những người này đều do cố gắng quyết chí tự học tự cường mà nên và khi đã công thành danh toại vẫn giữ được nếp sống thanh kiệm sạch trong như lời Tổ huấn đã dạy.

Đặc biệt truyền thống nổi bật của họ Đinh Nho qua các giòng đời là "Vượt nghèo, vượt khó, tu dưỡng, tu chí học hành" lấy nghĩa nước làm đầu. Lấy tinh dân làm trọng theo đúng nghĩa "Tu trung hiếu, phác hậu thanh kiệm, lạc bần Tiến vi nghĩa sĩ, Thối Vi Lương nông".

Nét đẹp đó thể hiện trong cả con trai con gái, con dâu, con rể của dòng họ và có thể nói sự thành đạt khá toàn diện trong hầu hết mọi lĩnh vực Chính trị, Quân sự, Văn hoá, Khoa học thật xứng đáng là một dòng họ có truyền thống ở vùng đất Hương Sơn.

Đoàn kết thân ái hợp tác tôn trọng các họ khác. Trong thời kỳ đổi mới con cháu phải học tập tu dưỡng năng cao năng lực làm kinh tế. Vì ích nước lợi nhà, vì dân giàu nước mạnh. Ngay nội dung cụ tổ "Nghĩa sĩ Lương nông": trong lời Tổ huấn của ngài phải hiểu theo nghĩa mới: đưa nhân tố công nghệ khoa học vào để có hiệu suất cao… để con cháu Họ Đinh Nho ta tăng cường chỗ mạnh, khắc phục chỗ yếu, xứng đáng với Tổ tiên với dân tộc vững bước tiến vào Thiên niên kỷ mới.

Mùa thu, năm Canh Thìn 8/2000 — Ban Biên Tập

NHÀ THỜ HỌ ĐINH NHO Ở GÔI MỸ (HƯƠNG SƠN) — NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỘC BIỂU VÀ CON CHÁU Ở VÙNG QUÊ

Tóm lược trung thành (trang 13–18):

Lịch sử nhà thờ

Họ Đinh Nho từ đời vị sơ tổ Tả hiệu điểm công tây hầu Đinh Phúc Diên vào lập nghiệp khoảng 1543–1546 lại nay đã gần 500 năm, phát triển dòng họ ở Hương Sơn đã 20 đời. Lúc đầu Ngài Phúc Diên lập cư tại làng Bình Hoà (nay là xóm 3 xã Sơn Hoà, vườn ông Thực); đến đời ngài Đại vương Hầu Thiên đô Ngự sử Đinh Nho Công thì con cháu xuống lập nghiệp ở làng Gôi Mỹ, xóm Đồng Vực (nay là xóm 9 xã Sơn Hoà) và lập đền thờ, thờ phụng tổ tiên ở đây. Trong gia phả "Hương yên phổ tự" không ghi lại lập lúc nào (ghi chú tay trên bản gốc: "vào năm nào, những theo chi tiết nói về ngài Đại Vương tử lập Am Mặc trai cạnh nhà thờ, trong đó có câu "Phương hà cận tư am" thì chắc chắn nhà thờ họ ta có ít nhất từ thời Đinh Nho Công khoảng 1670").

Sau khi Ngài Đại vương tử mất đến năm 1717 (Đinh Dậu, niên hiệu Vĩnh Thịnh 13, Lê Du Tông) thì chắc chắn nhà thờ họ ta cũng được khang trang từ đó — sau khi bà thờ bà ở Đền Gôi Mỹ năm 1717, cấp ruộng, lập đền thờ "Tiết phụ".

Đến năm 1922 (Nhâm Tuất, đời Khải Định), theo đề nghị của Ban tộc biểu, Nhà thờ được trùng tu do tốp thợ làng Trung cần (nay là Nam Trung, Nam Đàn, Nghệ An) xây cùng một lúc với đền Gôi về mặt tiền có hoa tiết giống nhau. Nhà thờ họ lúc đó gồm: một nhà thượng điện 3 gian gỗ lim, nội tập ngói vẩy âm dương; một nhà trung điện theo kiểu nhà một mái. Mặt tiền nhà Trung điện có 2 đôi câu đối.

Nhà thờ họ ta có 3 chức năng: 1. Gia hiếu tự — Quốc trung thần, sự nghiệp huân du bính hành tam bách niên thiên hạ; 2. Sinh vinh danh — Tử hiển hiện, tinh thần mạnh mạnh thẳng thắng ức vạn thế vận nhưng; 3. Tổ khảo tỵ tinh thần như tại thượng, tại tả hữu, tương thân đồng khí, huyết như kỳ thân, kỳ tử tôn.

Nhà hạ điện thường gọi là Bái đường rộng 3 gian lim mít, lợp ngói vẩy âm dương. Phía bên tả có nhà thờ Hầu tả (thường gọi là nhà thờ Hậu tả) cũng có thượng điện và bái đường. Toàn bộ khuôn viên có khoảng 3 sào đất, tường gạch, sân gạch đầy đủ; phía trước có cổng lớn, trên đề 3 chữ: "Lai dạ viễn" và có 2 câu đối:

1. Tiêu liêu cư tử cái cao môn phúc lí tu lập / Hoả truyền đạ hân, trì bách thế khí mạch, tương nhuần

2. Môn địa cao khả dư / Thiên trụ hữu dị tôn

Tất cả hướng về phía chính đông. Bàn về vị trí này của dương cơ họ Đinh, trong quyển "Địa lý" của Vương dư Dụ (quê ở xã Nam Kim, Nam Đàn, Nghệ An) do ông Đinh Nho Hoài sưu tầm được, có đoạn viết: "Dương cơ họ Đinh Nho ở Gôi Mỹ, An ấp, huyện Hương Sơn từ các Tiến sĩ Lê Triều như Đinh Nho Công, Đinh Nho Hoàn, đến triều Nguyễn như Đinh Nho Quang, Đinh Nho Hương (tức Nho Điển — chú thích của người chép) đều là thuộc thế bàn long tả cục: …chủ mạch đất từ bên trái chảy sang trường viễn, lấy hồi long làm án, lấy triều nước bên trái vòng sau Huyền vũ mà thoát đi làm kết các long vòng quanh bên trái là thế đất bàn long tả cục".

Lễ tế và việc họ qua các thời kỳ (trang 16)

Lễ tế tổ hàng năm được tổ chức trọng thể, con cháu về đông đúc. Lễ tế thường năm là các ngày kỵ nhật của các vị sơ tổ, thế tổ và các vị phúc thần. Kinh phí lễ tế tổ dựa vào mấy mẫu tộc điền, cho con cháu cày thu hoa lợi. Vào tiết lập xuân, tảo mộ đầu năm. Sau cách mạng tháng 8, theo chủ trương của Chính phủ, năm 1948, nhà thờ của các tiểu chi đều hợp tự tại Nhà thờ lớn, kể cả nhà thờ chi họ con dòng ông Nho Thận do ông Nho Tuấn (tức ông Cu Đắc) làm tộc trưởng cũng đều hợp tự về đây. Để phù hợp với tình hình, họ cử ra một ban quản lý để lo việc tế tự, thu hoa lợi hàng năm gồm các cụ Đinh Nho Kiên (ấm Thuyên), Đinh Nho An (Bá Yên), Đinh Nho Cẩm, Đinh Nho Bá, Đinh Nho Tiến…

Trong thời gian 1945–1960 có hai việc cần được nêu ra để con cháu rõ:

Việc thứ nhất — Bảo vệ ngôi mộ tổ ở Sơn Tiến: Khoảng đầu năm 1947 có một người ngoại tộc đã tin vào một thầy địa lý nào đó, bày cho ông ta muốn phát phú, phát quý thì phải cải táng cha mẹ đặt chung cùng mộ Tổ họ Đinh ở Rú Trai. Được tin, Ban Quản lý đã họp, một mặt viết tờ trình lên Uỷ ban; Kháng chiến hành chính xã Sơn Tiến nhờ can thiệp, mặt khác họ lập một đội Thanh niên hăng hái vào trực để bảo vệ phần mộ. Đội gồm có 20 người như các ông Đinh Nho Cơ, Đinh Nho Tứ (tức Dương), Đinh Nho Chiêm, Đinh Nho Tiu (tức Toản), Đinh Tuấn Lợi; đặc biệt có cố Nho Nghiêm (thường gọi là cố Viêm) tuổi cao nhưng không ngại mưa rét vẫn vào núi và quyết tâm liều thân cho tổ. Nhờ sự can thiệp của Chính quyền địa phương và sự quyết tâm của con cháu nên việc của ông kia không thành. Sau này, họ đã biểu dương cụ Viêm và thưởng cụ hai phương lúa (đơn vị đo lường lúc đó).

Việc thứ 2 — Bảo vệ Nhà thờ họ: Sau năm 1953 do nhiều tác động bên ngoài nên một số người đã có chủ trương giảm bớt phần tế ngự, thu gọn nhà thờ Đại tôn. Họ đã bán nhà thờ Đức Hầu tả (sau khi hợp tự, đã chuyển sang nhà thờ chính, lúc đó chỉ làm kho đựng lúa họ). Song song với việc này những người đó cũng chủ trương chặt phá bán luôn các cây cổ thụ ở Lăng Sân Trà (nơi đặt mộ Đại Vương tử), biến lăng như một khu rừng cổ thụ thành bãi đất hoang trơ trụi. Nhân đó cũng muốn bán luôn nhà bái đường và Thượng điện. Trước tình hình đó, cụ bà tộc trưởng đời thứ 16 (thường gọi là bà Cụ Hồ) đã kiên quyết

không đồng ý, tìm mọi cách để ngăn cản. Việc này được một số vị bô lão có tâm huyết ủng hộ nên cuối cùng không bán phá nhà thờ được. Nhờ vậy, mà nhà thờ họ ta vẫn còn lưu giữ được đến ngày nay (trừ nhà thờ Đức hầu tả đã bị bán).

Đến năm 1970, một số cụ trong họ như Nho Bính, Nho Huề, Nho Khoách, Nho Đào, Nho Trương đã họp bà con trong họ để bàn củng cố việc họ. Hội nghị này đã quyết định cho ông Đinh Nho Quỳ (tộc trưởng của họ) nhà hạ điện, tức nhà Bái đường… Kể từ 1970 trở đi, việc họ bắt đầu được củng cố. Để điều hành công việc, họ bầu Ban tộc biểu gồm các ông: Đinh Xuân Bính, Đinh Nho Khoách, Đinh Nho Trương, Đinh Nho Lục và Đinh Nho Quỳ. Sau khi ông Khoách, ông Bính mất, họ bầu bổ sung và mở rộng thêm đại biểu các chi và các vùng ngoài xã gồm có các ông: Đinh Nho Cừ, Đinh Nho Hán (Sơn Lễ), Đinh Nho Hiếu, Đinh Nho Nghị. Sau này một số cán bộ về hưu đã hăng hái tham gia việc họ, bổ sung vào Ban Tộc biểu như Đinh Nho Cơ, Đinh Nho Phương (Sơn Bình), Đinh Nho Mai (Sơn Trường), Đinh Nho Thanh, Đinh Nho Điu, Đinh Nho Kỳ, Đinh Nho Phi, Đinh Nho Bàng, Đinh Nho Chiến, Đinh Nho Nghi, Đinh Nho Lục (Thượng Hoà).

Hoạt động của Ban tộc biểu (trang 17)

1. Củng cố việc tế lễ hàng năm. Định kỳ là 2 ngày: Tết Nguyên đán và Trung nguyên. Từ năm 1990, theo đề nghị của Ban, được con cháu nhất trí đóng góp quỹ hàng năm để tảo mộ và tế tổ. Hàng năm ngoài 2 ngày trên, họ lấy ngày 9 tháng giêng — ngày mất của vị sơ tổ Phúc Diên — làm ngày đại lễ. Từ đó lại nay, ngày 9 tháng giêng trở thành ngày hội tụ con cháu mọi miền hướng về gốc tổ dâng nén hương thơm, chiêm niệm công đức tổ tiên và vui cùng nhau chén rượu đầu xuân ấm tình đồng tộc.

2. Quy tụ các ngôi mộ ở các nơi về Khu mộ tổ Áng phần theo chủ trương của địa phương:

— Ngày 10/2/1974: cải táng mộ sơ tổ ở xóm Cống

— Ngày 28/7/1974: cải táng mộ ở Cồn xếp

— Ngày 7/3/1976: cải táng mộ ở lăng Sân trà

— Ngày 8/7/1977: cải táng mộ ở Sơn Long

— Ngày 16/12/1979: cải táng mộ ở Rú Trùa, Cồn trọt

— Ngày 24/4/1985: cải táng mộ Đại vương tử

Sau khi quy tụ, mộ tổ họ ta (từ đời 12 trở lên) tập trung lại ở 4 nơi là: áng phần (Sơn Hoà), Lòi Chim Chim (Sơn Bằng), Rú Trai (Sơn Tiến) và Phúc Đậu (Sơn Phúc).

Năm 1993, Ban tộc biểu đã động viên con cháu xây dựng các khuôn viên của 4 khu mộ Tổ trên: 1993 — xây mộ tổ ở áng phần, có đôi câu đối ở cổng: "Tiến vi nghĩa sĩ, thối vi lương nông"; ở đây có các vị sơ tổ, mộ Đại vương tử và bà cả, mộ Đốc lĩnh Hương nghĩa Hầu Nho Côn, Già tiên nhân Nho Trạch, ngài Thái Lăng, ngài Nho Thận, cùng các bà vợ của các vị tiên liệt trên. Năm 1994, cùng họ Nguyễn (Sơn Bằng) xây mộ tổ ở Lòi Chim Chim — đây là ngôi mộ to đời thứ 2 là ngài Phúc Trường cùng hợp táng với Nhị thế tổ họ Nguyễn; câu đối ở cổng phần mộ: "Điều lĩnh chung linh địa / Khai nguyên kế thế khoa". Cũng trong năm 1994, xây mộ tổ ở Rú Trai — mộ ngài Phúc Khánh (ông bà nội Đại vương phụ Đinh Nho Công), tương truyền là cát địa do Ngô tiên sinh điểm huyệt; câu đối ở cổng: "Khởi thuỷ do Linh địa / Khai nguyên kế thế khoa". Năm 1996, xây mộ tổ ở Phúc đậu — phần mộ ngài Đại vương phụ và cha mẹ Ngài là Đinh Hữu Luân và Lê Thị Đô; câu đối ở phần mộ: "Vạn thế minh tinh chiếu / Thiên thu linh mạch tồn".

Trùng tu nhà thờ và hoàn chỉnh gia phả (trang 18)

3. Tu sửa nhà thờ họ 2 đợt: Đợt 1 năm 1984 — đảo ngói và sửa móng. Đợt 2 năm 1998 — đây là đợt tu lý khá quy mô: nâng cao và chuyển nhà thượng điện, nối rộng 3 mét, cải tạo nhà Trung điện (giữ nguyên mặt tiền), làm thêm trung gian giữa Trung và thượng điện để tạo bệ cúng rộng rãi và đảm bảo sự hài hoà của công trình. Nhà Thượng điện các tế khí đã bị hư hỏng, mất mát nhiều; hiện còn lưu giữ được: Bức Đại tự "Thế đức từ", Khám thờ "Đại vương phu" và một số bài vị, linh vị của các vị phúc thần (chuyển từ Đền Gôi về). Đáng tiếc là có 2 đôi câu đối do ông Nghè Chấp (Nghi Lộc) đề tặng bị mất.

4. Viết lại, chỉnh lý, bổ sung gia phả đến đời 20: khoảng 1971 Gia phả đã được sao lục lại trên cơ sở "Hương yên phổ tự" nhưng không đầy đủ. Nay theo nguyện vọng của con cháu, gia phả được viết lại có tính khoa học, công phu và đầy đủ hơn.

Để làm được những việc nói trên, trong những năm qua, Ban tộc biểu đã động viên con cháu kẻ công người của với tấm lòng thành kính hướng về Tiên tổ và sự thành đạt của dòng họ. Chủ trương đó chẳng những được con cháu vùng quê hưởng ứng mà con em ở xa như Hà Nội, Vinh, thành phố Hồ Chí Minh, cả ở nước ngoài như Lào, Pháp, Mỹ hưởng ứng tích cực. Chẳng những con cháu nội tộc mà con cháu ngoại cũng góp phần. Ban tộc biểu đã lập sổ ghi chép lại đầy đủ và niêm yết tại nhà thờ để mọi người cùng biết.

Nhân dịp làm bộ tộc phả Họ Đinh Nho năm nay, năm Canh Thìn 2000, xin được ghi lại đôi nét về quá trình xây dựng trùng tu, tôn tạo Nhà thờ và phần mộ, cũng như những hoạt động của con cháu ở vùng quê về việc giữ gìn và phát huy truyền thống từ sau Cách mạng tháng 8 đến nay để sau này con cháu được rõ. Đây cũng là nén hương thơm tỏ lòng thành, kính báo, đền ân sự sinh thành, dưỡng dục của Tổ tiên vì đã giữ được những di chỉ quý giá của cha ông từ dương cơ, nhà cửa, phần mộ, phát huy được những điều răn dạy của tiền nhân.

Mùa thu Canh thìn — Tháng 8 năm 2000 — B.B.T

PHẦN B — TẬP 1

Đời 1–8 và Chi Trưởng (A) đời 9–19 (trang 19–98)

GIA PHẢ HỌ ĐINH NHO Ở HƯƠNG SƠN

PHẦN B — GHI CHÉP CÁC DÒNG ĐỜI

TẬP 1: Đời 1–8 (thời kỳ chưa phân chi) và Chi Trưởng đời 9–19

Trang 19–98 của bản gốc (Canh Thìn 2000) — đọc bằng thị giác, không qua OCR

Cấu trúc tập này: (1) đời 1–12 được chép lại đầy đủ; (2) đời 13–19 chép các tiểu sử có niên đại/chức danh, kèm toàn bộ 80 ảnh trang gốc theo thứ tự để đối chiếu từng chữ — các mục ngắn (tên/vợ/con) đã có đủ trong tập Sơ đồ phả hệ.

ĐỜI THỨ NHẤT ĐẾN ĐỜI THỨ TÁM (THỜI KỲ CHƯA PHÂN CHI)

ĐỜI THỨ NHẤT — ĐINH PHÚC DIÊN

Tên chữ ngài là Phúc Diên, từ huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình về lập nghiệp ở đất Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi đầu tiên ngài đến là thôn Bình Hoà, nay thuộc xã Sơn Hoà. Dẫu phải mưu sinh bằng việc khai hoang ở xứ Thác Lác, Tham Chàng nhưng ngài vẫn nuôi chí lớn phù Lê diệt Mạc mà trước đó việc vỡ lở chưa thành. Ngài kết giao với Phạm Phúc Kính, thuỷ tổ họ Phạm ở đất Sơn Bằng phất cờ diệt Mạc. Vì có công phù Lê, ngài được phong tước "Tả hiệu điểm Công tây hầu". Cần cù trong lao động, sống thanh bạch, kiệm cần, lấy nghĩa nước làm đầu, lấy tình dân làm trọng là những đức tính quý báu, làm nền móng cho cả dòng họ sau này.

Ngài thọ: 93 tuổi

Kỵ nhật: ngày 9 tháng giêng — hàng năm đến ngày này, con cháu, dâu rể tập trung đông đủ tại nhà thờ họ để tế tổ và các vị tiên liệt

Mộ: trước an táng tại xóm Cống, xã Sơn Thịnh; nay được di về khu lăng mộ lớn nhất của họ ở Núi Áng phần thuộc xã Sơn Hoà

Vợ: ngài có 2 bà đều cùng họ Lê. Bà cả thọ 85 tuổi, kỵ nhật 5 tháng 4; mộ bà trước cũng ở Sơn Thịnh, nay đã di về cùng khu mộ với ông

ĐỜI THỨ HAI — ĐINH PHÚC TRƯỜNG

Tên chữ ngài là Phúc Trường, kính vâng phụ huấn, thọ nghiệp với Trần Tiên sinh ở châu Ái. 24 tuổi đậu Ưu tú trường, 27 tuổi thi Xã sách lại đỗ cao. Ham dẫn dụ lớp hậu tiến nên trong môn hạ ngài thành đạt rất nhiều.

Ngài thọ: 60 tuổi — Kỵ nhật: 18 tháng 7

Bà: người họ Lê, thọ 73 tuổi — Kỵ nhật: 13 tháng 9

Lăng: của ông bà được táng tại lòi Chim Chim, thôn Yên Nghĩa, xã Hữu Bằng (nay là xã Sơn Bằng)

Ghi chú tay trên bản gốc: "Nói được xem là đất Địa cát 'Kế thế Đăng Khoa - Đại đại bất truyệt'".

ĐỜI THỨ BA — ĐINH PHÚC BẢO

Tên chữ ngài là Phúc Bảo, 19 tuổi đậu Tú trường; sau khi thi xã sách không đỗ ngài chuyển sang làm nghề thuốc mong giúp dân chống lại bệnh tật, giữ gìn sức khoẻ. Làm nghề thuốc ngài lấy nhân đức làm đầu: "Không kể sớm hôm, khuya tối, hết lòng cứu chữa người bệnh, người nghèo người cho không không lấy tiền", nhiều người đội ân đức của ngài.

Ngài thọ: 73 tuổi — Kỵ nhật: 25 tháng 6

Bà: người họ Lê, thọ 63 tuổi — Kỵ nhật: 10 tháng 4

Lăng mộ: của ông bà đến nay chưa rõ

ĐỜI THỨ 4 — ĐINH CHÍNH TÍNH

Tên chữ ngài là Chính Tính, 20 tuổi đậu Tú trường, tính khoan hoà, có lượng lớn, trong hương lý nương ngài như trụ đá.

Ngài thọ: 71 tuổi — Kỵ nhật: 14 tháng 8

Bà: người họ Dương, thọ 76 tuổi — Kỵ nhật: 18 tháng giêng

Lăng: của ông bà được táng tại núi Ngọc Sơn thuộc xã Dị ốc (nay là xã Sơn Long); hiện nay con cháu đã di về lăng mộ Tổ ở núi Áng Phần xã Sơn Hoà

ĐỜI THỨ NĂM — ĐINH PHÚC KHÁNH

Tên chữ ngài là Phúc Khánh, tính khoan hoà, hiếu hạnh, 25 tuổi đỗ tư trường. Sẵn có cơ nghiệp lại không ganh tị với ai, chỉ lo làm việc thiện nên người trong làng ai cũng mến phục. Về sau ngài tự xuất gia xin tu lý ở Chùa Thanh Uyên. Ngày ngày bầu rượu, túi thơ, ông trúc đường tơ, ngự chiếc thuyền con cạy bát bên giang lấy làm thích chí. (Nguyên xưa sông đi từ xã Phúc Dương rồi chuyển qua… làng Mân Xá.)

Ngài thọ: 82 tuổi — Kỵ nhật: 19 tháng giêng

Bà: người họ Nguyễn, con nhà thi thư, thọ 74 tuổi — Kỵ nhật: 20 tháng 2

Mộ: của ông bà ở núi Trai Sơn, thôn Tri Lễ (nay thuộc xã Sơn Tiến). Mộ này do Ngô tiên sinh (tức Ngô Tịnh, thầy địa lý giỏi bên Tàu) điểm huyệt

Ghi chú tay trên bản gốc: "Đây là đất 'Địa cát' 'Kế thế Đăng Khoa'".

ĐỜI THỨ SÁU — ĐINH HỮU LUÂN (1602–1676)

Ngài Hữu Luân sinh giờ ngọ ngày mồng 7 tháng 5 năm Nhâm Dần (1602) dưới niên hiệu Hoằng Định thứ hai đời vua Lê Kính Tôn.

Ngài chăm chỉ học hành, có tiếng tăm rất sớm: 16 tuổi đậu Tú trường (1617), 19 tuổi đã dự vào Năng Văn bộ ở bán phủ (1620). Gặp lúc cõi Nam có giặc, ngài xuất gia đình ra công dẹp giặc cứu nước. Cảm công đức của ngài, vua cho làm chức Huyện tá Đông Ngạn. Ngài tới huyện, không chút sao nhãng việc công, hết lòng chăm lo cho dân, nổi tiếng là quan thanh liêm; cả ông bà sống đầy nhân nghĩa được dân bản địa hạt kính nể, khâm phục. Vừa lúc có một chiếc tàu khách (tức người Tàu) bị bão tố trôi dạt vào đây. Sẵn mối từ tâm, ông ra tay cứu vớt, cho quần áo tiền gạo trở về quê. Bảy tháng sau, những người khách ấy đem sang một thầy phong thuỷ nổi tiếng bên Tàu, tạ ngài rằng: "Đội ơn tái tạo của ông, không dám đem vàng ngọc tạ lòng trong trắng nên chúng tôi đem vị tiên sinh này ở bản quốc để phát phúc cho nhiều người song cốt để báo cái đức thiện của nhà ông. Xin ông nhận lời."

Ngài mừng rỡ không xiết, lấy làm cảm tạ, lập tức cáo bệnh từ quan rồi rước Ngô tiên sinh về quê. Một hôm ngài thưa với Ngô tiên sinh rằng: "Tiện gia này từ ái châu về đây gần tới trăm năm, đời đời độc đinh, trai gái muộn màng. Vả đời nào cũng vì sự học mà giáp khoa hoàng bảng chưa bõ công đèn sách thì nhờ tiên sinh định liệu thì may cho tiện gia này lắm". Vậy là ngài chỉ mong phá thế độc đinh và mong sự học hành cho con cháu. Ước nguyện đó về sau được thành đạt, đời đời kế tiếp con cháu đông vui, nhiều người đỗ cao.

Ngài mất: giờ tuất ngày 18 tháng 3 năm Bính Thìn (1676) niên hiệu Vĩnh Tự thứ nhất đời vua Lê Hy Tôn — Ngài thọ 75 tuổi

Bà: người họ Lê, huý là Đô, người xã Tuân Lễ; trong nhà họ một lòng cung thuận lại hay bố thí cho người nghèo. Bà thọ 82 tuổi, mất năm Quý Mão (1684)

Lăng: của ông bà hợp táng tại xứ Cây Hóp, thôn Phúc Đậu

ĐỜI THỨ BẢY — TIẾN SĨ ĐINH NHO CÔNG (1637–1695)

Ngài là người Khai khoa cho dòng họ. Tên huý là Tường, tên chữ là Nho Công. Ngài sinh giờ dần ngày 9 tháng 1 năm Đinh Sửu, niên hiệu Dương Hoà thứ 3 đời vua Lê Thần Tôn (1637).

Ngài nối dõi nghiệp nhà, chăm theo sự học: 14 tuổi đậu ưu tú trường (1650); 18 tuổi (1654) gặp thời cơ cản trở sang nghề cày. Cày bừa cấy hái việc gì cũng giỏi nhưng không sao nhãng việc học. Năm 1669 ngài đi thi hương thi phú đều ưu, đậu Giải Nguyên; song thi hội ngài đậu luôn Tiến sĩ (lúc ấy là năm Canh Tuất, năm Cảnh trị đời thứ 8 đời Lê Huyền Tôn 1670).

Trước hết ngài làm chức Giám sát, ngự sử lễ khoa, Công khoa cấp sự trung; rồi triều Thần bảo cử ngài Đốc thị bản hạt, trộm giặc yên ổn, chính sự công bình. Đối với dân làng, vì có kho lương ở ấp ta, dân thường khổ ải về việc vận tải, Ngài làm biểu xin cho Vận tải đường thuỷ được triều đình phê chuẩn, ai cũng đội ân đức ngài. Ngài có tiếng liêm năng được Vua ban thưởng tài đức của Ngài.

Sau đó lại sai đi những xứ Kinh Bắc, Sơn Tây giúp trị cùng quan chánh; Ngài còn đi phụng khảo sĩ nhân, Vua lại thưởng cho chức Khoá Thượng khảo. Tính ngài hay bài trừ bọn tham ô, cất nhắc người trung chính được thánh thượng đem lòng ưu ái, đề tặng 4 chữ "Ngôn ngữ phong lăng", thăng chức Thiêm đô Ngự sử. Lúc bấy giờ là niên hiệu Chính Hoà thứ 13 đời Vua Lê Hy Tôn (1692).

Ngài thụ chức: Thiêm đô được 4 năm thì mất, thọ 59 tuổi. Ngài mất giờ Dần ngày 27 tháng 2 năm Ất Hợi, niên hiệu Chính Hoà thứ 16 đời Lê Hy Tôn (1696)

Đến đời Cảnh hưng ngài được tấn phong Anh nghị Đại vương (về sau con ngài là Đinh Nho Hoàn cũng được tấn phong Đại vương nên thường gọi ngài là Đại Vương phụ). Bản triều gia phong: Đoan túc dực bảo Trung hưng — Phúc thần thờ ở đền làng Gôi Mỹ (xã Sơn Hoà).

Bà: người họ Đặng, con cả của nhà nho học, tính điềm tĩnh, sống trong sạch, ngày về làm dâu rất được con cháu, họ hàng kính trọng. Bà thọ 40 tuổi, mất giờ tuất ngày 17 tháng 10 năm Ất Hợi [bản gốc in "(1635)" — có lẽ nhầm; theo mạch văn là 1695]

Vợ thứ: ngài lại có một người vợ thứ cũng người họ Đặng. Không rõ ngày mất

Mộ: của Ngài Đinh Nho Công táng ở xứ Cây Hóp xã Phúc đậu (nay là xã Sơn Phúc); mộ bà ở xứ Cồn Xếp trong làng

ĐỜI THỨ TÁM — "GIÀ TIÊN NHÂN" HAY "TIÊN PHONG TIÊN NHÂN" — ĐINH NHO TRẠCH (1656–1711)

Ngài Đinh Nho Trạch, tên chữ là Thuần, sinh ngày 17 tháng 5 năm Bính Thân (1656) niên hiệu Chính đức đời vua Thần Tôn. Đậu Hương cống lúc 18 tuổi. Tính ngài hiền hoà, giúp đỡ dân làng nhiều việc lớn, dân làng ai cũng kính phục. Thời đó, quân Ai Lao (tức là nước Lào) đi triều cống nước ta, qua bản ấp thường gây nhiều những nhiễu phiền hà; ngài đã tâu lên trên xin

mở một con đường mới theo mé sông từ xã Phúc Dương suốt đến chợ Dương trai, giảm bớt phiền hà cho dân — không chỉ bản ấp mà cả nhiều xã khác đều được hưởng lợi. Về sau, ngài làm nhà trên núi Tiêu Sơn, vui chơi cùng sơn thuỷ sống như một ông Tiên nên người ta gọi ngài là "Già tiên nhân" hay "Tiên phong Tiên nhân".

Ngài thọ: 56 tuổi, mất giờ thân ngày 15 tháng chạp năm Tân Mão (1711) dưới niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 6
Bà: người họ Đặng, sinh năm Nhâm Thìn (1652), mất giờ Tuất ngày 28 tháng 3 năm Quý Mão (1723), thọ 72 tuổi
Lăng: của ông bà hợp táng tại xứ "Lăng cỏ thuộc bản ấp". Nay đã hợp táng ở Áng Phần

2. Đinh Nho Huân

Có tài, học hơn người nhưng mất sớm. Không rõ ngày sinh, ngày mất.

3. Hoàng Giáp — Đinh Nho Hoàn (1671–1716)

Tên huý của ngài là Toản, sinh giờ Thìn ngày 5 tháng 10 năm Tân Hợi (1671) niên hiệu Cảnh trị đời thứ 9 — tức là sau khi ngài Đinh Nho Công đỗ tiến sĩ vừa 1 năm. (Tiểu sử đầy đủ — học vị, sự nghiệp Đốc trấn Cao Bằng, sứ bộ 1715, các văn tế của ba triều đình — xem Phần A và Phụ lục "Chuyện kể, văn tế". Trang 23–24 của bản gốc chép tiếp tiểu sử này; ảnh đối chiếu kèm dưới đây.)

4. Quan viên tư — Đinh Nho Thận

Kỵ nhật: mồng 7 tháng chạp
Bà: người họ Bùi, kỵ nhật 1 tháng 7
(Thuỷ tổ Chi Thứ — tiểu sử các đời con cháu xem Tập 2: Chi Thứ, trang 99–170.)

5. Đinh Nho Thường

Cũng theo đòi Nho học, được giữ chức Tri huyện. Bà người họ Phan; con cháu về sau di dời đến ngụ cư ở Thuần Châu, Can Lộc.

6. Tổng binh Hương nghĩa hầu — Đinh Nho Côn

Trước ngài làm Tri huyện phủ La Sơn, quản quân đốc lĩnh ở Đông Thành, Lương Sơn. Ngài có công dẹp giặc Ngô ở Vũ Xương rồi thọ chức "Tổng binh Hương nghĩa hầu" thường gọi là Quan đốc lĩnh.

Ngài là người văn võ song toàn, có công đức với dân, với nước. Ngài đã cải tiến việc khánh chỉnh đúng theo thể chế, hợp với lòng dân, tránh điều phiền toái cho dân chúng.

Về sau, Ngài sang ở Đất Thanh Chương (tỉnh Nghệ An). Con cháu ngài đa số đều thành đạt; trong đó có chắt nội là ông Đinh Nhật Thận, một người văn võ song toàn, chí khí hơn người. Ông kết thân với Cao Bá Quát chống lại triều đình mục nát, ức hiếp dân lành. Khi Cao Bá Quát bị chém thì ông cũng bị tống ngục. Trong số thơ văn mà ông để lại, có một tác phẩm nổi tiếng là "Thu dạ lữ hoài ngâm" được đánh giá là một trong 4 khúc ngâm hay nhất thời bấy giờ. (Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc, Thu dạ lữ hoài ngâm.)

Ngài Đinh Nho Côn mất ngày 3 tháng chạp. Mộ được táng tại Am phần thuộc làng Gôi.

Cảm công đức ngài, nhà vua truy phong "Đoan túc dực bảo trung hưng phúc thần" cùng thờ tại Đền Gôi Mỹ. Vậy là Đền làng Gôi Mỹ thờ 4 vị thần của họ Đinh Nho, cùng một gia đình (cha là Đinh Nho Công, con là Đinh Nho Hoàn, Đinh Nho Côn và dâu là bà Phan Thị Viên — vợ ngài Đinh Nho Hoàn).

Bà: là người họ Văn
Đến đây, con cháu đã đông đúc, họ phân thành 2 chi: Chi trưởng (thuộc dòng Đinh Nho Trạch) — chi thứ (thuộc dòng Đinh Nho Thận).

CHI TRƯỞNG

ĐỜI CHÍN — Con Già Tiên Nhân sinh hạ: NHO THỰC (1679–1757)

Già tiên nhân sinh hạ. Con của ông Già Tiên Nhân là Huân đạo Quân Chiến, huý là Đam, tên chữ là Nho Thực. Ngài sinh giờ Tý ngày 16-5 năm Kỷ vị, dưới niên hiệu Vĩnh trị thứ 4 đời Lê Hy Tôn Tây Lịch năm 1679.

Ngài tính rộng rãi, người danh vọng. Có hơn 60 mẫu ruộng ở Bãi vàng, ngài cúng cho bản xã làm tư điền.

Ngài thọ: 79 tuổi. Mất giờ Tuất ngày 8-6 năm Đinh Sửu dưới niên hiệu Cảnh Hưng thứ 18, đời vua Lê Hiến Tôn, tây lịch 1757

Mộ: ngài ở chân núi Ngọc Côn

Bà là người họ Nguyễn ở làng Khả Lưu, con nhà danh giá, nhan sắc đẹp đẽ. Năm 19 tuổi bị tiếng đêm pha, bà phải theo về nhà cha mẹ ở, ngọn đèn hiu hắt, chiếc gối lạnh lùng, giữ bề trinh tiết. Cha mẹ thường muốn đoạt cái chí của bà, bà thề rằng: "Tiết phụ họ Đinh, sự thấu đến triều đình, tôi bất hạnh phải mang tiếng thường muốn chết đi cho rồi, những nghĩ đến đứa con cô đơn, đành phải nín ngồi lại để nuôi con, hoàng thiên chứng giám cho tâm sự này, ấy là dù thoả nguyện cho tôi, ngoài ra tôi không xa mong gì nữa, dám xin cha mẹ đừng nài ép". — Có người đoán rằng: "Bà Phan Thị thủ tiết theo chồng là sự đẻ. Bà Nguyễn Thị Bị xuất gia là sự khổ". Câu nói này đủ tả sự oan uổng cho bà.

Bà thọ: 67 tuổi — Mộ bà ở xứ Chùa Tràỵ

Sau Ngài hỏi một người thứ thất, người họ Bùi ở xã Tình diệm.

Đinh Nho Gia (bà thứ sinh hạ)

Con thứ hai Già Tiên Nhân, tên chữ Nho Gia theo sứ bộ sang Tàu. Vua cho chức Huyện Thừa, bất hạnh mất đi còn sớm.

Đinh Nho Liêu

Con thứ 3 Già Tiên Nhân là Nho Sinh - Nho Liệu. Bà họ Thái.

Đinh Nho Lâm

Con thứ 4 Già Tiên Nhân là Nho Sinh Trắng thức phụ chín Cầu Kè, tên chữ là Nho Lâm. Bà người họ Thái.

Đinh Nho Thái

Con thứ 5 Già Tiên Nhân là Nho Sinh ấm phong Kiến liệt đại phu, tên chữ là Nho Hoành, làm tự tự (con thừa tự) đời Đại Vương Tử.

ĐỜI THỨ 10 — ĐINH NHO TẾ (1705–1765)

Con cả là Hoàng Tín Đại Phu Thái bộc tự Khanh Văn Lĩnh Hầu, huý là Phi, tự là Nho Tế. Ngài sinh giờ Tý ngày 15 tháng 2 năm Ất Dậu dưới niên hiệu Chính Hoà thứ 6 đời vua Lê Hy Tôn, tây lịch 1705.

Lúc trẻ Ngài thì Bà rất có hiếu. Đến lớn ở với các em con mẹ sau một niềm hoà thuận. Ngài lại không hiếu việc đời, biết chọn người làm bạn như quan Võ Giám sinh ở tuấn lễ, quan Phấn Tiến sĩ ở Việt Yên lúc chưa thành đạt, thật là những bậc hàn sĩ mà Ngài đã đem lòng mến phục lại gả con gái cho nữa.

Xin nhắc lại: Xưa kia văn chỉ là xã ta thật là tự lậu. Lấy đạo thánh hiền làm trọn nên Ngài ra tâm sửa đổi lại trở nên một toà mới mong rực rỡ.

Ngài thọ: 61 tuổi. Mất giờ Thân ngày 15 tháng 7 năm Ất Dậu dưới niên hiệu Cảnh Hưng thứ 26 đời vua Lê Hiến Tôn, tây lịch năm 1765

Mộ Ngài: hiện ở xã Thổ vượng huyện Can Lộc

Bà: người họ Phan, huý là Sương, con nhà danh giá ở thôn Hàm Lại, thọ 41 tuổi. Bà sinh giờ Thìn 20 tháng 3 năm Giáp Thân, mất ngày 25 tháng 5 ất Sửu. Mộ tại Cồn Trợt trong làng. Hiện nay mộ hợp táng ở áng phần

Con trai: Nho Quý, Nho Khế

Gái: Thị Chiên chồng Võ Tiến Sơn; Thị… gái lấy Đốc đồng Việt Yên

ĐỜI 11

11A1: Đinh Nho Quý

Con cả ông Đinh Nho Tế là Đinh Nho Quý, huý là Phê, chức chỉ huy Đồng Trị Hoan Trung Hầu, thọ 67 tuổi, mất 19 tháng 7 năm Mậu Thân. Mộ ở Ngọc Côn, nay cải táng Áng Phần.

Bà là Nguyễn Thị Chu, con gái ông Thượng thư tiến sĩ Nguyễn Trọng Thường ở Trung Cần, Nghệ An. Bà thọ 83 tuổi, mất ngày 16 tháng 2 Kỷ Tỵ. Mộ ở Tham Chàng Bình Hoà.

Con: Thái Lăng (Tự) · Nho Thìn

11A2: Đinh Nho Khế

Con thứ hai ông Đinh Nho Tế là Nho sinh Nho Khế, thọ 50 tuổi, kỵ 21 tháng 3. Mộ ở Tham chàng, Bình Hoà.

Bà Nguyễn Thị Thanh, con ông Tiến sĩ Thượng thư Nguyễn Trọng Thường Trung cần Nghệ An. Bà thọ 67 tuổi, mất ngày 22 tháng 4.

11A3: Đinh Nho Hành

Con thứ 3 ông Đinh Nho Tế là Đinh Nho Hành mất sớm, chỉ có 2 con gái: Thị Thiện lấy ông Võ Tiến ở Sơn Lễ; Thị Gái lấy ông Đốc đồng Tiến sĩ Phan Công Khiêm ở Việt Yên — có con là Phan Khiêm Tốn đậu tú tài, Phan Khiêm Thái: cử nhân, Phan Văn Chính.

11A4 — 11A14 (các nhánh em)

11A4 Đinh Nho Đính (huý là Định; Bà họ Trần; Con: Văn Khanh) · 11A5 Đinh Nho Tả (Bà người họ Mai; Con: Thế Hào) · 11A6 Đinh Hữu Nho (Bà họ Nguyễn; Con: Bá Duy) · 11A7 Đinh Văn Phiệt (Con: Văn Hiếu) · 11A8 Đinh Nho Thiện (Bà họ Nguyễn; Con: Duy ích) · 11A9 Đinh Nho Thiều (Bà họ Hoàng; Con: Văn Sĩ — không có con) · 11A10 Đinh Nho Viện (Con: Văn Sách; Văn Thể: pháp tự) · 11A11 Đinh Nho Đoan (Bà họ Phan; Con: Văn Danh, Văn Thanh — không con; Văn Giảng, Nho Hợp) · 11A12 Đinh Nho Đại (Bà họ Nguyễn; Con: Văn Đồng, Văn Thuy — không con) · 11A13 Đinh Nho Thế (Con: Nho Tú, Văn Hoàng) · 11A14 Đinh Nho Cấn (Bà họ Phan; Con: Văn Áng, Văn Mẫu)

ĐỜI THỨ 12

12A-1 Đinh Thái Lăng — tác giả "Hương yên phổ tự"

Con cả ông Đinh Nho Quý là Đinh Thái Lăng, huý là Vượng, chức Triều liệt Đại phu Hàn Lâm Viện Thị giảng Học sĩ, thọ 56 tuổi. Mất ngày 21 tháng 7 năm Kỷ Tỵ.

Bà là Trần Thị Bằng, làng Văn Giang, Sơn Thịnh. Thọ 43 tuổi, mất 11 tháng 8 Quý Hợi.

Mộ: ông bà hợp táng xứ Cồn Trọt, Sơn Hoà

Con: Nho Tự · Nho Truyền · Nho Thịnh · Nho Bạt · Hy Tăng

(Ngài Thái Lăng là người biên soạn quyển "Hương yên phổ tự" — nguồn gốc chính của Bộ Gia phả này; xem Lời nói đầu.)

12A-2 → 12A19 (các nhánh)

12A-2 Đinh Nho Thìn (hay Thời; Con: Nhất Chiếu) · 12A-3 Đinh Nho Trịnh — không có con · 12A-4 Đinh Nho Trự (mất ngày 7 tháng 2; mộ ở Thọ (Trị lễ); Bà người họ Cao, mất ngày 11 tháng 3; Con: Văn Ấn, Văn Cử) · 12A-5 Đinh Nho Thái (mất 1786 ở Phú Xuân, không con) · 12A-6 Đinh Nho Châu — không con · 12A-7 Đinh Nho Hồng — không con

Con ông Khế: 12A8 Đinh Hữu Điệu (hay Đạo) — thọ 77 tuổi, mất 11 tháng 4; Bà người họ Cao thọ 71 tuổi, mất 25 tháng 12; mộ ở Tham Chàng; Con: Nho Minh (mất sớm), Khắc Tuy, Văn Đạt, Nho Khởi · 12A9 Đinh Nho Khánh (Con: Văn Vy)

Con ông Đính: 12A10 Đinh Nho Khánh (Con: Văn Bảy). Con ông Tản: 12A11 Đinh Thế Hào (Con: Văn Đoàn, Văn Trịnh). Con ông Nho: 12A12 Đinh Bá Duy (Bà họ Lê; Con: Nho Kỳ — không con, Bá Ngoạn, Văn Đối, Văn Tràng). Con ông Phiệt: 12A13 Đinh Văn Hiếu (Con: Văn Giai). Con ông Thiện: 12A14 Đinh Duy ích (Con: Văn Điệu, Văn Bả). Con ông Thiều: 12A15 Đinh Nho Sỹ — không con. Con ông Đoan: 12A16 Đinh Văn Gianh — không con · 12A17 Đinh Văn Thanh — không con · 12A18 Đinh Văn Giảng (Con: Văn Lan) · 12A19 Đinh Nho Hợp (Con: Văn Học, Văn Thao)

ĐỜI 13 ĐẾN ĐỜI 19 — CHI TRƯỞNG (A)

Từ đời 13, phần lớn các mục chỉ gồm tên, vợ và con (đã đầy đủ trong tập Sơ đồ phả hệ trang 181–190). Dưới đây chép lại các tiểu sử có niên đại, chức danh hoặc chi tiết đặc biệt; toàn bộ 66 trang gốc (33–98) được kèm theo thứ tự để đối chiếu từng mục.

ĐỜI 13 — các mục đáng chú ý (trang 33–36)

13A4 Đinh Nho Bạt

Con: Nho Du · Nho Hạp

13A5 Đinh Nho Tặng — Thái bộc Tự khanh

Con: Nho Quang — Phùng Nghị Đại phu · Nho Điển — Hàn lâm Viện Thị độc
Con gái: lấy chồng ở Thanh Chương, là mẹ Đặng Nguyên Cẩn
Bà: người họ Đặng
(Đây là thân phụ của Tuần phủ Đinh Nho Quang và Tiến sĩ Đinh Nho Điển; con gái ngài là bà nội của Giáo sư Đặng Thai Mai — xem Phần A trang 11.)

13A6 Đinh Nhất Chiến

Đến đời con là Văn Tài - Văn Vị - Nho Quyển thất tự.

13A7 Đinh Văn Án

Huý là Kình, mất ngày 4 tháng 4. Bà họ Nguyễn mất ngày 6 tháng 8. Mộ ở chùa Ngọc Côn. Không có con.

13A8 Đinh Văn Cử

Thọ 61 tuổi. Mất ngày 9 tháng 4.

ĐỜI 14 — các mục đáng chú ý (trang 36–41)

14A1 Đinh Nho Siêu

Huý là Long. Bà họ Trần. (Tộc trưởng đời 14 — xem danh sách Tộc trưởng.)

14A2 Đinh Nho Mưu

Con: Nho Hoe (hay Thống)

14A3 Đinh Nho Du

Con: Nho Mân · Nho Xân (mất sớm) · Nho Bình (mất sớm)
Các mục 14A4–14A15 (con ông Đoán, ông Trịnh…): danh mục tên/vợ/con — xem ảnh trang 37–41 và sơ đồ trang 181–183.

ĐỜI 15 — các mục đáng chú ý (trang 42–52)

15A2 Đinh Nho Hoe (thường gọi ông Thống)

Con: Nho Hiệu (Đôn)…

15A15 Đinh Nho Chấn (1863–1935)

Cụ Hán Cổng — Tú tài Hán học chuyên Đông y. Viết sách thuốc "Trung Việt Dược tính hợp biên". Danh nhân Cận đại.
Kỵ nhật: 26 tháng 9 — Mộ: Áng Phần
Bà cả: họ Trần, mộ Đồng Mậu — Bà hai: họ Phan
Con: Nho Hàng · Nho Hành (còn gọi là Củng)
Gái: Thị Thưởng chồng Sơn Thịnh mất 1953 · Thị Em chồng họ Lê Sơn Bằng · Thị Tùng chồng Sơn Lâm · Thị Đìu chồng Phạm Hiếu Sơn Tiến

15A16 Đinh Nho Đề (Lý Dòn)

Con: Nho Đoàn · Nho Thường…

15A31 Đinh Nho Đại (Cháu Phương) — 1885–1960

Kỵ nhật: 19 tháng 12
Bà cả: họ Lê - Sơn An, kỵ nhật 1 tháng 6 — Bà hai: Nguyễn Khắc - Sơn Hoà, kỵ nhật 6 tháng 7
Con: Nho Trương · Nho Cương · Nho Khương · Nho Thường · Nho Thưởng (liệt sĩ) · Nho Đường

15A43 Đinh Nho Khoa

Con: Nho Lựu · Nho Tiến · Nho Sư (không con) — Gái: bà lấy chồng Sơn Ninh

ĐỜI 16 — các mục đáng chú ý (trang 53–67)

16A7 Đinh Nho Hoằng ở Hà Tây

Con trai: Nho Huân · Nho Biên — Gái: Thị Thuần chồng ở Hà Tây

16A8 Đinh Nho Viêm (Hàn Ty)

Kỵ nhật: 5 tháng 8
Bà: Nguyễn Thị Ba quê Nam Đàn — Kỵ nhật: 24 tháng 10
Con: Đinh Nho Liêm · Nho Phùng · Nho Dương · Nho Chiêm · Nho Khoát
Ghi chú đối chiếu: trang 53 (mục 16A8) ghi Đinh Nho Liêm là con ông Nho Viêm thuộc chi A; trong khi danh sách phụ lục (trang 176) ghi ông Liêm là "16B". Hai chỗ của bản gốc chưa khớp nhau — ghi lại để con cháu đính chính.

16A24 Đinh Nho Đàm

Làm Hương bộ. Bà họ Nguyễn ở Sơn Thịnh. Con: Nho Tấn.

16A25 Đinh Nho Hàng

Tham tá Hồng lô tự khanh. Bà họ Nguyễn. (Con cụ Nho Chấn — xem 15A15.)

16A… Đại tá Học viện Chính trị (trang 54)

Đậu tú tài Tây, cán bộ tiền khởi nghĩa, Đảng viên, nguyên Chủ nhiệm Chính trị học viện Chính trị. Đại tá — Huân chương quân II, Huân chương kháng chiến chống Pháp III, chống Mỹ I và nhiều huân chương khác. Bà Huỳnh Thị Niệm, Đảng viên, Bác sĩ nguyên Phó Chủ tịch UB bảo vệ BMTE Khánh Hoà, Uỷ viên Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ Phú Yên, Huân chương kháng chiến chống Pháp II, chống Mỹ I. Con: Đinh Như Hà Bình 1954 — Tiến sĩ, Đảng viên, công tác ở Ban Cơ yếu Chính phủ; chồng là Nguyễn Đức Nghĩa quê Nghĩa Bình · Đinh Nho Thanh · Đinh Nho Hải. (Theo các danh sách phụ lục, đây là cụ Đinh Nho Bát.)

16A38 Đinh Nho Mận

Con: Đinh Nho Minh

16A58 Đinh Nho Cảnh 1951

Bà: họ Hà 1953 — Con: Nho Gianh · Nho Việt · Nho Quân

16A80 Đinh Nho Quý ở Sơn Quang

Con: Đinh Nho Minh

ĐỜI 17 — các mục đáng chú ý (trang 68–85)

17A5 Đinh Nho Mại

Bà 1: Đào Thị — Bà 2: Đào Thị Hà, quê Sơn Ninh
Con: Nho Kiều · Nho Điển (đã mất) · Nho Trong · Nho Tranh
Gái: Thị Liên chồng Đức Thọ · Thị Trình chồng Sơn Ninh · Thị Xoan chồng Đức Thọ · Thị Tíu chồng Sơn Hoà

17A8 Đinh Nho Xán ở Sơn Diệm

Thương binh 2/4. Huân chương kháng chiến hạng 3. Bà: Nguyễn Thị Ca. Con: Đinh Nho Ninh · Nho Quyết · Nho Hảo · Thị Thơm.

17A9 Đinh Nho Thìn

…Đảng viên, nguyên Phó Chủ tịch UBND thành phố Vinh, Giám đốc Công ty… (xem Danh sách chức vụ, mục 10).

17A27 Đinh Nho Hào 1961

Tiến sĩ Toán, công tác tại Viện Toán học.

17A28 Đinh Nho Hồng 1943

Tiến sĩ KH Kỹ thuật — Đại tá QĐNH. Đảng viên Cộng sản — Tuỳ viên Quân sự Đại sứ quán tại Nga. Bà Thái Lan An.
Con: Đinh Nho Khuê (1977–1993) — Kiện tướng cờ vua · Đinh Nho Minh

17A29 Đinh Nho Lưu (1947–1988)

Kỵ nhật: 23 tháng 5 — Bà Công Thị Nga — Con: Đinh Nho Thu 1978 · Đinh Nho Thông 1983

17A30 Đinh Nho Kim 1938

Bà: Hồ Thị Bạch Thu 1940 quê Nha Trang — Con: Nho Sơn ở Mỹ (1965)…

17A44 Đinh Nho Lâm

Bà: Trần Thị Thí, Hà Nội — Con: Nho Hưng; Thị Vân · Thị Thuý · Thị Vân chồng ở Úc

17A60 Đinh Nho Đồng 1957

Đảng viên — Dược sĩ Đại uý Quân đội. Bà: Hồ Thị Ngọc Bích — Trung cấp Dược. Huân chương Kháng chiến hạng III. Con: Nho Dũng · Thuỳ Dung.

17A61 Đinh Nho Lư 1959

Đảng viên — Trung tá Công an — Huân chương kháng chiến…

17A83 Đinh Nho Dục

Con: Nho Sĩ · Nho Đào

17A84 Đinh Nho Chiến 1946

Bà: họ Hà

17A109 — 17A111

17A109 Đinh Nho Vũ · 17A110 Đinh Nho Châu (con ông Canh) · 17A111 Đinh Nho Hạnh (con ông Lưu; Bà họ Nguyễn - Sơn Lễ).

ĐỜI 18 — các mục đáng chú ý (trang 86–95)

18A5 Đinh Hương Sơn · 18A6 Đinh Quý An (con ông Oánh) · 18A28 Đinh Nho Tuấn 1970 — Kỹ sư Thuỷ lợi · 18A29 Đinh Nho Hùng 1960 · 18A30 Đinh Nho Tuấn 1970 · 18A68 Đinh Nho Huân 1961 · 18A69 Đinh Nho Huy 1965 — Kỹ sư Giao thông (Con: Nho Tường) · 18A70 Đinh Nho Hùng 1971 · 18A71 Đinh Nho Ký 1963 (Bà Phan Thị Hoà) · 18A135 Đinh Nho Quý 1953 (Bà Hà Thị Trần; Con: Nho Hùng · Thị Huyền · Thị Hoài).

ĐỜI 19 (trang 96–98)

19A27 Đinh Nho Quyền

Kỹ sư Giám đốc Công ty Công trình Đô thị Quận 7 - Sài Gòn. Bà Tống Thị Nhơn.

Con: Đinh Nho Việt · Nho Hoành · Đinh Nho Đạt · Đinh Nho Thắng · Đinh Nho Trung · Đinh Nho Tuấn · Đinh Nho Khôi · Đinh Nho Thư · Đinh Nho Thái · Đinh Bảo Ân · Đinh Nho Long · Đinh Trường Giang

19A1 Đinh Hải Quân 1972

Kỹ sư Địa chất công tác tại Dầu khí Sài Gòn. Bà Nguyễn Thu Hường 1975 quê Nam Đàn. (Tộc trưởng đời 19 — xem danh sách Tộc trưởng.)

19A2 — 19A8

19A2 Đinh Nho Cường (Con: Đinh Cẩm Trân) · 19A3 Đinh Nho Quốc · 19A4 Đinh Nho Bảo · 19A5 Đinh Nho Luyện · 19A6 Đinh Nho Chương · 19A7 Đinh Anh Vũ · 19A8 Đinh Sĩ Toàn.

PHẦN B — TẬP 2

Chi Thứ (B) đời 8B–18B (trang 99–170)

GIA PHẢ HỌ ĐINH NHO Ở HƯƠNG SƠN

PHẦN B — GHI CHÉP CÁC DÒNG ĐỜI

TẬP 2: CHI THỨ (B) — dòng Đinh Nho Thận, đời 8B đến đời 18B

Trang 99–170 của bản gốc (Canh Thìn 2000) — đọc bằng thị giác, không qua OCR

Cấu trúc tập này: (1) đời 8B–12B được chép lại đầy đủ; (2) đời 13B–18B chép các tiểu sử có niên đại/chức danh, kèm toàn bộ 72 ảnh trang gốc (99–170) theo thứ tự để đối chiếu từng chữ — các mục ngắn (tên/vợ/con) đã có đủ trong tập Sơ đồ phả hệ trang 191–200 và 229.

Ghi chú mở đầu: trang 99–100 của bản scan là phần cuối Chi Trưởng: đời 19A (19A9 Nho Khói · 19A10 Nho Phúc · 19A11 Tuấn Khải · 19A12 Nho Sơn 1972, Kỹ sư Xây dựng · 19A13 Nho Cảng · 19A14 Nho Huân · 19A15 Nho Thắng · 19A16 Nho Lóng · các con ông Việt: Nho Trung, Nho Anh, Nho Hùng, Nho Hào, Nho Giáp, Nho Hùng) và ĐỜI 20 — thế hệ thứ 20: 20A1 (con ông Hải Quân) · 20A3 (con ông Cường)… — ảnh kèm trong phần đối chiếu.

CHI THỨ — DÒNG ĐỜI TỪ ĐINH NHO THẬN

ĐỜI TÁM — CHI THỨ: ĐINH NHO THẬN

Đinh Nho Công sinh hạ: 1. Nho Trạch — con cháu thuộc dòng chi trưởng · 2. Nho Huân — mất sớm · 3. Nho Hoàn — chỉ có 3 con gái · 4. Nho Thận — con cháu về dòng chi thứ · 5. Nho Thường — cháu chắt vào ngụ cư ở Can Lộc · 6. Nho Côn — con cháu sang ở Thanh Chương.

Con thứ tư là ông Nho Thận (bà hai sinh hạ), tính ôn hoà, trung hậu, làng xóm ai cũng suy tôn. Ngài sinh hạ những ông: Nho Thành, Nho Quýnh, Nho Ngụ, Hầu Trung Doãn; trước đây những ông Đồng Trị Nho Chân, ông Lương Trung Nho kiểm là liên duệ Ngài. Hiện nay thiệt là phồn thịnh.

Kỵ nhật: ngày 7 tháng 12

Mộ Ngài: ở núi Ngọc Sơn, sau dời lên áng Phần

Bà: là người họ Bùi, kỵ nhật 1 tháng 7. Mộ trên đỉnh núi Chó Rú

Ông bà sinh hạ 3 con: 1. Nho Thành · 2. Nho Ngụ · 3. Nho Phiên tức Hầu Trung Doãn — không có con

ĐỜI THỨ 9

9B1 Ông Nho Thành

Con cả Đinh Nho Thận, sinh hạ 4 con: Đinh Nho Quýnh · Đinh Nho Cung [tên in mờ, đính chính tay: "Cung"] · Đinh Nho Quán · Đinh Nho Giai.

Kỵ nhật: 14 tháng 12 — Mộ ở Đùng Đình, nay đã bốc lên ở Áng Phần

Bà: họ Nguyễn, kỵ nhật 20 tháng 3 — Mộ ở Bại Giải

9B2 Đinh Nho Ngụ

Sinh hạ được 3 con: Nho Kiều · Nho Khung · Nho Thủ.

Kỵ nhật: 20 tháng giêng — Mộ ở Cây Cối - Xuân Trì, xã Sơn An

Bà: họ Phan, kỵ nhật 20 tháng 12 — Mộ ở Cây Sơn, Xuân Trì (Sơn An)

9B3 Nho Phiên

Hầu Trung Doãn, tên chữ là Duy Phiên. Ngài cúng các hạ điện làng ta, ngày nay vẫn còn. Ngài không có con.

ĐỜI 10 — ĐỜI 12 (trang 103–107)

Đời 10B–12B gồm các mục danh mục (tên, vợ, con). Các chi tiết đáng chú ý:

Đời 11B

11B3 Nho Thành — con: Nho Thường, chuyển về Nghi Xuân. Trước đó ghi: Nho Hai · Nho Ba · Nho Châu — "Cả 3 anh em chuyển về Nghi Xuân" (gốc tích các nhánh Nghi Xuân của chi B).

11B4 Nho Huỳnh — không có con; Bà họ Trần · 11B5 Nho Tạp — Bà họ Văn; con: Nho Khiêm, Văn Giật · 11B6 Nho Tốn — Bà họ Võ; con: Văn Hành…

Đời 12B

Trước 12B4 ghi: con Nho Hoá · Nho Chân · Nho Kiểm. 12B4 Văn Dật — con: Văn Tốn sang ở Sơn Châu (gốc tích nhánh Sơn Châu) · 12B5 Văn Dinh — con: Văn Năm…

ĐỜI 13B — 14B (trang 107–112)

13B…: con Văn Huyên; có cháu Văn Lạm: cha Đinh Đường - Định Danh · 13B12 Văn Vân (con ông Hữu) · 13B13 Văn Chân (con ông Nhâm).

14B…: Nho Táo có con gái Thị Thiềm lấy chồng họ Nguyễn · Nho Ngọ: không con · Bà Ngôn (lấy chồng về Sơn Thịnh) · 14B9 Văn Nại — con: Nho Bằng; Nho Bổng: không con.

14B23 Nho Trương

Vợ: Trần Thị Ả
Con: Nho Kiềm · Nho Chính · Nho Thiềm · Yêm · Thìn — Gái: Thị Hồng lấy chồng ở Sơn Trung…

ĐỜI 15B (trang 113–128) — các mục đáng chú ý

15B1 Văn Diên (cu Đắc)

Con trai: không có. Con gái: Đinh Thị Cu lấy chồng Phan Hoạch ở Sơn Hoà, nay ở Điện Biên · Đinh Thị Lam lấy ông Thước ở Sơn Hoà, nay vào Nam · Đinh Thị Lộc chồng Trần Khắc Ngự ở Sơn Hoà, nay ra Thanh Hoá.

(Ông Văn Diên/cu Đắc là tộc trưởng chi họ Nho Thận hợp tự năm 1948 — xem Phần A trang 16: "ông Nho Tuấn (tức ông Cu Đắc)".)

15B12 Đinh Nho Thiện

Bà: Nguyễn Thị Ngọc ở Sơn Lễ — Mộ ông bà ở Phúc De
Con trai: Nho Tiệp · Nho Hân · Nho Phi · Nho Lăm · Nho Nhiên
Trước đó: Đinh Thị Viễn chồng ở Sơn Tiến.

15B25 Đinh Nho Phong (con ông Thung — cố ấm Thung)

Ngày kỵ: … (mục tiếp theo trên trang 123; xem ảnh). Trước đó các con gái: Thị Hanh (bà Hàm Sơn Thuỷ) · Thị Sâm ở Sài Gòn · Thị Nhung ở Nghệ An · Thị Lộc ở Sơn Trung · Thị Hoè ở Sơn Bình · Thị Quế ở miền Nam lấy chồng Nguyễn Khắc Luận.

15B40 Đinh Nho Bính (ông cháu Cấn)

Kỵ nhật: 1 tháng 1
Bà: Lê Thị Ba, kỵ nhật 1 tháng 6
Con trai: Đinh Nho Toán · Đinh Nho Lạc — Con gái: bà Nguyễn Khắc Chinh

15B41 Đinh Nho Huề ở Sơn Tây

Ngày kỵ: 19 tháng 4 — Bà Phan Thị Tám, kỵ nhật 8 tháng 4
Con trai: Đinh Nho Hoè · Đinh Nho Tùng · Đinh Nho Bá (liệt sĩ chống Mỹ)
Con gái: Đinh Thị Hợi chồng là Khánh ở Sơn Bằng · Đinh Thị Mai
(Cụ Nho Huề đời 16 chi thứ theo Phần A từng tham gia hoạt động yêu nước tiền khởi nghĩa; bản đăng ký liệt sĩ ghi "Đinh Nho Bá con Đinh Nho Huề (Sơn Tây)" — khớp với mục này.)

15B54 — 15B55

15B54 Đinh Nho Mai — con: Nho Huy · Nho Chương · Nh… · 15B55 Nho Cẩn.

ĐỜI 16B (trang 128–152) — các mục đáng chú ý

16B11 Nho Hậu

Kỹ sư… nay ở Vinh. Con: Thị Hà lấy chồng ở Vinh · Thị Hồng lấy chồng ở Vinh · Nho Hùng: sinh viên ở Sài Gòn.

16B12 Đinh Nho Liêm (con ông Tạo)

Sinh: 18/11/1924 (Giáp Tý)
Nguyên Uỷ viên Trung ương Đảng khoá 5 và 6. Nguyên Thứ trưởng thứ nhất Bộ ngoại giao, đã từng Đại sứ: Ai Cập - Lào - Liên Xô (cũ)… Trưởng đoàn đàm phán Việt Nam - Trung Quốc năm 1980. Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng. Huân chương độc lập hạng 2 - Huân chương kháng chiến hạng nhất.

Vợ: Lê Thị Lương ở Đức Thọ
Con: Đinh Nho Dũng sinh 1951: tiến sĩ [đính chính tay: PTS] · Đinh Nho Hùng sinh 1953 [ghi tay: Thạc sĩ] · Đinh Thị Hoa sinh 1961
Ghi chú đối chiếu: mục 16B12 này xác nhận cách xếp "16B" của các danh sách phụ lục (trang 176) cho cụ Đinh Nho Liêm; như vậy chỗ ghi 16A8 (trang 53, tập 1) là chưa khớp — con cháu nên đính chính theo mục 16B12 chi tiết hơn này.

16B13 Nho Tứ

Phóng viên Báo Hà Nội mới; Công đoàn Hà Tĩnh. Vợ: Trần Thị Phương. Con: Đinh Thị Nam · Thị Hà · Thị Giang…

16B26 Văn Tiệp (con ông Thiện)

Giáo viên, Hiệu trưởng trường Sơn Thịnh. Huân Chương KC hạng 1. Mất năm 1973.

Bà: Lê Thị Gia: Lạc Thiện, Đức Thọ, mất năm 1996
Con trai: Thanh Tịnh (vợ là Võ Thị Hường) [ĐH] · Thanh Toàn [ĐH]
Gái: Thị Loan chồng ở Đức Thọ · Thị Nga chồng là Hà Học Hợi [ĐH] · Thị Vân chồng là Khinh ở Huế [ĐH] · Thị Thu, Tiến sĩ Y khoa chuyên khoa Nhi, chồng là Niêm ở Đức Phúc, Đức Thọ · Thị Dung chồng là Thân ở Phố Châu
Trước đó: Đinh Nho Bá: liệt sĩ; con gái Thị Tý chồng Nguyễn Trọng Thiên (Sơn An), Thị Thanh chồng Nguyễn Hiển Lương (Sơn Thịnh).

16B27 Nho Hàn

Đảng viên CS, Thư ký UBKCHC Hương Sơn, mất 1952 tại Việt Bắc. Vợ Lê Thị Lựu.

Con trai: Nho Hoan, Thạc sĩ toán học
Con gái: Thị Hà, dược sĩ cao cấp, chồng Nguyễn Văn Lang (Thanh Hoá) · Thị Châu, kỹ sư Hoá, chồng người Huế · Thị Chi, giáo viên · Thị Hằng · Thị Tâm, Thạc sĩ toán học

16B28 Nho Phi

Giáo viên. Vợ cả: Nguyễn Thị Vinh; vợ 2: Bà Phương ở Sơn Lễ. Con trai: Nho Dương · Nho Hùng · Nho Chiêu (mất sớm) · Nho Cường · Nho Trung (mất lúc 16 tuổi). Con gái: Thị Phượng chồng Tống Trần Lập.

16B29 Nho Lạm

Vợ Nguyễn Thị Tý. Con trai: Đinh Thanh Đoài — liệt sĩ.

16B31 Xuân Bính (con ông Bật)

Chủ tịch UBHCKH Hương Sơn. Giáo viên chính trị trường Phan Đình Phùng. Công tác Ban Việt kiều ở Trung ương.

Vợ: Bà Hà Thị Thu ở Sơn Thịnh · Bà Nguyễn Thị Hường ở Hà Bắc
Con: Xuân Hùng · Xuân Việt · Xuân Minh · Xuân Ninh — Gái: Thị Liên chồng Lê Hùng - Sơn Thịnh

16B34 Xuân Đài (con ông Phổ)

Xã đội trưởng sau CM tháng 8 (Anh). Năm 1955: Công nhân Lâm trường Thanh Hoá, Huân chương kháng chiến hạng I.

Vợ: Bà 1: Nguyễn Thị Phúc ở Nghi Lộc, cháu ngoại họ Đinh, chiến sĩ cộng sản 1930-1931 bị bắt và chết trong tù · Bà 2: Hồ Thị Cháu — Sơn Hàm
Con trai: Đinh Nhi Lộc (con bà Phúc, chết 7 tuổi) · Đinh Chí Tài - Đại học · Đinh Chí Đức - Đại học
Con gái: Đinh Thị Nữ - Giáo viên, chồng là Bùi Túc — Sơn Tiến · Đinh Thị Tú — Giáo viên, chồng Phan Phúc

16B35 Nho Cừ (con ông Thiếp)

(Anh.) Đảng viên, công nhân cơ giới, giáo viên trường dạy nghề… Huân chương kháng chiến hạng I. Vợ cả: Thị Cừ; vợ 2: Thị Hậu. Con: Nho Minh · Nho Công…

16B38 Nho Tiêu ở Pháp (con ông Tiêu)

[Ghi tay bên cạnh: "Em"]

Vợ: Thị Đậo (Đạo)
Con: Nho Thắng · Quốc Việt [ghi tay: Kỹ sư]
Gái: Thị Diễm, chồng là Chương (Hăng Ri) HENRI [ghi tay: Kỹ sư] · Thị Phương · Ô bi [ghi tay: Kỹ sư] · Mimi (Thị Thu)
Trước đó: Thanh Hà: kỹ sư kinh tế (con ông Hoài).

16B39 Nho Dinh (con ông Đoan — Tú mậu)

Bà cả: Phan Thị Lịch - Đức Thọ; bà hai: ở Thái Lan. Con trai: Nho Hanh [Đại học] · Nho Sinh [nt] · Nho Thái [nt].

16B40 Nho Điểm (con ông Đoàn — Khanh)

Đảng viên, CN Báo Nhân dân. Vợ Thái Thị Thanh quê Sơn Long…

16B53 — 16B54 (con ông Tử, Sơn Bình)

16B53 Nho Phương ở Sơn Châu — con trai: Nho Phong · Nho Phí · Nho Chí · 16B54 Nho Cường ở Sơn Phố.

16B73 Nho Thanh (con ông Lý)

Giáo viên, nguyên Hiệu trưởng "cấp 2, 3. Vừa học, vừa làm". Huân chương kháng chiến hạng I… Trước đó: con trai Nho Chiến 1966 · Nho Sỹ 1969 · Nho Hoài 1974; gái Thị Thi 1971, chồng Phan Huấn.

16B87 — 16B88, 16B110 — 16B112

16B87 Nho Vệ (Vy) — con: Nho Hạnh, Nho Thứ · 16B88 Nho Huy (con ông Mai) — vợ: Thị Quế… · 16B110 Nho Trang vợ Nguyễn Thị Hải — con Nho Dung · 16B111 Nho Quốc vợ Nguyễn Thị Thơm — con: Nho Ngọc · 16B112 Nho Hùng vợ Nguyễn Thị Thành (con ông Thuật, Sơn Lệ).

ĐỜI 17B (trang 152–163) — các mục đáng chú ý

17B26 Thanh Toàn

Giáo viên. Vợ: Trần Thị Thanh: Giáo viên. Con trai: Đinh Thanh Thế. Gái: Thị Thảo · Thị Hương Giang · Thị Tiên. Trước đó: Đinh Thị Thanh Hương.

17B35 (con ông Hoài)

Con trai: Nho Nam — Kỹ sư tin học. Con gái: Thanh Hà — Kỹ sư kinh tế.

17B36 (con ông Tiêu)

Con trai: Nho Thắng · Quốc Việt. Con gái: Thị Diễm — Kỹ sư · Thị Phương · Ô Bi.

(Mục 17B36 lặp lại các con ông Nho Tiêu đời 16B38 theo cách xếp đời 17 — bản gốc trình bày hai lần, giữ nguyên để đối chiếu.)

17B46 — 17B51

17B46 Nho Đản · 17B47 Nho Đính · (con ông Đồng) 17B48 Nho Huấn — bà Nguyễn Thị Thuỳ, con gái Thị Hà 1992 · 17B49 Nho Dũng — vợ Tăng Thị Hồng, con Nho Việt 1997 · (con ông Đệ, Quảng Bình) 17B50 Nho Lương — con gái Thị Tâm · 17B51 Nho Trí · (tiếp: con ông Duyệt, Hải Phòng).

17B59 — 17B66, 17B98 — 17B100

17B59 Nho Minh · 17B60 Nho Phong · 17B61 Nho Mạnh · (con ông Hùng) 17B66 Nho Dũng · (con ông Chương, Vinh) 17B98 Nho Lâm — con: Thị Dung · (con ông Nhuận) 17B99 Nho Phong · 17B100 Nho Vinh…

ĐỜI 18B (trang 163–170)

Các mục đời 18B trong bản gốc được đánh số chưa hoàn chỉnh ("18B….."), phần lớn chỉ ghi tên theo nhánh cha:

(con ông Toàn) 18B… Nho Thế · (con ông Hoan) 18B… Nho Quang · 18B… Nho Hiến · … · 18B… Nho Hưng · (tiếp các nhánh: con ông Minh / con ông Lương / con ông Mạnh / con ông Phong…) · (trang 170: con ông Lung / con ông Quyền / con ông Anh / con ông Hùng / con ông Lâm).

Ba mục 18B đầu trang 171 (Nho Bảo con ông Tử · Nho Việt con ông Thuấn · Nho Hà) đã được chép trong tập ANNEXES 1 — đây là điểm nối giữa Phần B và Phụ lục.

PHỤ LỤC 1

Các danh sách vinh danh (trang 171–180)

GIA PHẢ HỌ ĐINH NHO Ở HƯƠNG SƠN

PHỤ LỤC — CÁC DANH SÁCH VINH DANH

Tái lập từ trang 171–180 của bản gốc (Canh Thìn 2000) — đọc bằng thị giác, không qua OCR

DANH SÁCH CÁC LIỆT SĨ

(không tính 2 chi Sơn Tân - Sơn Châu)

Thứ tự	Họ tên liệt sĩ	Con ông, bà	Hy sinh năm
1.	**Đinh Văn Sỹ**	Đinh Nho Thưởng — Nguyễn Thị Kế	1953
2.	**Đinh Nho Thu (✗ trên bản gốc)**	Đinh Nho Lục	1952
3.	**Đinh Nho Kỷ**	Đinh Nho Hiệu (Đôn)	1952
4.	**Đinh Nho Lý**	Đinh Nho Liên (Hoè)	1952
5.	**Đinh Nho Điều**	Đinh Nho Lựu	1960
6.	**Đinh Nho Tùng**	Đinh Nho Lựu	1969
7.	**Đinh Nho Quế**	Đinh Nho Đào	
8.	**Đinh Nho Bá**	Đinh Nho Trự	
9.	**Đinh Nho Đoài**	Đinh Nho Lạm	
10.	**Đinh Nho Sơn**	Đinh Nho Thịnh	
11.	**Đinh Nho Hà**	Đinh Nho Diệm	
12.	**Đinh Nho Nhâm**	Đinh Nho Cung	
13.	**Đinh Nho Thưởng**	Đinh Nho Đai	
14.	**Đinh Nho Trường**	Đinh Nho Đai	
15.	**Đinh Nho Mửu**	Đinh Nho Thắm	
16.	**Đinh Nho Bá**	Đinh Nho Huề (Sơn Tây)	
17.	**Đinh Nho Tuệ**	Đinh Nho Xang	
18.	**Đinh Nho Than**	Đinh Nho Đông	1969
19.	**Đinh Nho Trâm**	Đinh Nho Ninh	
20.	**Đinh Nho Cương**	Đinh Nho Tứ	
21.	**Đinh Nho Sung**	Đinh Nho Huyên	1967
22.	**Đinh Nho Lương**	Đinh Nho Nghiêm (Viêm)	

Ghi chú: *trang 171: tên số 2 (Đinh Nho Thu) bị gạch chéo tay trên bản gốc — giữ nguyên ghi chú. Một số năm hy sinh để trống trong nguyên bản.*

DANH SÁCH CÁC VỊ KHOA BẢNG

A. Trước 1945

Học vị	Họ tên
Hoàng Giáp (Đệ nhị Tiến sĩ)	Đinh Nho Hoàn
Tiến sĩ	Đinh Nho Công · Đinh Nho Điển · Đinh Nhật Thận
Giải nguyên	Đinh Nho Côn
Cử nhân	Đinh Thái Lăng · Đinh Duy Hàn · Đinh Nho Châu · Đinh Nho Kiểm · Đinh Nho Quang · Đinh Nho Khôn (6 vị)
Tú tài	Đinh Nho Chấn · Đinh Nho Hoán · Đinh Nho Huề · Đinh Nho Xanh · Đinh Nho Đoan · Đinh Nho Bát (TT Tây học) · Đinh Nho Hàng (TT Tây học) · Đinh Nho Kham (8 vị)

Ghi chú bên lề bản gốc: ⑤ sau nhóm Tiến sĩ; ⑥ sau nhóm Cử nhân; ⑧ sau nhóm Tú tài.

B. Từ sau 1945 — 1. Tiến sĩ

TT	Họ tên	Chi/đời	Ghi chú
1.	**Đinh Nho Chương**	17A	Nhà giáo ưu tú — anh
2.	**Đinh Thị Khương**	17A	em
3.	**Đinh Thị Oánh**	17A	em chú
4.	**Đinh Nho Hồng**	17A	em chú
5.	**Đinh Nho Thanh**	17A	em chú
6.	**Đinh Nho Hà Bình**	17B	
7.	**Đinh Thị Ngọc Bích**	17A	em
8.	**Đinh Thị Phương Hà**	17A	
9.	**Đinh Quốc Việt**	17A	
10.	**Đinh Nho Hải**	17A	
11.	**Đinh Nho Hào**	17A	em
12.	**Đinh Thị Xuyến**	17A	
13.	**Đinh Phạm Thái**	17B	Nhà giáo ưu tú
14.	**Đinh Bích Thu**	17B	
15.	**Đinh nho Dũng**	17B	
16.	**Đinh Nho Hoan**	17B	
17.	**Đinh Thị Tâm**	17B	
18.	**Đinh Chiến Quốc**	18A	

Ghi chú bên lề bản gốc: ⑱ ở giữa danh sách (tổng 18 vị Tiến sĩ).

2. Thạc sĩ, sau đại học

TT	Họ tên	Chi/đời
1.	**Đinh Nho Bảng**	16B
2.	**Đinh Nho Duyệt**	16B
3.	**Đinh Thị Phương Hoà**	17B
4.	**Đinh Thị Phương Hoa**	17B
5.	**Đinh Nho Hùng**	17B
6.	**Đinh Nho Sinh**	17B
7.	**Đinh Nho Thái**	17B
8.	**Đinh Thứ Tài**	17B

3. Cử nhân, kỹ sư, Bác sĩ và dược sĩ cao cấp (79 vị)

TT	Họ tên	Đời	TT	Họ tên	Đời
1	Đinh Nho Chú	16A	41	Đinh Hải Quân	19A
2	Đinh Nho Cự	16A	42	Đinh Nho Sơn	19A
3	Đinh Nho Kỳ	16A	43	Đinh Nho Cảng	19A
4	Đinh Nho Thìn	17A	44	Đinh Thị Lam Hương	19A
5	Đinh Nho Chiêm	17A	45	Đinh Nho Quyền	19A
6	Đinh Nho Khoát	17A	46	Đinh Nho Lương	16B
7	Đinh Thị Hương Lan	17A	47	Đinh Nho Hoài	16B
8	Đinh Nho Hoàng	17A	48	Đinh Nho Đệ	16B
9	Đinh Nho Nghệ	17A	49	Đinh Nho Sơn	16B
10	Đinh Nho Lượng	17A	50	Đinh Nho Chính	15B
11	Đinh Nho Giảng	17A	51	Đinh Nho Thân	15B
12	Đinh Nho Hoan	17A	52	Đinh Nho Quảng	17B
13	Đinh Nho Quán	17A	53	Đinh Nho Hạn	17B
14	Đinh Nho Bình	17A	54	Đinh Nho Tịnh	17B
15	Đinh Nho Đồng	17A	55	Đinh Nho Thắng	17B
16	Đinh Nho Thắng	17A	56	Đinh Nho Hào	17B
17	Đinh Nho Tùng	18A	57	Đinh Thị Tâm	17B
18	Đinh Nho Kiueù	18A	58	Đinh Xuân Việt	17B
19	Đinh Nho Mỹ	18A	59	Đinh Xuân hà	17B
20	Đinh Nho Trung	18A	60	Đinh Xuân Dục	17B
21	Đinh Nho Diên	18A	61	Đinh Nho Hoàng	17B
22	Đinh Nho Lạc	18A	62	Đinh Chí Đức	17B
23	Đinh Nho Nguyễn	18A	63	Đinh Nho Hạnh	17B
24	Đinh Mỹ Sơn	18A	64	Đinh Mạnh Đôn	17B
25	Đinh Dũng Tuấn	18A	65	Đinh Nho Dũng	17B
26	Đinh Chí Đức	18A	66	Đinh Tú Anh	17B
27	Đinh Nho Lộc	18A	67	Đinh Nho Thắng	17B
28	Đinh Nho Nghĩa	18A	68	Đinh Nho Sơn	17B
29	Đinh Nho Hải	18A	69	Đinh Nho Minh	18B
30	Đinh Nho Thắng	18A	70	Đinh Nho Hạnh	18B
31	Đinh Lương Hùng	18A	71	Đinh Thị Hồng	18B
32	Đinh Nho Hàng	18A	72	Đinh Thanh Hà	17B
33	Đinh Lê Anh	18A	73	Đinh Nho Nam	17B
34	Đinh Nho Lê Anh	18A	74	Đinh Quốc Việt	17B
35	Đinh Nho Hưng	18A	75	Đinh Hồng Lĩnh	18B
36	Đinh Nho Thái	18A	76	Đinh Chí Tài	17B
37	Đinh Nho Hảo	18A	77	Đinh Chí Đức	17B
38	—	—	78	Đinh Thị Diễm	17B
39	Đinh Nho Ngự	18A	79	Đinh Thị Thu	17B
40	Đinh Nho Quân	19A			

Ghi chú: *trang 173–174: số 38 không đọc được rõ trên bản scan (dòng bị mờ giữa 37 và 39) — để trống thay vì đoán.*

CÁC VỊ ĐẢM TRÁCH CHỨC VỤ QUAN TRỌNG HOẶC CÓ PHẨM HÀM

(Phần trước 1930, PK và chế độ cũ)

1. Đinh Phúc Diên (1): Tả hiệu điểm Công Tây hầu (tiền Lê)
2. Đinh Hữu Luân (6): Huyện tá Đông ngạn (triều Lê)
3. Đinh Nho Công (7): Giám sát ngự sử Lê khoa công cấp sự trung - Thiêm đô đài ngự sử (triều Lê) - Kim Vĩnh Lộc Đại phu, Lễ bộ tạ Thị Lang (triều Lê)
4. Đinh Nho Hoàn (8): Đốc Trấn Cao Bằng, Tham chính Sơn tây - Thượng bảo tự khanh bồi thị (triều Lê) - Kim Vĩnh Lộc đại phu, Lễ bộ Tạ Thị Lang (triều Lê)
5. Đinh Nho Côn (8b): Hương nghĩa hầu - Đốc lĩnh binh (triều Lê)
6. Đinh Nho Tế (16A): Hoàng tín đại phu thái bộc tự khanh văn vinh hầu (triều Lê)
7. Đinh Nho Quý (11A): Đồng Tri Hoan Trung hầu
8. Đinh Thái Lăng (12A): Triều liệt Đại phu Hàn lâm viện thị Giảng học sỹ
9. Đinh Nhật Thận (13B): Tri phủ triều Nguyễn
10. Đinh Nho Điển (14A): Hình bộ sự vụ, Hồng lộ tự khanh - Trung thuận thuận đại phu, Biện lý ấn triệu (triều Nguyễn)
11. Đinh Nho Quang (14A): Tuần vũ hưu trí (triều Nguyễn)
12. Đinh Nho Bằng (15A): Tri huyện Nam Đàn, Nghi Lộc, Giao Linh, Cẩm Xuyên, Yên Định, Vinh - Chủ tịch Mặt trận Liên Việt xã
13. Đinh Nho Võ (17A): Xếp ga xe lửa Phan Thiết, Mường Mán, Sài Gòn
14. Đinh Nho Dao (17A): Quận trưởng (Mỹ Tho) thời Mỹ nguỵ

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP

Đinh Nho Liêm · Đinh Nho Khoách

HUY HIỆU ĐẢNG

Hạng	Họ tên
50 tuổi Đảng	Đinh Nho Liêm · Đinh Nho Khoách · Đinh Nho Cơ · Đinh Nho Cự
40 năm tuổi Đảng	Đinh Nho Đang · Nguyễn Thị Tuyết · Đinh Nho Hưởng · Đinh Nho Trương
Huân chương quân công	Đinh Nho Cơ

CÁC VỊ ĐÃ (HOẶC ĐƯƠNG) GIỮ NHỮNG CHỨC VỤ QUAN TRỌNG

(Sau 1930, phần CM)

1. Đinh Nho Đang (16A): Bí thư huyện uỷ Hương Sơn năm 1931 — Chính uỷ trung đoàn 103 — Giám đốc trường Thiếu sinh quân KN — Chính uỷ thành đội Hải Phòng — Viện trưởng Viện Kiểm soát quân sự Quân khu 3, Trung tá QĐ
2. Đinh Nho Liêm (16B): Uỷ viên trung ương Đảng khoá 5 và 6 — Đại sứ quán VN tại Ai Cập, Lào, Liên Xô (cũ) — Thứ trưởng thứ nhất Bộ ngoại giao — Trưởng đoàn VN, đàm phán giữa VN và TQ năm 1980
3. Đinh Nho Bát (16A): Đại tá - Chủ nhiệm chính trị học viện chính trị
4. Huỳnh Thị Niệm (vợ ông Bát): Phó chủ nhiệm UBBVBMTE Khánh Hoà, Uỷ viên thường vụ hội LHPN tỉnh Phú Yên
5. Đinh Nho Dật (16A): Ban công tác miền Tây VP Trung ương Đảng
6. Đinh Nho Bảng (16B): Phó Giám đốc Ngân hàng Ngoại hối
7. Đinh Thị Khương (17A): Tiến sĩ - Phó Tổng Giám đốc công ty Vải sợi may mặc - Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Bộ Nội thương
8. Đinh Nho Hồng (17A): Tiến sĩ - Đại tá - Tuỳ viên Quân sự Đại sứ quán VN tại Nga
9. Đinh Nho Chiêm (17A): Đại tá, trưởng phòng Tài vụ Quân khu 4
10. Đinh Nho Thìn (17A): Phó Chủ tịch UBND thành phố Vinh - Giám đốc Xí nghiệp Dày da xuất khẩu Nghệ An
11. Đinh Xuân Bính (16B): Chủ tịch UBND huyện Hương Sơn sau CM tháng 8
12. Đinh Nho Khoách (16B): Phó Bí thư huyện uỷ Hương Sơn sau CM tháng 8
13. Đinh Xuân Tùng (16A): Đại tá, Cục phản gián Bộ Nội vụ
14. Đinh Nho Khôi (15B): Tổng Biên tập Báo Thủ đô (Hà Nam)
15. Đinh Nho Hoài (16B): Phó Giám đốc Sở Điện Lực Bắc Giang
16. Đinh Nho Mận (16B): Giám đốc Xí nghiệp 26/3
17. Đinh Nho Viện (17A): Giám đốc Xí nghiệp 26/3
18. Đinh Nho Hạn (17B): Giám đốc Công ty Tàu cuốc
19. Đinh Nho Đệ (16B): Phó Giám đốc Công ty Thuỷ lợi Quảng Ninh
20. Lê Thị Mươi (16A, vợ Đinh Tuấn Lợi): Phó Giám đốc Nhà máy 8/3
21. Đinh Nho Chương (17A): Tiến sĩ - Chủ nhiệm Khoa Toán ĐHSPI Hà Nội
22. Đinh Chí Đức (18A): Giám đốc Công ty Cấp thoát nước Bà Rịa - Vũng Tàu
23. Đinh Nho Quyền (19A): Phó Giám đốc Công ty Công trình Đô thị Quận 7
24. Đinh Nho Hải (17A): Tiến sĩ - Phó Giám đốc nhà máy Điện nguyên tử ở Australia
25. Đinh Xuân Viện (17B): Đại tá Chánh Văn phòng quân khu 7
26. Đinh Nho Bình (17A): Kỹ sư - Phó Giám đốc xưởng cơ khí ở Australia
27. Đinh Quốc Việt (17A): Tiến sĩ Y khoa - Chủ nhiệm Khoa Ngoại BV Chợ Rẫy
28. Đinh Thị X Yến (17A): Giám đốc Sở Xây dựng TPHCM
29. Đinh Xuân Việt (17B): TV Tỉnh uỷ - Bí thư thị uỷ Hà Tĩnh
30. Đinh Nho Đài (17B): Hiệu trưởng Trường Đảng tỉnh Hà Tĩnh
31. Đinh Nho Cơ (16A): Thiếu tá - Tiểu đoàn trưởng
32. Đinh Nho Nghi (16B): Thiếu tá - trung đoàn trưởng huấn luyện
33. Đinh Chí Đức (17B): Trưởng phòng Tài vụ Công ty Lương thực Nam Định
34. Đinh Nho Tứ (16B): Thường vụ Liên hiệp CĐLĐ Hà Tĩnh
35. Đinh Nho Nghệ (17A): Trưởng phòng thuộc Tổng cục Thống kê
36. Quỳnh Dao (17B): Chủ bút Báo
37. Đinh Nho Vy (15B): Phó Chủ tịch UB Tỉnh Pleiku năm 1946
38. Đinh Nho Hàn (16A): Thẩm phán Toà án Liên Tỉnh Quảng Đà trước 1954

CÁC VỊ CÓ TÁC PHẨM (SÁNG TÁC, DỊCH THUẬT) XUẤT BẢN

Đinh Nho Hoàn (8): Mặc Ông sứ tập

Đinh Nhật Thận (13B): Thu Dạ Lữ Hoài ngâm

Đinh Nho Chấn (15A): Trung Việt dược tính hợp biên

Đinh Xuân Lâm (chi Sơn Tân): Hơn 350 công trình nghiên cứu được công bố

Đinh Quỳnh Dao (Nho Diệm: 17B)

Đinh Phạm Thái (17B): “Sóng Loang xa”, “Ngấn nước”

Đinh Xuân Vịnh (16B): “Sổ tay Địa chí Việt Nam”

Đinh Thanh Tịnh (17B): Dịch giả các sách đã xuất bản: Trắc địa công trình, Bình sai lưới Trắc địa (Nga-Việt), đồng tác giả Sai số trong đo đạc (tiếng Việt), đồng tác giả của 4 tự điển: Khoa Học Trái đất (Anh-Việt), Từ điển Trắc địa (Nga-Việt), Từ điển Thương Mại-Tài chính (Việt-Anh), Từ điển Xây dựng (Việt-Anh)

Đinh Nho Hồng (17A): Lá cờ và vầng trăng (thơ)

Đinh Nho Tiêu (16B): có thơ đăng trong tuyển tập “1000 năm thơ tứ tuyệt Việt Nam”

Đinh Nho Hoài (16B): tác phẩm thơ (nhà xuất bản Dân tộc) đăng trong tạp chí Điện lực Việt Nam

TỘC TRƯỞNG CÁC ĐỜI

Đời	Tộc trưởng
Đời 8	Đinh Nho Trạch (1656–1711)
Đời 9	Đinh Nho Thực (1679–1757)
Đời 10	Đinh Nho Tế (1705–1765)
Đời 11	Đinh Nho Quý (1721–1788)
Đời 12	Đinh Nho Vượng (Thái Lăng) (1753–1809)
Đời 13	Đinh Nho Tự
Đời 14	Đinh Nho Siêu
Đời 15	Đinh Nho Tánh
Đời 16	Đinh Nho Hành (Hổ) (1885–1945)
Đời 17	Đinh Nho Liên (1905–1946)
Đời 18	Đinh Nho Quỳ (1937–)
Đời 19	Đinh Hải Quân (1972–)
Đời 20	(để trống trong nguyên bản)

Ghi chú: *trang 180: niên đại của các tộc trưởng dòng trưởng — đối chiếu trực tiếp với sơ đồ NHO TRẠCH (trang 181–183).*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

21 sơ đồ hai chi + sơ đồ chép tay (trang 181–200, 229)

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO TRẠCH

Chi Trưởng — Đời thứ 8A đến đời thứ 13A

Nguyên bản: *sơ đồ gốc trình bày theo chiều ngang, mỗi cột là một đời (8 → 13), các mũi tên chỉ quan hệ cha → con. Bảng dưới đây tái lập trung thành cấu trúc đó.*

ĐỜI 8	ĐỜI 9	ĐỜI 10	ĐỜI 11	ĐỜI 12	ĐỜI 13
Nho Trạch *Thuỷ tổ chi A — đời 8*	**Nho Thức**	**Nho Tế** *con: Nho Hành* *2 con gái: Đinh Thị Thuận (chồng là Võ Trọng Tiến); Đinh Thị Gái*	**Nho Quang** *con: Nho Tịnh không con*	**Thái Lăng**	**Nho Tự**
					Nho Truyền · Nho Thịnh · Nho Bạc · Nho Tăng
			Nho Khế *con: Nho Thái (chết ở Phú Xuân) Nho Châu (không con); Nho Hồng (không con)*	**Nho Trị**	**Nhất Chiếu**
				Hữu Điều (Đạm) *con Nho Ninh mất sớm*	**Văn Ân**
					Văn Cừ · Khắc Tùng
					Văn Đạt · Nho Khởi
	Nho Huân *con thêm: Duy Hải mất sớm*	**Nho Tuân**	**Nho Đính**	**Văn Khanh**	**Văn Vy · Văn Bảy**
			Nho Tản	**Thế Hào**	**Văn Đoàn**
					Văn Tịnh
	Nho Hoàn	**Nho Liên**	**Bá Duệ** *con Cụ Kính không con*	**Bá ngoan · Văn Đối · Văn Tràng**	
			Nho Minh	**Văn Hiếu**	**Văn Giai**
		Nho Lan · Nho Thiều · Nho Viễn *không con*	**Nho Dần (cùng Nho Viễn không con) · Nho Trung**	**Duy Ích**	**Văn Điệu · Văn Bản · Văn Lan**
		Nho Hoành	**Nho Thận · Nho Hợp · Nho Tứ · Hoằng · Văn Ung · Nho Đản**		**Văn Học · Văn Thao · Văn Sử · Văn Quý · Văn Côn · Văn Huy · Văn Phan · Văn Nha · Văn Thanh**

Ghi chú: *bảng tái lập từ sơ đồ trang 181 (đọc bằng thị giác, không qua OCR). Các ô gộp theo hàng/cột thể hiện đúng quan hệ cha–con của nguyên bản.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO TRẠCH (tiếp theo)

Chi Trưởng — Đời 13A đến đời 19A

Nguyên bản: *phần nối tiếp của sơ đồ NHO TRẠCH, khởi từ Nho Tự và Nho Truyền (đời 13) phát triển xuống đời 19.*

ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18	ĐỜI 19	
Nho Tự	**Nho Siêu** *Bà họ Nguyễn*	**Nho Tánh** *Bà họ Nguyễn* *2 con gái*	**Nho Hành (Hổ)** *Bà: Đoàn Thị Kiều (Sơn Long)* *Con gái: Thị Liễu (Đức Thọ), Thị Đu (Sơn Thịnh), Thị Điểm (Sơn Thịnh)*	**Nho Liên** *Bà 1: Sơn Ninh; Bà 2: Quảng Ngãi - Võ Thị Tân* *Gái: Thị Sen (chồng người Quảng Nam), Thị Sâm; Nho… mất sớm*	**Nho Trúc** *Bà 1: Nguyễn Thị Lý; Bà 2: Nguyễn Thị Chan* *Gái: Cẩm Hà, Cẩm Hường, Cẩm Hạng*	**(Nho Quý, Hai Quan, N.Lương, N.Quốc, N.Bảo, N.Luyện, N.Chương)**	
						Anh Võ Ngọc Tú · (1, 2) · Sỹ Toàn (Trần Thuý) · Tân Khả / Kim Quý · Phúc · Phối · Phương	
				Nho Vô · Nho Đạo (Hương Sơn)		**Nho Thắng · Nho Bình**	**Nho Sơn · Nho Cang · Nho Hoan (Thị Hoà) · Thị Lình (Thị Anh, Thị Bé)**
			Nho Oánh (Bản) *Bà: Nguyễn Thị…* *Con gái: Minh Nguyệt, Cẩm Khương, Mỹ Nga, Thị Mai (Lý Lam), Mộng Lý…*	**Nho Kiều** *CNSP — Bà: Nguyễn Thị Lý* *Gái: Thị Hương, CN Sư phạm*	**Nho Trọng**	**Nho Thắng**	
				Nho… (Bà: Đào Thị Yên; Gái: Thuỷ, Lan)	**Nho Trung**	**Nho Long**	
Nho Truyền	**Nho Mưu**	**Nho Hoe (Thống); Gái: Thích, Sỹ**	**Nho Đôn (Hiếu)** *Con: Ký liệt sĩ Toàn: không con; Gái: Lục mất sớm*	**Nho Mai** *Bà 1; Bà 2: Đàn Thị Hà Trai thêm: Điều (mất đời 19)* *Gái: Thị…, Thị Xoan, Thị Trinh, Thị Tiu*	**Nho Tường** *Bà họ Võ*	**Nho Thông**	
			Nho Liễu (Hoè) *Bà: Chất; Trai: Lý (liệt sỹ)* *Gái: Lan, Vy*		**Nho Đính** *Bà họ Hà*	**Nho Trang Thị Anh**	
				Nho Hiếu *Bà: …; Gái: Dung, Hoa*	**Nho viết (Bà Trịnh Thị)**	**Nho Quan**	

ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18	ĐỜI 19
				Nho Lê *Bà: Nguyễn thị Vy* *Con gái: Thị Nam, Thị Tịnh, Thị Bình, Thị Liễu, Thị Hoa*	**Nho thanh (Bà Nguyễn Thị)**	**Nho Trang Thị Anh**
					Nho Minh	**Nho Quan**
				Nho Xân *Bà: Nguyễn Thị Cả* *Gái: Thị Thom*	**Nho Ninh (Bà Nguyễn Thị)**	**Nho Sang**
					Nho Quan	
				Nho… (Bà Cử/Thái Thị); Hương Hoà	**Nho Thái**	

Ghi chú: *trang 182 rất dày chữ; một số chú thích trên bản scan mờ đã được ghi theo mức đọc được rõ nhất. Những chỗ không chắc để dấu '…'.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO TRẠCH — Nhánh Nho Bạc

Chi Trưởng — Đời 13 đến đời 19

Nguyên bản: *phát triển dòng Nho Bạc (đời 13) xuống đời 19. Nhiều ô của các nhánh khác để trống trong nguyên bản.*

<table>
<tr><th>ĐỜI 13</th><th>ĐỜI 14</th><th>ĐỜI 15</th><th>ĐỜI 16</th><th>ĐỜI 17</th><th>ĐỜI 18</th><th>ĐỜI 19</th></tr>
<tr><td rowspan="4">Nho Bạc</td><td rowspan="2">Nho Đỳ
Bà…
Sinh thêm: Xân, Hình, Tâm (mất sớm)</td><td rowspan="2">Nho Mẫn
Gái lấy chồng Sơn Hoà</td><td rowspan="2">Nho Minh
Gái lấy chồng là Nguyễn K. Minh (Sơn Hoà)</td><td>Nho Minh</td><td>Nho Yêu · Nho Diện · Nho Lạc · Nho… · Nho…</td><td>Nho Sơn (Thị Vý) · Nho Hải · Nho Hà</td></tr>
<tr><td>Nho Đường
Bà Nguyễn Thị Lạc
Gái: Thị Sơn</td><td>Nho Nguyên (Kỳ sư; Bà Nguyễn Lê Thu)</td><td>Nho Hà · Nho Hải</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Nho An (Yên)
Bà họ Nguyễn
Gái: Thị Nam…</td><td rowspan="2">Nho Dưỡng
Bà: Lê Thị Luý</td><td colspan="2">Nho Tuân · Nho trưởng · Nho Hiệp · Nho Huân · Nho Biên 1981</td></tr>
<tr><td>Nho Hưởng
Bà Nguyễn Thị…
Gái: Huyền, Thái, Tâm</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">Nho Lứu (con bà cả Cử Trận)</td><td colspan="4">Nho Hạp (Bà 1, Bà 2; con gái: Bà Viên - Sơn Hoà; Bà Hài, Bà Bê, Bà Luyện - Sơn Lễ; Bà Tài - Sơn Thịnh)</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="4"></td></tr>
</table>

Ghi chú: *trang 183 chủ yếu phát triển dòng Nho Bạc; phần lớn các cột nhánh khác bỏ trống trong sơ đồ gốc.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

ĐINH NHO QUANG

Tuần phủ Phú Yên (1825–1897) — nhánh hiển đạt, từ đời 14

Nguyên bản: *sơ đồ vẽ bằng ô chữ nhật rõ ràng, gốc là Đinh Nho Quang (Cử nhân khoa Ất Mão, Tuần phủ Phú Yên), phát triển xuống đời 19.*

ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18	ĐỜI 19
Đinh Nho Quang *(1825–1897)* *Cử nhân khoa Ất Mão — Tuần phủ Phú Yên* *Bà 3; Bà 4*	**Nho Thản (tằm Bạ)** *Bà Đào Thị Tam, con cụ Thượng Đàn Sơn Bằng*	**Nho Viêm (Hàn Tý)** *Bà Nguyễn Thị Ba (Nam Đàn)*	**Nho Liên (Bà Tô Thị Thanh) · Nho Dương (1924–1976; Bà Nguyễn Thị Thanh) · Nho Chiêm (1932–; Bà Hạ Thị Đản) · Nho Khánh (1939–)**		**Nho Trương · Nho Tuân · Nho Hưởng · Nho Đức · Nho Thị… (đời 18)**
		(con gái lấy chồng Ngô Vinh - Nghệ An)		**Nho Hoàng (Thị Hà) · Thị Linh (đời 19)**	
	Nho Kiên (cam…) *(1880–1956) Bà Lê Thị Nga* *Con: 2. Nho Cảm (1911–1941); 3. Thị Hoa (1914–1945) chồng Nguyễn Quang Đáu; 4. Nho… (1925–1951)*	**Nho Lan (Bà Nguyễn Thị Mai; Gái: Anh, Hường) · Nho Bật (1918–1945; Bà Huỳnh Thị Sửu) · Nho Chữ (1922–1997; Bà Nguyễn Thị Liễu; Gái: Hoà, Hoa)**		**Nho Hải 1936 · Nho Hoàng 1956 · Nho Hà (1958–1994) · Nho Hồng 1961 · Nho Hồng · Nho Lứu**	
		Nho Tịch (Đang) *Bà Nguyễn Thị Tuyết* *Gái: Tịnh, Oanh; Tiến sĩ nông học Nho Thanh liệt sĩ*	**Văn Lít · Văn Bội (ở Pháp)**	**Nho Thắng · Nho Trang Thị Hoà · Thị Anh Thị Bé**	
	Nho Khoái *(1888–1918) Cử nhân Khoa Ất Mão* *Tri huyện Hoài An, Bình Định; Bà Tôn Thị Bằng (1888–1950)* *Con: 1. Thị Sen; 2. Thị Uyển (1907–1913); 3. Nho Đản (1911–1974); 4. Nho Cừ (1916–)*	**Nho Cừ (Xuyến) (1916–1990)** *Bà Trần Thị Lang (1920–)* *Con gái: Thị Ngọc (1946–) chồng Bùi Văn Lộc; Thị Nga (1952–) chồng Đỗ Lưu Lai; Thị Liễu (1942–); Thu Hà (1959–) chồng Phan Văn Hồng*	**Nho Kim 1938 (Bà Hồ Thị Bạch Thư) · Nho Bến (1941–1975; Bà Lê Hồng Nhân) · Nho Hùng · Nho Thinn · Nho Tịnh**		
			Nho Cừ (1929–) *Bà Phan Thị Hường* *Gái: Bích Hoài chồng Lê Hạnh (1964)*		

Ghi chú: *trang 184 thuộc nhánh hiển đạt; ô chữ rõ ràng, ghi đầy đủ niên đại. Đây là dòng Tuần phủ Đinh Nho Quang.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

ĐINH NHO ĐIỂN

Tiến sĩ khoa 1875 (1846–1884) — nhánh hiển đạt, từ đời 14

Nguyên bản: *gốc là Đinh Nho Điển (Tiến sĩ 1875, Biện lý Hình Bộ Sự vụ), ô chữ rõ ràng, phát triển xuống đời 18.*

ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18
Đinh Nho Điển *(1846–1884)* *Kỳ 5 tháng 4 — 1875 Tiến sĩ* *Biện lý Hình Bộ Sự vụ*	**(Con gái: Thị Huế chồng miền Nam; Thị Nga chồng Thanh Chương)**			
	Nho Cẩm (Tú tài) *Bà Lê Thị Mai — Hán học*	**Nho Hàm (1906–1955)** *Bà Thái Thị Chân* *Con gái: Cẩm Hà chồng ở Quảng Ngãi*	**Nho Hùng 1977 (Kỹ sư) · Nho Hảo 1951 · Nho Lê Anh (Cử nhân Hoá)**	
		Nho Thành *Bà Phạm Thị Tự* *Gái: Thị Lan chồng Phạm…, Thị Hạnh chồng…, Thị Hương chồng Nam Định*	**Nho Hoàng 1978 (Kỹ sư Lâm nghiệp) · Nho Huy 1984 · Nho Tuân · Nho Vũ**	
		Nho Đảng *Bà Tuệ Nghệ An; Bà 2 Nguyễn Thị Yến ở Sơn Tiên*	**Nho Huân · Nho Giảng (Kỹ sư; Bà Trần Thị Mai; Gái: Thị Hằng, Thị Thư)**	
	Nho Nhượng (Tú tài Hán học) *Con gái: Thị Lan* *Bà ở Hà Tĩnh; Thị… ở Hà Nội*	**Nho Hàn (1904–1944)** *Bà Lê Thị Sen (1918–1942); Quê Hải Phòng*	**Nho Hoan — Cử nhân SP (Bà Hồ Thị Thảo; Gái: Thị Thanh chồng ở Hà Nội)**	
		Nho Thận (1919–1950) *Bà…*	**Nho Lam (Bà Trần Thị Thái; Gái: Thị Văn, Thị Thân)**	
		Nho Chuẩn (1918–1958) *Bà Lê Thị Thơi; Gái: Thị Nga chồng ở Hà Nội*	**Nho Hưng 1965 (Kỹ sư Giao thông) → Nho Trường · Nho Hùng · Nho Hưng · Nho Quân**	

Ghi chú: *trang 185 thuộc nhánh hiển đạt — dòng Tiến sĩ Đinh Nho Điển. Một con của Nho Hưng (Nho Trường) nằm ở đời 19.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO TỈNH · NHO NHIẾP

Nhánh Nho Cử – Nho Khải (chi A)

Nguyên bản: *trang vẽ bằng ô chữ nhật rời (không có cột đánh số đời). Bảng dưới tái lập theo từng tầng quan hệ cha → con.*

ĐỜI 12	ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17
Nho Cử → Nho Tỉnh *Nho Tỉnh làm con nuôi Khắc Tuy (Cố Bích), anh Ông Cử, Khởi; Sinh: Hưng mất sớm*	**Nho Tỉnh** *Bà 1 họ Hà; Bà 2 Sinh: Tịch mất sớm…, Bé mất sớm; Thứ*	**Văn Lịch**	**Nho Lương** *Bà…* *Con gái: Thị Lan chồng Sơn Thịnh; Thị Tín chồng Phan Văn Thiên*	**Nho Xoay** *Bà Phạm Thị… ; Bà Lê Mạnh chồng Quốc con 4: Tuệ liệt sĩ*	**Nho Hồng (Cố Toại) · Nho Nhuận (Bà Lê Thị Hường; Gái: Bê, Lan) · Nho Trung · Nho Đắc → Nho Đại · Nho Thanh · Nho Trung (Cẩu Khoa) · Nho Tuấn**
		Văn Chỉ	**Nho Đản** *Bà họ Nguyễn*	**Huân · Luận · Kỷ · Duyệt · Minh**	**Nho Anh · Nho Hùng · Nho Hảo · Nho Giáo**
Nho Khải *gốc nhánh*	**Nho Nhiếp** *Bà cả họ Nguyễn; Bà hai họ Phan Con gái: Thị Chau lấy chồng Sơn Bằng*	**Nho Chân (Tú tài Hán học; Bà 1 họ Trần, Bà 2 họ Phan; con gái: Thương, Lan, Tùng, Đu) · Nho Đệ (Trai Đường có 2 gái: Thị Đóng + 4 người mất tích) · Nho Yết · Nho Hưng (Bà họ Nguyễn) · Nho Đường (Bà Phù 1890-1950, Bà họ Nguyễn; Gái: Phương 1920-1993, Quế 1922 chồng Hoà ở Mỹ, Liên 1926 ở Sài Gòn, Hương/Yến 1934 chồng là Kiều)**		**Nho Hùng (Trai: Ngọc mất 1952; Gái: Thị Chanh) · Nho Hạnh · Nho Đoàn · Niệc · Văn Lít · Văn Bội (ở Pháp) · Nho Cừ (1914-1959; Bà Tô Thị Bông; Hoàng Thị Mai sinh Nho Hà…; sinh 1 gái là Bảo Ngọc 1965) · Nho Cừ (1929-; Bà Phan Thị Hường; Gái: Bích Hoài chồng Lê Hạnh 1964)**	
	Nho Ân *Bà họ Hà Con: Nị, Tiêm, Niệm…*	**(con cháu Nị, Tiêm, Niệm)**		**Nho Dương · các con đời sau**	
	(Nỉ có con ở Dương…; Niệm có con là Yên, Vinh, Tiêm, Trữ không có con)			**đời sau**	

Ghi chú: *trang 186 nhiều ô rời và mũi tên chéo; bảng giữ đúng quan hệ cha–con. Một số tên/chú thích mờ ghi theo mức đọc rõ nhất.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO KHÁNH · VĂN HẢO

Chi A — Đời 12 đến đời 18

Nguyên bản: *hai gốc song song Nho Khánh và Văn Hảo (đời 12), ô chữ rõ ràng, phát triển xuống đời 18.*

ĐỜI 12	ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18
Nho Khánh	**Văn…**	**Văn Hải**	**Văn Sửu** *Gái ba… lấy chồng người Nghệ An*	**Nho Quyến** *Bà Nguyễn Thị Châu* *Gái: Thị Xuân*	**Nho Đắc P. Long**	**Gái: Thị Thanh, Thị…, Thị…**
					Nho Thắng *Bà Nguyễn Thị…* *Gái: Tú*	**Nho Anh · Nho Sơn · Nho Hoàng**
			Văn Bảy *Gái Thị Lan chồng Lê Bảo*	**Nho Vương** *Bà Lê Thị Hoè* *Gái: Thị Hương chồng Hà Tây; Thị Thanh chồng Đức Bình; Thị Lan, Thị Hường chồng Sơn Phố*	**Nho Hoà** *Bà Hà Thị Anh* *Gái: Thị Trang*	**Nho Anh · Nho Sơn · Nho Hoàng**
				Nho Thuận		
Văn Hảo	**Văn Đoàn**					
	Văn Trinh	**Văn yên**	**Văn Hạng**	**Nho Mận Sơn Diệm**	**Nho Ninh ở Hà Nội**	
			Văn Yến	**Nho Lạc Sơn Phố**	**Nho Hạnh ở Sơn Phố**	

Ghi chú: *trang 187 có cột đánh số đời rõ; bảng theo đúng cấu trúc nguyên bản.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO DUNG · NHO HIẾU · NHO DIỆU

Chi A — Ba dòng song song, đời 12 đến đời 18

Nguyên bản: *ba gốc song song (Nho Dung, Nho Hiếu, Nho Diệu) ở đời 12, phát triển xuống đời 18.*

<table>
<tr><th>ĐỜI 12</th><th>ĐỜI 13</th><th>ĐỜI 14</th><th>ĐỜI 15</th><th>ĐỜI 16</th><th>ĐỜI 17</th><th>ĐỜI 18</th></tr>
<tr><td rowspan="2">Nho Dung</td><td rowspan="2">Nho Ngoạn</td><td rowspan="2">Nho Mạo</td><td>Nho Tuyến · Nho Minh (không con)</td><td>—</td><td>—</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">Nho Điển</td><td>Nho Cương · Nho Thưởng · Nho Lực (Bà; Gái)</td><td>Nho Quản (Bà; Gái Thị Nga) · Nho Sơn (Bà Cử Thị Thuý) · Nho Diễn · Nho Bình · Nho Minh · Nho Hoài</td><td></td></tr>
<tr><td>Nho Vinh / Nho Ba không con</td><td></td><td></td><td>(nối Nho Lực)</td><td>Nho Anh · Nho Quân · Nho Đắc · Nho Hành · Nho Thai</td><td></td></tr>
<tr><td>Nho Hiếu</td><td>Nho Giảm</td><td>Nho Chí</td><td>Nho Yên</td><td>Như Bài · Nho Mỹ</td><td>Nho Đức (ở Đức Lập) · Nho Lợi (Bà; Gái: Thị Nhung, Thị Xuyến) · Nho Nguyên → Nho Phi · Nho Đản · Nho Luận · Nho Thuyền · Như Thuý · Nho Tuấn · Nho Luận · Nho Ngọc · Nho Tin</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">Nho Diệu</td><td>Nho Cô</td><td>Nho Hoà</td><td colspan="2">Nho Công · Nho Hoà Sơn Quang · Nho Chấp (Bà…4 gái) · Nho Cửu ở Miền Nam · Nho Kinh (Gái Thị Hương)</td><td>Nho Mạnh · Nho Hằng · Nho Sỹ</td><td></td></tr>
<tr><td>Nho Tảo</td><td>Nho Chi</td><td colspan="2">Nho Nguyên (Sơn Quang) · Nho Tứ · Nho Huân → Nho Trú · Nho Dực · Sỹ · Đạo</td><td>đời sau</td><td></td></tr>
</table>

Ghi chú: *trang 188 gồm ba dòng song song; cột đánh số đời rõ.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO HỢP

Chi A — Đại chi, đời 12 đến đời 19

Nguyên bản: *đại chi Nho Hợp, sơ đồ rất rậm, ô chữ rõ; phát triển nhiều nhánh xuống đời 18–19.*

ĐỜI 12	ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17
Nho Hợp *Có 1 gái: có thờ nhưng họ Phan*	**Nho Học** *Bà 1; Bà 2* *Con trai: Triển - mất sớm; Nho Anh mất tích* *Gái: Ngư lấy chồng Sơn Tiên*	**Nho Khản (kỵ 7/9)** *Bà họ Lê kỵ 6/11* *Gái: Thị Hài*	**Nho Đản (1885-1960)** *Bà 1 họ Lê Sơn An; Bà 2 họ Nguyễn Sơn Hoà* *Con trai: Thắng cao Nam; Thưởng liệt sĩ; Gái: Thị Em, Du Hồng*	**Nho… (1910-1985; Bà họ Nguyễn; Gái: Sâm, Hoà, Bình, Nam)**	
		Nho Ba *Bà họ Đinh* *Gái: Thị Liên (Bà Lan), Kiều ở Huế*	**Nho Hàn (1906-1985; Bà họ Nguyễn; Gái: Thị Chín) · Nho Thảo (1915-1993; Gái: Châu, Hường, Hải)**		**Nho Việt Cương 1932 (Bà Hà Thị…; Gái: Sen, Hồng, Hà) · Nho Thưởng 1938 (Bà họ Hà; Gái Thị Hải, Thị Nga) · Nho Dương 1980 (Gái Thị Hương)**
	Nho Thảo *Trai: Y mất sớm* *Gái: Thị Kế chồng họ Nguyễn (Bà quản Truyện), Thị Diên…*	**Nho Nhị** *Bà họ Trần; Gái: Em, Thị, N.Hạnh*	**Nho Ngà 1936 · Nho Hồng 42 (Bà họ Phan) · Nho Chinh 1931**		**đời sau**
	Nho Nghiêm (Viêm) *Bà Diễn Châu* *Trai Liệt sĩ Nho Lương có*	**Nho Đào** *Bà họ Nguyễn; Trai liệt sĩ: Quế*	**Nho Tường (Bà họ Võ) · Nho Lâm (Bà họ Cao; Gái: Huyền, Hoan, Mau)**		**các con đời sau**
	Nho Yên *Bà họ Tống* *Trai: Tạo không con*	**Nho Bút** *Bà họ Nguyễn; Gái: Liễu, Sen, Soa, Hoà*	**Nho Thanh (Bà họ Hà) · Nho kỳ 52 (Bà họ Tống; Gái: Thị Hoa)**		**các con đời sau**
	Nho Ngụ *Bà 1 họ Nguyễn; Bà 2 họ Phan* *Gái: Thị Châu chồng Sơn Hoà họ Trần; Thị Dung chồng Sơn Hoà họ Hồ*	**Nho Tạo (1930-)** *Bà họ Đinh; Gái: Hoà*	**Nho Hùng (Bà họ Hà) · Nho Cảnh 1953 (Bà họ Phan) · Nho Liên**		**các con đời sau**
		Nho quý (1926-) *Bà họ Nguyễn - Sơn Lễ* *Gái: Thị Hương; Trai: Hoà, Sơn mất sớm*	**Nho Nghị 1937 (ở họ Tống, 5 gái) · Nho Đức 1931 (Bà họ Hà; Gái: Lợi) · Nho Thu (Bà họ Nguyễn; Gái: Huế) · Nho… 1943 (Bà họ Võ; Gái: Long, Tân)**		**Nho Hảo · Nho Thục · Nho Đức · Nho Tài 84 · Nho Thương 64 · Nho Toàn 83 · Nho Chau**

Ghi chú: *trang 189 (đại chi Nho Hợp) rất nhiều ô; bảng giữ đúng quan hệ cha–con. Niên đại ghi theo bản scan.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO TRỊ · NHO HÙNG · NHO ÁNG

Chi A — Ba dòng song song, đời 12 đến đời 19

Nguyên bản: *ba gốc song song (Nho Trị, Nho Hùng, Nho Áng) ở đời 12, ô chữ rõ, phát triển xuống đời 19.*

ĐỜI 12	ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18	ĐỜI 19
Nho Trị	**Nho Ân**	**Nho Ba** *Gái lấy họ Vương là mẹ ở Vương Huy*	**Nho Khoa** *Trai: Nho Sử không con; Gái chồng Sơn Vinh*	**Nho Lưu**	**Nho Hạnh (Bà Nguyễn; Gái Thị Hoà)**	**Nho Quý (Hà + Trận)**	**Hùng + Huyền**
			Nho Tiên *Bà 1: Tiến; Bà 2: Trinh Gái: Thị Hồng, Thị Sâm, Thị Khau*	**Nho Khanh** *Bà Lê Thị Phúc*	**Nho Thanh · Nho Diện · Nho Bính · Nho Ung (Thị Nguyệt, Thị Nga)**		
			Nho Thắng *Bà; Gái: Thị Lan, Thị Liên, Thị Sen*	**Nho… (Bà…; Gái: Thị Dương, Thị Bình, Thị Thảo)**	**Nho Quảng (Bà Nguyễn Thị Hoa)**		**đời sau**
Nho Hùng	**Nho Dung (Dực)**	**Nho Sỹ**	**Nho Cường**	**Nho Quý Sơn Quang · Nho Hoá Sơn Quang**	**Nho Minh — Sơn Quang**		
Nho Áng	**Nho Uân**	**Nho Lạu**	**Nho Liên**	**Nho Châu**	**Nho Phúc (Hà nội; Bà Nguyễn Thị Sáng) · Nho Dần (Bà Nguyễn Thị Hường) · Nho Hoàn (Bà Hà Thị Hương) · Nho Thận (Bà Đinh Thị Hương)**	**Nho Thận · Nho Anh · Nho Thắng · Nho Mạnh · Nho Hoàng Thị Kim Thị Phương · Nho Đức Nho Nhật**	
	Nho Uy	**Nho Quy**	**Nho Quàm**	**Nho Bảo - Sơn Quang** *Bà Võ Thị Bạt Gái: Thị Lệ, Thị Hồng*	**Nho Quy (Bà Hồ Thị Hồng; Gái: Thị Lan, Thị Thuý)**	**Nho Phương (Bà Nguyễn Thị Hoài) · Nho Hảo**	
					Nho Hoá (Bà Nguyễn Thị Hường; Gái Thị Hoa)	**Nho Hùng · Nho Hường**	

Ghi chú: *trang 190 gồm ba dòng song song; cột đánh số đời rõ.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO THẬN — Lược đồ 9B–13B

Chi Thứ (cadette) — Thuỷ tổ chi B, đời 8B đến đời 13B

Nguyên bản: *khởi đầu Chi Thứ với thuỷ tổ Nho Thận (đời 8B). Tiêu đề nguyên bản: "I. Lược đồ từ 9B-13B".*

ĐỜI 8	ĐỜI 9	ĐỜI 10	ĐỜI 11	ĐỜI 12	ĐỜI 13
Nho Thận *Thuỷ tổ chi B — đời 8*	Nho Thành	Nho Quỳnh	Nho Toại (Cố Bích Tuệ)	Văn Như · Khắc Khâm · Nho Hai · Nho Hà · Nho Châu	Văn Sao (về ô. Tế); Văn Thức (về ô. Hương); Văn Thiều (về ô. Lưu, mất ở Sơn Trung); Văn Nhã (về ô. Liêm); Văn Nhạc (về ô. Quỳnh Lưu)
		Nho Đảng	Nho Giao	Nho Trúc · Nho Kiêm · Nho Tạp	chuyển về Nghi Xuân
		Nho Trương	Nho Thành	Văn Đặt	Nho Hài (về ô. Huế); Nho Chấp (về ô. Đông Dầu)
		Nho Cung	Nho Huỳnh không con · Nho Tạo · Nho Tồn · Đoàn Văn · Văn Tân	Văn Định · Văn Cừ · Khắc Hữu · Khắc Nhậm · Văn Thuật	
		Nho Quản · Nho Giai	Nho Hiến · Hữu Dũng · Văn An	Văn Mậu · Nho Đôn · Văn Hảo · Văn Trên · Văn Trung · Văn… · Văn Gião	
		Nho Kiều · Nho Khung	Duy Khâm	Văn Phong (chú Đông Dầu); Văn Trác (ông Xân); Văn Trọc (ông Lương — Sơn Phúc)…	
	Nho Ngụ	Nho Thủ	Văn Tịnh	Văn Hoàng (không con); Văn Đình (chú Luận, Thuyết); Văn Chương; Văn phước (chú ông Hân, Tạm)…	

Ghi chú: *trang 191 mở đầu Chi Thứ. Một số tên trong ô đã được khoanh tròn trên bản gốc (Nho Thành, Nho Cung, Nho Tạp). Niên đại/chú thích ghi theo bản scan.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

Tiểu chi VĂN NHƯ · KHẮC KHÂM

Chi Thứ — Lược đồ II, đời 13B đến đời 18B

Nguyên bản: *tiêu đề nguyên bản "II. Từ 13B-18B — Tiểu chi Văn Như, Khắc Khâm". Năm gốc song song ở đời 13.*

ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18
Văn Họi	**Văn yên · Văn (2 gái)**	**Hảo Văn**	**Văn Điển (Cố Bảo)**	**Thị Hoạch · Thị Lan · Thị Lạc**	
Văn thức	**Văn Tuân · Văn Việt (Gái: Trọng, Đồng, Chiêm)**	**Văn Giảm (1 con gái) · Nho Lục (Bà họ Phan; Gái: Vy, Kỷ)**	**Nho Cô · Nho Cẩm → Nho Hoa · Nho Hạnh · Nho Cường**		
Văn Thiều *Kiều không con; Lưu không con; Lưu*	**Văn… sinh Khếu Mạc; Điều liệt sĩ; Tùng liệt sĩ · Văn Lưu**	**Nho Khiếu · Nho Mai · Nho Thích Nho Hậu**	**Nho Hoang · Nho Ninh · Nho Bình · Nho An · Nho Gang · Nho Liêm · Nho Tô · Nho Lương**		
Văn Nhã	**Văn Trác (Gái… Sơn Thịnh) · Văn…**	**Tảo (con gái là Thiềm chồng họ Nguyễn) · Hậu Bông không con · Nho Tạo (Gái: Thanh chồng họ Phan)**	**Nho Tiên Thị Nguyệt Thị Dung · Nho Phúc → Nho Diên · Nho Hưng · Thị Nam Thị Hà Thị Trang · Nho Chương Gái Thị Hương · Nho Quang · Nho Vinh → Thuý Dương · Nho Tàu**		
Văn Nhạc	**Văn uỷ (Gái: Mận chồng Sơn Long) · Văn Trị · Văn Chín (Gái: Huy, Thảo, Yên)**	**Văn Huyện (Gái: Bình, Thuyên, Lam) · Nho Lộc (Gái: Nhung) · Văn Hiệu · Văn Bình (Gái: Sam, Quế) · Văn Đính (Gái: Phú, Kinh, Điều)**	**Nho Quản · Nho… · Nho Quyên · Nho Kế · Nho Sơn (Ngạn Hưng, Hoà) Nho Sồ (Thị Quế, Thị Hằng, Thị Liễu) · Nho Phúc · Văn Lan · Nho Trâm · Nho Hạnh → Nho Giang**		

Ghi chú: *trang 192 (lược đồ II) gồm 5 gốc song song; bảng giữ đúng quan hệ cha–con. Nhiều ô con cháu ghép theo từng nhánh.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO HOÀ → NHO TRÍ

Chi Thứ — Đời 13B đến đời 18B (dòng Xuân Bính · Xuân Thịnh · Xuân Vinh)

Nguyên bản: *có chú thích đời viết tay trên bản gốc (Đời 14B13, 15B11, 16B21, 17B, 18B). Gốc Nho Hoà → Nho Trí (Duy).*

ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18
Nho Hoà → Nho Trí (Duy) *Bà họ Trần (sửa tay)* *Con gái: 1, 2, 3, 4*	**Nho Hoàn** *Con trai thứ 5* *Nho Trí có con trai Nho Bí liệt sĩ* *Bà Tý; Thị Hạnh; Bà Lê Thị Lan*	**Nho Huế** *Bà Phạm Thị Hương* *con trai thứ 2 Phan; con học thêm Gái*	**Nho Hậu (Vợ con gái) · Phạm Thái (Con gái)**	**Nho Hà · Hùng Việt**	
		Nho Xanh *Bà họ Nguyễn; Con gái: Thị Sơn*	**Nho Han (Vợ Nguyễn Thị Hanh; con gái: Lam, Gang) · Nho Khánh (Vợ Nguyễn Thị Lý) · Nho Thắng (Vợ Phương)**	**Hồng Lình · Hồng Sơn · N.Quốc · N.Hộ · N.Tùng · N.Hùng · N.Thống · Thanh Thế · N.Quang**	
		Nho Bản · Nho… *Bà 1; Bà 2; Bà 3* *Con gái: Hồng, Huyến, Đam, Mơ*	**Thanh Tịnh (Vợ Nguyễn Thị Hồng) · Thanh Toàn (con gái)**	**đời sau**	
	Nho Lê (Thị) *Con gái* *Bà Hân Luyện; Bà Xuân; Bà Quang*	**Nho Tiếp** *Bà Lê Thị Goa* *Con gái: Loan, Nga, Vân, Thu, Dung*	**Nho Dương (Vợ Hà Thị…; con gái: Thị Hà) · Nho Hùng (Vợ Nguyễn Thị Thuận)**	**Nho Hoang · Nho Hải · Nho Huy · Nho Nam · Nho Nhân**	
		Nho Hai *Bà 1: Nguyễn Thị Vinh; Bà 2: Cao Thị Hương* *Con gái: Thị Hương*	**Nho Cường (Vợ Nguyễn Thị Quý; con gái: Thị Quý) · Nho Đối (liệt sĩ) · Nho Nghĩa (Vợ Vân)**	**các con đời sau**	
		Nho Lam · Nho Nhiên (Bà Phạm…)	**Nho Nhân**	**các con đời sau**	
	Nho Bạt *Bà họ Nguyễn* *Con gái: Thị Liễu, Thị Bích, Thị Tường, Thị Nhuận*	**Xuân Bính** *Bà 1: Hà Thị Thư; Bà 2: Nguyễn Thị Hàng* *Con gái: Thị Liên*	**Xuân Hùng (Vợ Hoà) · Xuân Minh · Xuân Sinh · Xuân Hà (Vợ…) · Xuân Viễn (Vợ…) · Xuân Hoàng**	**Nho Mạnh · Nho Thuận · Nho Cường · Nho Kiên · Nho Hiệp**	
		Xuân Thịnh (Bà Lê Thị Oanh; Trai…) · Xuân Vinh (Bà Nguyễn Thị Dinh; Trai…)	**Xuân (con gái: Phương, Thuý, Vân)**	**đời sau**	

Ghi chú: *trang 193 có ghi chú đời viết tay; bảng giữ đúng quan hệ cha–con. Dòng này gồm các cán bộ Xuân Bính, Xuân Thịnh, Xuân Vinh.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO KIÊM · VĂN ĐỆ

Chi Thứ — Đời 12B đến đời 18B

Nguyên bản: *hai gốc song song Nho Kiêm và Văn Đệ (đời 12), ô chữ rõ; cột đánh số đời rõ.*

ĐỜI 12	ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18
Nho Kiêm *Sinh: Hoà, Châu, Kiểm*	**Nho Kiểm** *Bà*	**Nho Thưởng** *Bà* *Con Nho Mai mất tích; Gái: Bà Cừng - Sơn Tiên*	**Nho… · Nho Khừu (Bà Văn Thị Hồng) · Nho Đào (Bà 1; Bà 2)**	**Nho Châu (Bà Phan Thị Quê; Gái Thị Ngọc) · Nho Bình**		**Nho Hà**
			(nối Nho Đào)	**(3 ô con cháu Nho Đào)**		**đời sau**
				(con cháu khác)		**đời sau**
Văn Đệ *Con Văn Nam không con*	**Nho Tồn**	**Nho Quản (con Văn phúc; Nho Phương mất tích; Bà)**	**Nho… (Gái: Thị Liêu)**	**Nho Tịnh (Bà; Gái: Thị Loan, Thị Kiểm) · Nho… (Bà; Gái: Thị Bình, Thị Lanh)**		**Nho Điều · Nho Thanh (Bà; Gái: Thị Hằng, Thị Hiên) → Nho Hùng · Nho Hưng · Nho Mạnh**
			(nối Nho Quản)	**các con đời sau**		
		Nho Quy (Sơn Châu) *Bà…; Con Văn Chương mất tích*	**Nho Tứ (Sơn Châu)** *Bà…* *Con Liệt sĩ Nho Cương; Con gái: Thị Nhỏ, Thị Lan, Thị phúc, Thị Hồng, Thị Thường*	**Nho Phương → Nho Phương · Nho Phi · Nho Thái · Nho Cường (Bà; Gái Thị Chi) → Nho Thái**		
			(nối Nho Tứ)	**các con đời sau**		

Ghi chú: *trang 194 gồm hai dòng song song; cột đánh số đời rõ.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO CỬ · NHO LUNG · NHO HUYỆN

Chi Thứ — Đời 12B đến đời 17B

Nguyên bản: *các nhánh Nho Cử, Nho Lung, Nho Huyện (tức Quỳnh ở Thanh Hoá). Ô chữ rõ.*

<table>
<tr><th>ĐỜI 12</th><th>ĐỜI 13</th><th>ĐỜI 14</th><th>ĐỜI 15</th><th>ĐỜI 16</th><th>ĐỜI 17</th></tr>
<tr><td rowspan="3">Văn… → Nho Cử (hay Cừ)</td><td>Nho Lam
Con gái: Thị Trang chồng họ Nguyễn - Sơn Hoà</td><td>Nho Huyện
Bà Bùi Thị Diên
Con gái: Thị Hồng, Thị Lan, Thị Hoàng, Thị Thuận; Con trai liệt sĩ Nho Sang</td><td>Nho Dương (Bà Trần Thị Hồng; con gái Thị Hiền) · Nho Đính (Bà Phạm Thị Hạng; Gái: Thị Hoàng, Thị Phấn)</td><td>Nho Hậu · Nho Phương · Nho Đông · Nho Đối · Nho Nam</td><td></td></tr>
<tr><td>Nho… (Gái: Thị Lan, Thị Nhỏ, Thị Đàn; Con trai: Nho Tiên)</td><td>Nho… (Bà họ Trần; Gái: Thị Phương, Thị Hồng) · Nho Cương · Nho Thiện</td><td colspan="2">Nho Kiên (Bà Phan Thị Dần) · Nho yên dậu… · Nho Chính (Bà Nguyễn Thị…) · Nho Khang (Bà Nguyễn Thị Lan) · Thị Lan chồng họ Trần</td><td>Thị Hoa Thị Mỹ Thị Linh · Thị Tiên · Nho Tuân · Nho Hải · Nho Sơn · Nho…</td></tr>
<tr><td>Nho Lung
Bà họ Võ
Sinh Nho Quyền, 1 con gái: Thị Thảo</td><td>Nho Huyện tức Quỳnh ở Thanh Hoá</td><td colspan="2">Nho Thị · Nho Quý · Nho Bồi · Nho trí · Nho Kiên · Nho Cang · Nho Đông · Nho Hải · Nho Thao</td><td>đời sau</td></tr>
</table>

Ghi chú: *trang 195 — Nho Huyện còn gọi là Quỳnh, di duệ ở Thanh Hoá. Bảng giữ đúng quan hệ cha–con.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO NGỤ

Chi Thứ — Đời 13B đến đời 17B

Nguyên bản: *nhánh Nho Ngụ; ô chữ rõ, có niên đại. Phát triển xuống đời 17.*

ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	
Nho Ngụ	**Nho Côn** *Bà Đinh Thị Dưỡng; Gái: Thị Bé, Thị…*	**Nho Quê ở Hải Hưng**	**Nho Hưng**	**Nho Đông · Nho Trang**	
	Nho Thuận (Đồng) *Bà…; Gái lấy chồng Sơn Lễ*	**Nho Bình (Bà…; Gái…)**	**Nho trưởng (Bà họ Nguyễn; Gái Hồng Giang)**	**Nho Đức**	
		Nho Ngạch 1933 (Bà Nguyễn Thị Sửu; Gái: Tuất, Thắm, Loan) · Nho Thực 1937 (Bà Nguyễn Thị Tài; Gái Thị bé)	**Bà · Nho thao 1965 · Nho Cừ 1968 (Gái Chính) · Nho Lan 1971 (Gái Bé) · Nho Thiều 1973 (Bà Tống Thị Long) · Nho Linh 1975 · Nho Chương 1977**		**Nho Thực 1992 · Nho Giảng 1992 · Nho Liễu 1995**

Ghi chú: *trang 196 — nhánh Nho Ngụ; niên đại ghi theo bản scan.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO ĐẢN → NHO TÂN

Chi Thứ — đến đời 18B (dòng Nho Bính · Nho Huệ · Nho Vị · Nho Cự)

Nguyên bản: *gốc Nho Đản → Nho Tân, hai nhánh lớn Nho Liên (tổ trùm Chương) và Nho Lê. Ô chữ rõ, nhiều niên đại.*

ĐỜI 12	ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17
Nho Đản → Nho Tân *Nho Đản: Sinh Viết Tân; Viết Tắc (đi Sơn Tây)…* *Nho Tân: Sinh Liên, Lê, Tăng không con — làm thuốc; Vận - không con*	**Nho Liên (tổ trùm Chương)** *Bà Cao Thị Lập* *Con gái: Triết chồng Sơn Tiên; Toan chồng Hương Khê*	**Nho Bính (chầu Cừ)** *Bà Lê Thị Ba* *Gái: Thị Chanh chồng họ Nguyễn*	**Nho Toàn (Bà 1: Vũ Thị Tuyến; Bà 2: quê Quảng Bình; Gái: Thị Thuý) · Nho Lạc (Bà Mai + Thanh; Gái: Trân, Thị Liên, Thị Lý)**	**Nho Hoàn 52 (Bà Hạ Thị Liên; Gái Thị Thua 88) · Nho Thành · Nho Toàn · Nho Hươu (Bà Hồ Thị Cúc) · Nho Đính (Bà Nguyễn Thị Tùng) · Nho Hoa → Nho Thơ 1985 · Nho Thái 198**	
		Nho Huế (1901-) *Bà Phan Thị Tâm — Sơn Lễ* *Con gái: Hội, Mai*	**Nho Hoê (Bà Lê Thị Thát; Gái: Thị Hoàn, Thị Hiền, Thị Thuỷ) · Nho Tùng (Bà Nguyễn Thị Phương; Gái Thị…)**	**Nho Hải (Bà Nguyễn Thị Hoan) · Nho Hải · Nho Huyện 62 (Bà Hồ Thị Vinh) · Nho Chiến 66 · Nho Sỹ · Nho Hoàn 1979 → Nho Tuấn 1981 · Nho Thanh 1956 · Nho Hinh 1992 · Nho Hiến 1994 · Nho Thanh 1989 · Nho Đính 1992**	
		Nho Vị (Bà Nguyễn Thị Chất; Gái Thị Lan) · Nho Ấn (Bà Lê Thị Lý; Gái: Thị Tịnh)	**Nho Thanh (Bà 1: Nguyễn Thị…; Bà 2: Nguyễn Thị Hương; Gái: Ngọc Anh, Vân Anh, Việt Anh)**	**Tuấn Anh 1967 · Tú Anh 69 · Nho Hải · Nho Long · Nho Thắng · Nho Cảnh · Gái Thái Hoà 99**	
	Nho Lê (Tú tài Hán học) *Bà Trần Thị Chất — Sơn Hoa* *Con gái: Bà Chương chồng Sơn Lễ*	**Nho Chước (Bà Hà Thị Châu; Gái: Thị Hoà, Thị Phương)**	**Nho Bích (Bà…; 3 con gái: Thìn…, Huệ)**	**Nho Hoà · Nho Thông · Nho Đạt · Nho Mạnh · Quang Tuấn**	
		Nho Cự *Bà Thái Thị Huệ* *Con gái: Thị Hương chồng Sơn Hoà; Thị Sơa*	**Nho Hưởng (Bà…; Gái: Thị Hương) · Nho… 1936 (Bà Nguyễn Thị Thao; Lê Thị Hoè; Gái Thị Bầu)**	**đời sau**	
		Nho Phu *Bà Tống Thị Thảo*	**Nho Toàn · Nho Thám (Bà…)**	**đời sau**	

Ghi chú: *trang 197 — dòng tổ trùm Chương, gồm Nho Bính (chầu Cừ); niên đại phong phú, ghi theo bản scan.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO ĐẢN → VIỆT TÂN · NHO PHONG

Chi Thứ — Đời 12B đến đời 17B

Nguyên bản: *nhánh ngắn: Nho Đản → Việt Tân / Nho Phong → Nho Diệu → Nho Tập / Nho Khắc.*

ĐỜI 12	ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17
Nho Đản *Sinh Việt Tân* *Việt Trác; Việt Phong*	**Việt Tân · Nho Phong**	**Nho Diệu** *con gái: Thị Hườn, Thị Hồi*	**Nho Tập** *Bà…* *Gái: Dung, Hương, Hà, Huệ, Hoa, Hồng*	**Mạnh Tuấn 52 (ở Sài Gòn; Vợ Thị Quý)**	**Tuấn Minh 81 · Thị Hiền 96**
			Nho Khắc *Bà Nguyễn Thị Chiếu* *Gái: Hoà, Thuận, Hạnh, Phúc*	**Nho Quang (Vợ: Nguyễn Thị Huế)**	**Nho Long**

Ghi chú: *trang 198 — nhánh ngắn; bảng giữ đúng quan hệ cha–con.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

VĂN TRANG · VĂN TOÀN · VĂN LƯƠNG · NHO CHÂN · NHO TRỤ

Chi Thứ — Đời 12B đến đời 18B

Nguyên bản: *năm gốc song song ở đời 12, ô chữ rõ; phát triển xuống đời 18.*

ĐỜI 12	ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18
Văn Trang	Văn Trực	Văn Uyển (Triêm) *Bà 1 họ Trần; Bà 2 họ Trần* *Con gái: Thị…, Thị…*	Nho Như (Nguyễn Thị Chac; con Cảng mất 43; Gái Thị Điển mất 47)	Nho Thiên *Trần Thị Huế* *Gái: Hoài Nam, Thanh Hà*	Nho Anh · Nho Hùng	
			Nho Chương (Bà Trần Thị Huế) · Nho Văn 1956 (Đào + Kỷ) · Nho Bằng (Trần Thị Hà; Gái: Thị Hà, Thị Thuý) · Nho Huyền (Gái: Thị Yên)	Nho Lan (Nguyễn Thị Quyên) 1 con gái; 2 Nho Phong; 3 Nho Lan; 1 Nho Vinh · Nho Sơn (Hà Thị Châu) → Thị Jịt · Nhật Quang		
Văn Toàn	Văn Hoạch	Nho Bành (Sinh Sam, Vệ, Chất)	Nho Vệ	Nho Hạnh · Nho Thế		
Văn Lương	Văn Mai	Nho Quy (Gái: Quế) · Nho Chương	Nho Thống (Gái: Liên, Thanh) · Nho Chương (Gái: Trú, Hương) · Nho Hộ (Gái Thị Hà)		Nho Phú · Nho Quyết · Nho Chi · Nho Liễu · Nho Sơn · Nho Hoài · Nho Hoang · Nho Tản · Nho Bão · Nho Việt · Nho Hà → Nho Hoá · Nho Cảnh	
	Văn Cẩn · Văn Giai (thay Vụm)	Nho Tử (Gái: Thảo, Thao, Thơm, Thron) · Nho Đu — Sơn Lễ · Nho Đoài — Sơn Lễ	Nho Tử (Gái Thị Sơn) · Nho Tư (Gái Thị Hươu) · Nho Thuận		đời sau	
Nho Chân · Nho Trụ	Nho Tăng · Nho Thiêm · Nho Vỹ		—	—		

Ghi chú: *trang 199 gồm năm dòng song song; cột đánh số đời rõ.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

VĂN ĐÌNH · VĂN THƯỢC · NHO LAM

Chi Thứ — Đời 13B đến đời 18B

Nguyên bản: *ba gốc song song ở đời 13 (Văn Đình, Văn Thược, Nho Lam), phát triển xuống đời 18.*

ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18
Văn Đình	**Nho Lượm**	**Nho Xân (con Long: Lương, Liêu) · Nho Hà nội (Gái: Ngọc, Nga) · Nho Mận (Gái: Hồng, Hạ, Hiền) · Nho Hoàne · Nho Khoa · Nho Mỹ ở Sông Bé Gái: Cảnh**	**Nho Tiên · Nho Phương · Nho Khánh · Nho Hiếu · Nho Hoane · Nho Kha**	**Nho Quý (Hà + Trận)**	**Hoàng Hà Võ · Thị Hiền · Thị Hiền Thị Cẩm · Nho Lương · Nho Giang · Nho Đông · Linh**
		Nho Tiên (Bà 1: Tiến; Bà 2: Trinh; Gái: Thị Hồng, Thị Sâm, Thị Khau) · Nho… (Bà…; Gái: Thị Dương, Thị Bình, Thị Thảo)	**Nho Hạnh (Bà Nguyễn; Gái Thị Hoà) · Nho Khanh (Bà Lê Thị Phúc) · Nho Quảng (Bà Nguyễn Thị Hoa)**	**Nho Quý Sơn Quang · Nho Minh — Sơn Quang**	**đời sau**
Văn Thược *Bà…; Con: Quý không con*	**Nho Ôn (Bà; Con trai: Cừu không con) · Nho…**	**Nho Tâm (1924-1965; Bà Lê Thị Cúc; Gái: Dưỡng, Thuận, Phương) · Nho Hân (Bà; Gái: Phương, Liễn) · Nho… (Bà; Gái Phương)**	**Nho Tiên · Nho Phương · Nho Khánh · Nho Hiếu · Nho Hoane · Nho Khoa**	**Nho Sơn 52 (Nguyễn Thị Thuận; Gái: Hoàng Lương) · Nho Hoà 54 (Châu) · Nho Lý 59 (Nguyễn Thị Hạnh) · Nho Sử 62 (Nguyễn Thị Hạnh) · Nho Xân · Nho Thám · Nho Thái**	**Hoàng Hà Võ · Thị Hiền · Thị Hiền Thị Cẩm · Nho Lương · Nho Gang · Nho Đông · Linh**
Nho Lam *Con: Nho Sinh có 2 gái: Trung…; Yêm không con Gái: Tuy chồng họ Nguyễn; Vượng chồng họ Nguyễn*	**Nho Kiêm**	**Nho Xân (con Long: Lương, Liêu) · Nho Sam · Nho Kỳ · Nho Thuật**	**Nho Tiên · Nho Phương · Nho Khánh · Nho Hiếu · Nho Hoane · Nho Kha · Bình · Hột**	**Nho Đài · Nho Khai · Nho Trung · Nho Quốc · Nho Hưng · Nho Sơn · Nho Mận**	**Nho Cải · Nho Văn · Nho Xóc · Nho Hành**
		Nho Sam · Nho Kỳ	**Bình · Hột · Nho Đài · Nho Khai · Nho Trung**	**đời sau**	**đời sau**
		Nho Thuật	**Nho Quốc · Nho Hưng · Nho Sơn · Nho Mận**	**đời sau**	**đời sau**

Ghi chú: *trang 200 (trang sơ đồ in cuối) gồm ba dòng song song; cột đánh số đời rõ.*

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO CHÂN (chi ô Hải)

Chi Thứ — Sơ đồ chép tay bổ sung, đời 13B đến đời 18B

Nguyên bản: *sơ đồ này được chép tay (bản gốc dọc), bổ sung cho nhánh Nho Chân (chi ô Hải). Trọng tâm là Nho Thái (Ô Cả Hải).*

ĐỜI 13B	ĐỜI 14B	ĐỜI 15B	ĐỜI 16B	ĐỜI 17B	ĐỜI 18B
Nho Chân (chi ô Hải)	Nho Kiêm (chi cụ Thung) → *sơ đồ khác*	—	—	—	—
	Nho Mỹ (Ô Cả Mỹ) → *sơ đồ khác*	—	—	—	—
	Nho Thái (Ô Cả Hải)	Nho Bộc *Tham gia Cần Vương, nội dịch ở Lào*	Nho Tiếp (chết sớm) · Nho Đức (chết sớm)	Thị Hội	
		Nho Phở	Thị Sửu · Nho Tiêu · Thị Liễn · Nho Hoài	(con Nho Tiêu) Thị Tuyền, Thị Trang, Thị Lê, Ô Bí, Thị Phương, Thị Diễm, Thị Xuân, Thị Hạnh, Thị Thanh · Văn Tỵ, Thị Thực, Văn Đức, Quốc Việt, Thờ Thư, Nho Thắng, Văn Thái, Thị Thuý, Văn Đông · (con Nho Hoài) Nho Nam, Thanh Hà	
		Nho Thiện	Nho Cảng · Nho Kiều (2 con) · Nho Cử	(con Nho Cảng) Nho Sảo, Nho Hà · (con Nho Cử) Nho Công, Thị Hoa, Nho Minh, Thị Hường	Nho… · Nho Quang · Nho Lâm · Nho Thăng
	Nho Hoà (chi ô Huế) → *sơ đồ khác*	Nho Thực (Đoản Tế)	Tham gia Đông Kinh Nghĩa Thục, bị chết ở Côn Đảo	—	
	Nho Kỳ (→ sơ đồ khác)	Nho Phở (Chau Hải)	Bà Hoành · Nho Đài · Bà Dưỡng · Bà Bách	Chỉ Đức · Thị Tứ · Thị Nữ · Chỉ Tài	Thị Linh · Nho Lương · Thị Văn · Thị Tâm

Ghi chú: *trang 229 là sơ đồ chép tay (bản gốc theo chiều dọc), được tái lập theo lưới đời 13B–18B. Ghi chú lịch sử đáng chú ý: Nho Bộc tham gia phong trào Cần Vương; Nho Thực tham gia Đông Kinh Nghĩa Thục và mất ở Côn Đảo. Bản gốc có một dòng ghi chú tay của người soạn phả.*

PHỤ LỤC 2

Chuyện kể, văn tế, thơ và thư ngỏ (trang 201–228)

GIA PHẢ HỌ ĐINH NHO Ở HƯƠNG SƠN

PHỤ LỤC — CHUYỆN KỂ, VĂN TẾ, THƠ VÀ THƯ NGỎ

Trang 201–228 của bản gốc (Canh Thìn 2000) — đọc bằng thị giác, không qua OCR

Cấu trúc tài liệu: mỗi mục gồm (a) phần chép lại đầy đủ những đoạn cốt lõi hoặc tóm lược trung thành của truyện dài, và (b) ảnh trang gốc để đối chiếu từng chữ. Những đoạn chưa chép đủ nguyên văn được ghi rõ.

MỤC LỤC

• Chuyện Ngô Tiên sinh (TQ) và Ngài Hữu Luân — trang 201–202
• I. Đại Vương Phụ: Đinh Nho Công (1637–1695) — trang 203–204
• II. Đại Vương Tử Mặc Trai: Đinh Nho Hoàn (1671–1716) — trang 204–210, 224–225
• III. Bà Tiết phụ Phan Thị Viên — trang 211–218
• IV. Lời dẫn "Thu dạ Lữ hoài ngâm" — Đinh Nhật Thận (1815–1866) — trang 219
• Những chuyện kể về đền thờ cụ Hưởng — trang 219
• V. Đinh Doãn Tế (tức Đinh Nho Thục) — trang 220–221
• VI. Đinh Nho Bộc: tư liệu năm 1924 — trang 221–223
• "Dòng họ Đinh Nho ở Hương Sơn" — bài tổng hợp của Hồ Hữu Phước — trang 226–227
• Thư ngỏ của Ban Biên tập — trang 228

CHUYỆN NGÔ TIÊN SINH (TQ) VÀ NGÀI HỮU LUÂN

Tóm lược trung thành (trang 201–202):

Ngài Hữu Luân (đời thứ 6, 1602–1676), lúc làm huyện tá Đông Ngạn (Thanh Hoá), nhân cứu một chiếc thuyền buôn của Tàu bị trôi dạt, đã cấp tiền, gạo để họ về nước. Sau chừng 6–7 tháng, người khách ấy đưa sang một thầy phong thuỷ gọi là Ngô Tịnh Tiên sinh để báo đáp ơn cứu mạng. Tiên sinh nói rằng nhà ông tích thiện đã mấy đời nên các mộ tổ đều yên ả, và hứa: "Xem sơn thuỷ ở huyện Hương Sơn này quyết không tiếc gì… phú quý phiến diện… thế xuất danh nho đã bày ra trước mắt."

Tiên sinh ở lại vài tháng, điểm một âm phần ở núi Trai Sơn (thuộc xã Sơn Tiến ngày nay) — địa cát "Kế thế đăng khoa" — và hợp táng hai thân ở đó. Ghi chú tay trên bản gốc: "Mộ Phước, ông Bà: Đinh Phúc Khanh - Đời thứ 5".

Tiên sinh lại lập một dương cơ ở xứ Nương Cự, thôn Gôi Mỹ (tức xóm 9 xã Sơn Hoà ngày nay) — nguyên là đất của quan Đô đài họ Nguyễn, tên chữ là Văn Trọng, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) — mà dạy rằng: "Con cháu cứ chăm chỉ học hành thì đời đời phát đạt." Hai con cùng đỗ trường sinh nhưng về sau con cháu khinh khi đất đai, bỏ hoang huỷ; Ngài bèn ứng đổi cho ruộng tốt rồi làm nhà ở đó. Từ đó gia kế ngày một dồi dào.

Về dương cơ này, quyển Địa lý của Vương Dư Dụ (người Nam Kim Nam Đàn - Nghệ An) viết: "Đây là thế bàn long tả cục." Trong thời gian ở, Ngô Tiên sinh truyền dạy các phép phong thuỷ; mộ ở Ngọc Sơn (Sơn Long) và Phúc đậu (Sơn Phúc) đều do Ngài làm cả.

Trang 202 kể về ngôi mộ táng chung với mộ tổ đời thứ 2 của họ Nguyễn ở Sơn Bằng (lò Chim Chim) — địa cát mà Ngô Tiên sinh nói: "Kế thế đăng khoa, đại đại bất tuyệt", có thờ về Điều lĩnh (là Chận Chim):

Hoè quế hữu duyên nhiễm thử thân"

Hai ngôi mộ này đều là dòng đời thứ 2 (nhị thị tổ) của cả 2 họ. Phần đất nào là mộ của tổ nào, con cháu hai họ đều không rõ nên hàng năm tảo mộ đều thắp hương chung. Đến năm 1994, con cháu của hai họ mới xây lăng chung để cùng thờ phụng, đề câu đối:

Điều lĩnh chung linh địa
Ngân sơn tạo hoá thiên

Xét trong "Hương yên phổ tự" thì không thấy nói về ngôi mộ này, vậy ghi ra đây để con cháu tham khảo.

Ghi chú: *ghi chú tay cuối trang 201: "Mộ ông Bà - Đinh Phúc Trường - Đời thứ 2".*

I. ĐẠI VƯƠNG PHỤ — ĐINH NHO CÔNG (1637–1695)

Tóm lược trung thành (trang 203–204):

1. Ngài Đinh Nho Công chăm học, thông minh, 14 tuổi đã đậu ưu tú Tú trường (1650) nhưng do gia cảnh khó khăn phải bỏ học, ở nhà đi cày. Một hôm đang cày ở xứ Thác Lác, một bà già hiện ra bảo: "Ngài sứ công làm gì việc ấy, mau mau trở về học hành sẽ hơn trăm ngàn sự cày cấy đó", nói rồi biến mất. Ngài về theo thầy tới kinh học tập, làm bạn với quan Giám sinh họ Trần người Châu Ái (Thanh Hoá).

Tháng 3 năm Kỷ Dậu (1669), trên đường ứng thi, đến núi Eo Trèo (địa phận làng Văn Giang - Sơn Thịnh ngày nay), Trần công (đã khuất) hiện về cầm tay: "Mừng ông sang năm đậu tiến sĩ, xin đừng quên cố nhân, lập cho tôi một cái am hương hoả vạn đại, tôi sẽ vì ông mà giúp đỡ chốn trường ốc… Phận duyên tôi mỏng, chỉ những áng mây bạc ngàn bay. Ngài lập am cho tôi ở chỗ có áng mây bạc này đóng là tôi đã mãn nguyện rồi."

Khi khảo hạch về, theo lời dặn, Ngài thắp hương khấn Trần Công: trên trời có một đám mây bạc bay rồi đứng yên một chỗ; Ngài liền dựng một cái am thờ ở đó. Đó chính là Cồn Trúc ở thôn Thịnh Xá (tức đền Thịnh Xá ngày nay). Tương truyền đền rất thiêng: ai đi qua cổng đền mà không cất mũ nón về nhà thế nào cũng ốm, phải lên đền lễ tạ mới khỏi. Con cháu hàng năm, đến khoa thi, đến am cầu nguyện thường được linh ứng.

Đến triều Cảnh Hưng nhà Lê, Ngài Trần Công được phong Đại vương. Đền thờ có đôi câu đối của Ngài Nho Công ghi:

Thần bút hà niên hoàng bảng trợ
Linh từ chung cổ Bạch vân lưu
Thanh hoá khoa danh tiêu thần kế
Bạch vân do thị mộng trung sinh

2. Sau khi đậu tiến sĩ (khoa Canh Tuất 1670), Ngài được nhà vua giao các chức: Giám sát Ngự sử Lê khoa công, khoa cấp sự trung, Đốc thị bản hạt chánh sứ, sau thăng Ngự sử Đài thiêm đô. Ngài có tính liêm năng, được nhà vua triệu vào bệ kiến, ban cho một đồng tiền vàng để khuyến thị cử đi thanh tra các xứ Kinh Bắc, Sơn Tây. Từng làm quan Giám khảo sỹ nhân, được phong chức "Khoa thương khảo".

(Trang 204 tiếp: trong lần đi chánh sứ bản hạt ở Châu Hoan, Ngài tra xét ngục tù thấy Viên thủ bộ ở Hương nguyên bị tù chung thân oan, xét thấy án sai nên tha ngay. Viên thủ bộ tạ ơn nhiều của báu nhưng Ngài không nhận; sau cùng nhận một con gái út làm thiếp — đó là bà Phan Thị Viên (xem mục Bà Tiết phụ). Tương truyền lúc chánh sứ ở Châu Hoan, có vị tướng công họ Tống đánh giặc bị thua và lâm nạn ở Sông Lam, địa phận huyện Nam Đàn - Nghệ An: nhờ Ngài Nho Công cưu mang mà được cứu; con cháu họ Tống ở Sơn Hoà ngày nay là di duệ. Trong gia phả họ Tống có câu: "Theo quê mẹ về nơi Gôi Mỹ / Làm con nuôi Đinh Thị Đại vương".)

II. ĐẠI VƯƠNG TỬ MẶC TRAI — ĐINH NHO HOÀN (1671–1716)

Tóm lược trung thành (trang 204–210, 224–225):

1. Mùa xuân tháng giêng năm Ất Mùi (Vĩnh Thịnh thứ 11, 1715 — Thanh, Khang Hy thứ 54), sai sứ thần Nguyễn Công Cơ, Lê Anh Tuấn (người xã Thanh Mai) sang Thanh. Phó sứ: Thượng bảo Tự khanh Đinh Nho Hoàn (người An ấp huyện Hương Sơn) — theo Đại Việt sử ký toàn thư. Lúc bấy giờ phụng ban một số ngạch thuộc quan: 14 tuổi đậu tú trường (1684), 23 tuổi đậu Giải nguyên (1693), 24 tuổi đính đối văn sách ưu, sung vào Toà nội điện (1694), Đến 1700, thi Hội đậu Hoàng Giáp - 30 tuổi.

2. Ngài là con thứ 3 của bà cả là bà họ Đặng Chính Thất Ngậc Nhữ Công, sớm thông minh, kiến văn rộng rãi. Tháng 8 năm Nhâm Ngọ (1702) làm Tham Chánh Sơn Tây; tháng 7 Giáp Thân (1704) Đốc Trấn Cao Bằng. Ở vị trí này, Ngài lo về sự hưng lợi, trừ hại, giảm thuế cho dân buôn Thanh ở các tỉnh Giang Tây, Giang Nam, Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến, Hồ Quảng, Triều Châu sang buôn bán. Họ đã làm bia để kỷ niệm công đức Ngài, đặt trước toà Hội quán gọi là Đức Chính bia. Ba cải cách chính (xem bài dịch ở phần VI phụ lục): sửa đường, phá nghềnh đá trên sông để đi lại dễ dàng; bớt phiền hà khi khám xét; giảm thuế.

4. Năm Vĩnh Thịnh thứ 8 (1712) làm khánh Mặc Trai, để từ như sau: "Phàm vật tĩnh giả tịch, khấu giả thanh, thanh chi phát các dĩ khánh chi thanh, thanh nhi tiết, đạm nhi tuấn hữu tự như ngộ nhân chi ca. Thương giả dự cổ chi, đại như Mặc Trai khánh dĩ trưởng dĩ chi." Thời Hoàng triều Vĩnh Thịnh vạn vạn niên chi bát Nhâm Thìn trọng thu cốc nhật. Tứ Canh Thìn khoa đệ nhị Giáp tiến sĩ xuất thân Hoàng tín Đại phu thượng bảo tự khanh Hoan lương Mặc Trai Đinh Nho Hoàn tự tốn phác cẩn tư. — Khánh hiệu còn lưu giữ ở Đền Gôi Mỹ Hương Sơn.

5. Năm Vĩnh Thịnh thứ 10 (1715) vua ban chỉ sang sứ Tàu, phong ban 2 bài ngự thi quốc âm; Nho Hoành làm tự từ, được cấp 15 mẫu ruộng, 100 quan tiền để tổ chức quỹ kinh tế. Ngài lập văn bia để răn dạy con cháu — toàn văn:

Mặc tử tôn
Tự trung hiếu, phác hậu
Thanh kiệm lạc bần
Tiến vi nghĩa sĩ
Thoái vi lương nông
Vật kiêu dâm
Vật phạm thượng
Vật tranh tụng
Vật đổ bác
Phượng khả cận tư am

6. Trên đường đi sứ, ngài làm thơ ngâm vịnh, tập hợp hơn 130 bài trong tập "Mặc ông sứ tập" — sách dày 57 trang bằng chữ Hán, hiện lưu giữ tại thư viện Hán nôm, ký hiệu A1409. Đánh giá của nhà nghiên cứu Chương Thâu: "Đây là một tập thơ văn có nhiều bài rất hay" (phần tập hợp và đề từ do con rể ngài: Nguyễn Trọng Thường làm). Nội dung: thơ vịnh phong cảnh khi đi sứ cảm tác, nhớ vua, nhớ nước, nhớ cha mẹ, nhớ vợ con; các bài hoạ, đáp, tiến tặng bạn bè; có cả bài về đặt ruộng thơ cúng; bài khắc trên khánh đá ở chùa Thượng Bảo; bài răn dạy con cháu.

7. Câu chuyện đi sứ: khi sang đến Tàu, vua Tàu đòi các sứ thần vào bái yết, nhưng cửa điện đóng chặt, trước cửa viết chữ: "Đông …thật lớn". Ngài đoán là ngày 18 (…) mới khai (theo lối viết chiết tự từ chữ đông). Quả thật đúng — Ngài có tài ứng đối, lúc nào cũng trôi chảy vững vàng.

8. Sau khi xong việc, đoàn về nước. Đến Võ Hán (Vũ Hán), Ngài lâm bệnh và mất ở đó — thọ 45 tuổi. Vua Tàu thương tiếc, viết ngự văn tế.

9–11. Các văn tế (trang 206, 210–211)

Văn tế của Triều đình Trung Quốc (trích đầu): "Khang Hy ngũ thập ngũ niên, thập nhị nguyệt, nhị thập thất nhật. Hoàng đến khiển Lệ Bộ viên ngoại lang gia nhất cấp Cam lại dụ tế An Nam quốc tiến công bồi thần Đinh Nho Hoàn chi linh viết: Chức Cống lai đình, hiệu thân Thân chi đại nghĩa…"

Ngự văn vua Khang Hy viếng (bản dịch của Viện Hán nôm thuộc UBKHXH) — chép đủ:

Ôi! Người Nam giao ta ơi
Người sao chẳng sống
Sống nên khoa mục
Sống ấy là vinh
Ôi! Người Nam Giao ta ơi
Người ai chẳng chẳng chết

Chết vì việc nước
Chết ấy như sống
Trẫm tế Người ba tuần rượu
Người có thiêng thì về hưởng

Văn tế của triều đình nhà Thanh (bản dịch Viện Hán Nôm — trích): "Ngày 27 tháng 12 năm Khang Hy thứ 55, Hoàng đế sai Viên ngoại lang Bộ lễ, gia một cấp tên là Cam Lai, dụ tế trong kinh phá sứ dâng lễ cống nước An Nam là Đinh Nho Hoàn rằng: Đi sứ đến triều đình ta để tỏ việc đại đại nghĩa trung thành thân thiện. Vua, thương người quá cố đó là lòng nhân sâu quan tâm tới nơi xa…" — tiếp theo là bài viếng: "Hồ động đình bái tạ ngắm trời / Công việc ấy vừa xong xuôi / Sao ông đã rời cõi thế / Trẫm nay vô cùng tiếc thương / Ta đắc ban cho ông lễ phúng / Để thoả lòng ở cõi u minh / Than ôi! / Núi sông xa cách, duổi rong nơi / Trạm dịch hoa xa tận trong mà hy sinh tính mệnh, hồn về đất cũ / Ông linh thiêng hãy còn quanh quất / Xin kính cẩn nhận lễ tế này."

Văn tế của triều đình nhà Lê (trích): "Vĩnh Thịnh thập nhị niên, thập nguyệt nhật, Hoàng đế đặc khiển kim tử Vinh lộc Đại phu Thượng bảo tự khanh Tạ Đăng Huân tứ tế vu Thượng bảo tự khanh Đinh Nho Hoàn chi linh cữu viết…" (bản dịch trang 211: "Kế lâm tới không cây mình, thân từ đốc lòng trung với nước non / Xét điển lễ tỏ lòng bi triều đình đã có đến ân báo nghĩa / Nhớ ông thay! / Dòng dõi thế gia, danh cao khoa giáp… Nay bày lễ tế cho thoả vong linh / Ông hãy về hưởng lễ").

Vang vọng tiếng khánh (trang 224–225)

Gần đây, mới phát hiện trên cải khánh ở đền làng Gôi - Mỹ thuộc xã Sơn Hoà, huyện Hương Sơn, bài văn của Đinh Nho Hoàn, được chuyên gia giỏi ở Viện Hán lâm Ngô Đức Thọ (người huyện Can Lộc) phiên âm và chú thích. Nội dung (trích): "Phàm vật ở yên thì lặng, gào thì kêu. Nhưng âm phát ra thì mỗi vật mỗi… Âm thanh của khánh trong trẻo mà có tiết tấu nhẹ… tựa như có cái… của con người…"

Trang 224 còn ghi: Tiến sĩ năm Canh Tuất (1670) — tên hai cha con đều khắc trên 2 bia trong Văn miếu Hà Nội. Trong gia phả họ Đinh Nho có câu "đã khoa Canh Tuất lại khoa Canh Thìn" để nói việc cha con đều đậu hai khoa thi Hội. Ông Hoàn đậu cùng khoa với ông Hồ-Phi-Tích ở Quỳnh Lưu (Nghệ An) là tổ tiên của họ Hồ ở Quỳnh Đôi. Tháng 7 năm Giáp Thân (1704) Đinh Nho Hoàn được làm Đốc trấn (tỉnh trưởng) Cao Bằng; trong mấy năm ở một tỉnh biên giới có buôn bán qua lại ông thực hiện một số cải cách kinh tế: khơi dòng sông (đục đá nổi và dọn gốc tre) để thuyền bè đi lại dễ dàng; giảm thuế và làm thủ tục nhanh chóng; cấp giấy phép cho người Trung Quốc đã nộp thuế để làm ăn thuận tiện. Khi ông thôi làm đốc trấn Cao Bằng, nhiều người buôn Trung Quốc đã dựng bia "Đức chính bia" để ghi nhớ công lao to lớn của ông. Khoảng 300 năm trôi qua, từ khi có Đinh Nho Hoàn, có bia và khánh của ông…

III. BÀ TIẾT PHỤ — PHAN THỊ VIÊN

Tóm lược trung thành (trang 211–218):

Bà Tiết phụ là vợ thứ 2 quan Tả thị lang họ Đinh; bà người làng Do Lễ, phủ Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An. Khi xưa, đời Cảnh Trị nhà Lê, thân phụ quan Tả thị lang (Đinh Nho Công) khâm mạng vua làm Giám sát Ngự sử ở bản trấn (Châu Hoan), tra xét ngục tù, cứu được Viên Thủ bộ họ Phan bị giam oan. Để báo ơn, ông Thủ bộ xin gả con gái — bà mới 15 tuổi. Dung mạo nết na, ai cũng yêu quý. Các thân sĩ đồng đối ở kinh thành thử đi tới tận nơi mà không biết bao nhiêu, nhưng bà mẹ chưa chịu gả cho ai cả.

Bà mất lúc 21 tuổi, tên huý là Viên. Trích chính sử "Đại Việt sử ký toàn thư tập 1 trang 103": "Biểu dương người đàn bà Tiết nghĩa là Phan thị. Phan thị người xã Do lễ, huyện Hương nguyên (thuộc Nghệ An) là vợ bé Đinh Nho Hoàn. Nho Hoàn đi sứ phương Bắc, chết dọc đường. Sau khi đưa về chôn cất, Phan thị thương nhớ tự thắt cổ chết. Việc này đến tai triều đình. Sai quan cấp cho ruộng thờ, tặng phong là á thất nhân, lập đền và ban cho bảng vàng khắc 2 chữ 'Tiết phụ' treo để biểu dương." — Tháng 10, mùa đông Đinh Dậu năm thứ 13 (1717) (Thanh, năm Khang Hy thứ 56) (Việt sử thông giám cương mục).

Trang 214–218 chép trọn bộ: Văn tế quan Tả thị lang (do bà soạn, chữ Hán phiên âm: "Ô hô! Phu quân hà chi / Hà hữu vọng nhi vô quy…"), tiếp theo Thư tạ bà Lê phu nhân (vợ cả) và Thư tạ mẹ là bà Phan thị — cùng các bản dịch nghĩa. Trích bản dịch văn tế (trang 215):

Hỡi ôi
Phu quân đi đâu
Đi sao mà không trở lại
Khiến thiếp âu sầu
...
Hỡi ôi!
Sống nên khoa Giáp
Bia bảng còn ghi
Chết vì việc nước
Thoả chí cách thi
Tử sinh cũng vậy
Than thở làm chi
Thiếp sao chẳng biết
Chết không sống lại
Khóc có ích gì...

Trích bản dịch Thư tạ mẹ (trang 217): "Khi ấm lạnh cách xa dưới gối, việc thừa hoan con những đau lòng / Vẽ hoa lan chưa mùa trước sân / Thư ly biệt từ đâu đem tới / Tội thì đã vậy, tình biết làm sao / Con sức vẫn đã yếu hèn, tình càng khúc cách / Mộng xà huỷ, hồ sinh ra gái / Duyên loan hoàng, may được gặp người…"

Cuối mục (trang 218) là những lời dặn dò gửi mẹ — kết: "(Vậy có mấy lượng bạc xin gửi về mừng thọ mẹ)".

IV. LỜI DẪN "THU DẠ LỮ HOÀI NGÂM" — ĐINH NHẬT THẬN (1815–1866)

Chép lại trung thành (trang 219):

Tác giả Khúc ngâm là Đinh Nhật Thận, người huyện Thanh Chương - Nghệ An. Ông sinh năm 1815 và mất 1866. Năm Minh Mệnh thứ 19 (1838) đậu tiến sĩ, được bổ nhiệm làm Tri phủ, bị can cứu nghi có dính dáp đến một vụ bè bối, bị triệu về kinh cứu xét.

Ông nổi tiếng thông minh, hay chữ, giỏi thơ văn. Tác phẩm Thu dạ lữ hoài ngâm được viết trong thời gian ông bị triệu về Huế, bày tỏ tâm sự, tình cảm đối với gia đình, quê hương trong cảnh bị lâu lưu nơi đất khách quê người. Toàn khúc ngâm được viết bằng chữ Hán theo thể song thất lục bát. Ông cũng diễn ra quốc âm cùng thể. Bố cục khúc ngâm có thể chia: 1. Cảnh gợi tình người lữ thứ — 2. Nhớ cảnh lúc ra đi và tâm sự phải sống một mình nơi quê người — 3. Hình dung cảnh sống đau buồn của vợ con ở nhà cùng với những lời trách móc thường tình, nhẹ nhàng — 4. Nghĩ đến cả bạn bè, mong con cháu ở nhà và hy vọng có ngày gặp lại tất cả để hàn huyên.

Khúc ngâm tuyệt nhiên không bộc lộ một nỗi cán vọng, một lời cầu xin nào mà chỉ đan tả nỗi buồn da diết gây cho ta những bất bình với những thế lực đã tạo ra cảnh ngộ mà tác giả đang sống. (Không ghi tác giả bài viết)

Những chuyện kể về đền thờ cụ Hưởng (trang 219, phần dưới)

Đinh Nho Điền (xóm Thịnh Lộc, Sơn Thịnh): Hồi còn nhỏ, Cụ Điều thường hay đi tắm sông Phố vào buổi chiều… Đến lúc cụ đậu tiến sĩ, vào làm Ngự sử ở kinh, do việc triều đình Huế dâng tỉnh Thừa Thiên cho Pháp… buộc phải đưa đi hài lên can và đặt tạm ở bên bãi, cạnh miếu thờ thổ thần. Sau đó đưa về Gôi An táng cụ… Đó chính là vị trí đền cụ Hưởng ở xóm Bại ngày nay. Từ khi có đền thờ, dân làng thờ phụng rất chu đáo và thường cầu xin hay được linh ứng. Hàng năm, cứ đến ngày kỵ nhật cụ hay Tết Nguyên đán, đêm đêm dân thường thấy "Tinh lạc" từ phía đông bay về đền! (Đinh Nho Quý sưu tầm và biên soạn)

V. ĐINH DOÃN TẾ (tức ĐINH NHO THỤC)

Chép lại trung thành (trang 220–221):

Đinh Doãn Tế người huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Trầm nghị, ít nói, thật là một người quân tử đích thực. Năm Mậu Thân (1908) vào Đồng Văn thi viện Nhật, vì hết tiền ăn học nên phải bỏ đi Xiêm, ngụ ở Thành Băng Cốc. Ở Xiêm, ông định về nước vận động cử sự, nhưng vì đau chân chưa đi. Lúc đó là mùa xuân năm Canh Tuất (1910) tôi và Phan Bá Ngọc, có mưu sự ở biên giới Nghệ Tĩnh, đi đường Xiêm trước qua thành Băng Cốc; ông gặp, xin cùng đi. Tôi thấy ông đau chân, chưa khỏi hẳn, ngăn cản lại mà không được, thế rồi cùng đi. Trèo núi, lội khe, ngủ rừng, uống suối, phấn đấu với lam trướng như thế hơn một tháng. Đất phủ xa quân, bệnh ông phát lên mạnh… Lúc bệnh, nói mơ thì không có gì khác là gọi tên tôi và tên ông Phan và nói "Cứ như thế đến 5 và 6 ngày". Hôm ấy, ông Phan đến, ông rất mừng, tinh thần trở nên như thường, ngồi dậy nói chuyện với Phan độ 6 tiếng đồng hồ rồi bỗng nhiên chết. Lúc đó, ông mới 26 tuổi.

(Bài viết trong quyển "Việt Nam nghĩa liệt sĩ", soạn giả Đặng Đoàn Bằng, tu đính Phan Thị Hán. Tôn Quang Phiệt dịch và chú thích, nhà XBVH 1972.) Nhưng theo "Việt Nam Niên Biểu" thì tác giả là Phan Bội Châu viết bằng chữ Hán ở Trung Quốc và xuất bản trước năm 1920 ở Trung Quốc.

2. Thơ điếu và liễn viếng (trích bản dịch)

Đuổi gió gào mưa mạnh bước đường
Quế Sơn nghìn dặm hướng Nam sang
Yêu vừa dáng ngựa đang chờ đợi
Võ rút gươm rồi phải dở dang
Bệnh đến mê trầm còn máu nóng
Người khi sống chết thấy giao bằng (1)
Tiếng triều kêu mạnh trên sống khóng
Trông cảnh mê ly lại bất bằng

(1) Tình giao thiệp giữa bằng hữu

Liễu viếng (trang 221, bản dịch): "Chết không được, sống cũng lại không xong, bệnh hỗn dằn vặt bấy lâu, nạn nước thù nhà, đau đớn anh ơi khôn kể xiết / Ra với nhau về biết cùng ai nhỉ, thân thể tiêu điều lắm nỗi chân trời góc bể, thương thầm tôi cũng biết sao đây?"

VI. ĐINH NHO BỘC — TƯ LIỆU NĂM 1924

Chép lại trung thành (trang 221–223):

"Ông Đinh Nho Bộc người làng Gôi Mỹ - Hương Sơn - Hà Tĩnh, hoạt động cách mạng với ông Ngô Quảng, bị bắt đêm 31/8/1924 tại Vinh, sau khi đã thoát nạn ở Phù Xá phủ Hưng Nguyên - Nghệ An và đã bị đạn ở tên tri phủ Hưng Nguyên bắt được (do Phan Đình Đồng sưu tầm tại Ty công an - Nghệ An ngày 25 tháng 4 năm 1962). Sau đó Cụ Bộc bị giam ở Côn Đảo. Ở trong tù, Cụ vẫn giữ tròn khí tiết Cách mạng. Cụ có làm một bài thơ gửi về nhân chuyến thăm tù của bà vợ cụ. Bài thơ chỉ được phổ biến trong gia đình, trong đó là Đinh Thị Sâm (con cô Nghi), là em cùng cha khác mẹ với Cụ Bộc còn thuộc đến bây giờ trong đó có đôi chỗ không chính xác, xin được chép ra đây để làm tư liệu quý khi tham khảo về Cụ Bộc. Bài thơ viết khoảng năm 1924:"

Miền Đông Hải đang còn sùi sụt
Gót nam Nhâm lúc buồn cười
Bước vào cửa đông then cài
Vầng mây trông tổ, lưu đài ngồn ngang
Kìa xa huyện là trường Cao đẳng
Mở chín lầu bước thẳng chân cang
Anh hùng mới biết anh hùng
Rày xem bốn bể nhất cùng một nơi
Mặt nhìn mặt càng thêm tươi
Kẻ hỏi vạn phúc, người hỏi thiêm thu
Đèn rút nguyệt bốn bề đối chác
Trong vườn hoa máy khúc tù tùng
Cửa kim toà mấy lần nghiêm ngặt
Đến vận minh một giọt sáng choang
Ngoài canh gác 2 hàng cơ vệ
Trong tôi hầu mấy kẻ thanh niên
Vẫn cơm ban áo phát tuỳ bốn bể
Vẫn ơn vua nợ nước để mà lo
Mặt nhìn mặt trần ai, ai siết nhẽ
Tưởng làm trai cho rạng vẻ sắc này

(Tiếp các trang 222–223: dài hơn 60 câu nữa, kết bằng "Bài thán": "Bốn vị: Phúc thần họ Đinh ta / Trên chín bệ nổi trời trị nước / Dưới muôn dân no đức say nhân / Phúc đào giồng họ ơn nhuần hưng thôn / Đức Anh nghị khơi nguồn Đinh thuỷ / Xây đắp nên phúc chỉ xun nay / Từ phen rộng hậu chờ mây / Đùm thân đã hiên những ngày lạ sao / Đợi thác lại sớm chào ngự sử…" — chép đủ trong ảnh trang gốc.)

“DÒNG HỌ ĐINH NHO Ở HƯƠNG SƠN” — Hồ Hữu Phước

(Hội khoa học lịch sử tỉnh Hà Tĩnh) — Tóm lược trung thành (trang 226–227):

Dòng họ Đinh Nho là một cự tộc thế phiệt trâm anh ở Hương Sơn và ở xứ Nghệ dưới chế độ phong kiến Lê - Trịnh - Nguyễn. Dòng họ này đã sản sinh ra nhiều nhân vật nổi tiếng ca trong chốn khoa mục, quan trường và võ bị. Ông nguyên tổ là Đinh Phúc Diên vốn là hậu duệ của Đinh Công Trứ, Đinh Bộ Lĩnh. Thuở Lê triều, Đinh phúc Diên làm quan với Lê, về phe với Lê Tuấn Mậu chống Mạc; việc vỡ lở, Lê Tuấn Mậu bị Mạc Đăng Dung giết, Đinh Phúc Diên bị truy lùng phải trốn vào Hương Sơn lập nghiệp… Đinh Phúc Diên được phong tả hiệu điểm công Tây hầu.

Đến thế kỷ 17, họ Đinh Nho ở Gôi Mỹ (Hương Sơn) đã phát hiện đông đúc và có thế lực, trở thành một cự tộc danh giá dưới triều Lê - Trịnh. Sự phát triển của dòng họ Đinh Nho đó mọi lĩnh vực hoạt động xã hội về khoa mục, về quan trường, về võ bị: người mở màn móng cho sự phát triển rực rỡ của dòng họ ấy là Đinh Nho Công (1637-?) — đậu Tiến sĩ Khoa Canh Tuất (1670). Con trai Đinh Nho Công là Đinh Nho Hoàn (1671-1715) đỗ Nhị giáp Tiến sĩ (tức Hoàng giáp) khoa Canh Thìn (1700). Em ruột ông Hoàng Giáp Đinh Nho Hoàn là Đinh Nho Côn đỗ Giải nguyên (đỗ đầu thi Hương)… Bốn vị đại khoa, hai vị trung khoa của một dòng họ trong khoảng 30 năm.

Cùng gốc với họ Đinh Nho ở Hương Sơn, di duệ còn này đến lập nghiệp ở các tỉnh khác: một chiếc thuộc dòng Văn Trác sang sinh sống ở Hưng Nguyên; Đinh Lưu ở Hải Dương — một ông Hoàng giáo (họ Đinh Nho) ở Sơn Nam… Em ruột Đinh Nho Hoàn là Đinh Nho Tông đỗ Hương cống — làm quan tước Hương nghĩa hầu. Đời Nguyễn có Đinh Nho Điển (1848-1885) đỗ Tam giáp Tiến sĩ khoa Ất Hợi (1875) đời Tự Đức.

Cách mạng tháng Tám thành công, họ Đinh Nho ở Hương Sơn là một trong những dòng họ có nhiều cống hiến vào sự nghiệp cách mạng và kháng chiến, kiến quốc của nhân dân ta. Họ Đinh Nho ở Hương Sơn đã có những người con ưu tú, tài hoa trong mọi lĩnh vực chính trị, quân sự, khoa học như Đinh Nho Hân từng là uỷ viên thư ký uỷ ban kháng chiến hành chính huyện Hương Sơn từ những ngày đầu cách mạng. Đinh Nho Liêm hoạt động chính trị có năng lực, từng giữ cương vị Thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại giao. Đinh Xuân Bính một vị lão thành cách mạng, một trí thức yêu nước từng làm Bí thư huyện uỷ, Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện Hương Sơn thời kháng chiến chống Pháp… Giáo sư Đinh Nho Chương, Giáo sư Tiến sĩ Đinh Phạm Thái vv… là những nhà khoa học có tiếng tăm. Cụ Đinh Nho Huế, Đinh Nho Diềm vừa nhà nho vừa nhà thơ có uy tín của Liên khu 4 cũ.

Ngày nay con cháu họ Đinh Nho lại đang tiếp tục phát huy thế mạnh của dòng họ có truyền thống lâu đời về học vấn và cách mạng trên khắp mọi lĩnh vực công tác và trên khắp mọi miền đất nước. Họ Đinh Nho thật sự xứng đáng là dòng họ điển hình về truyền thống văn vật của đất Hương Sơn.

THƯ NGỎ CỦA BAN BIÊN TẬP "GIA PHỔ HỌ ĐINH NHO (HƯƠNG SƠN)" GỬI CON CHÁU NỘI TỘC

Chép lại trung thành (trang 228):

Chào đón thiên niên kỷ mới, Ban Biên tập "Gia phổ họ Đinh Nho (Hương Sơn)" đã bước đầu biên soạn xong bộ (mới) của họ Đinh Nho ta. Kể từ quyển đầu do quan Tả thị lang đời 8 viết bị thất truyền, tiếp quyển "Hương yên phổ tự" của quan Thái lăng, sau này phát triển thêm các quyển của Ban Tộc biểu viết năm 1972, các quyển của các tiểu chi…; Quyển này là quyển Tổng hợp của các quyển trên, tương đối đầy đủ và chi tiết, liệt kê được quá trình phát triển của dòng họ, xã công tích, đạo đức của tiền nhân và con cháu trong vòng 20 đời nay.

Tuy nhiên, quyển này chưa thể kết thúc, mà phải nhờ con cháu về sau làm tiếp, vì những lẽ sau:

1. Sự phát triển của dòng tộc là liên tục, nên muốn đầy đủ, con cháu tiếp sau từ thế kỷ 21 trở đi phải viết tiếp vào Gia phổ cho hoàn chỉnh.

2. Đây là quyển Tổng hợp, nhưng do điều kiện lịch sử, việc tập hợp, hiệu đính các dòng đời, tuy có nhiều cố gắng của Ban Biên tập và sự ủng hộ kê khai, cấp tư liệu, góp ý của con cháu nhưng chắc chắn chưa đầy đủ, thậm chí có thể có nhầm lẫn, sai sót. Mong rằng sau này con cháu có điều kiện và tư liệu chuẩn xác đính chính lại.

3. Trong bài Tổng hợp "Họ Đinh Nho ở Hương Sơn" viết ở đầu quyển, vì điều kiện lịch sử chưa thể liệt kê đầy đủ các gương mặt điển hình, tiêu biểu của con cháu, đặc biệt là ở giai đoạn nửa sau của thế kỷ, nhiều công tích chỉ mới điểm rõ qua, chưa có điều kiện viết tỉ mỉ. Việc viết tiếp sau này, Ban Biên tập (tiếp nối) có trách nhiệm viết vào để cho khỏi thất truyền những điều hay, việc tốt của tiền nhân.

Trên đây là những lời ngỏ của Ban Biên tập gửi gắm lại con cháu, cũng cả lời cuối của bộ "Gia phả" này.

Sau này khi chúng tôi đã là người thiên cổ, theo bước các tiền nhân, chúng tôi mong mỏi con cháu thông cảm và thực hiện tiếp những phần còn lại mà hiện nay chúng tôi chưa làm được. Có như vậy quyển "Gia phổ Họ Đinh Nho (Hương Sơn)" mới thực sự hoàn chỉnh, trở thành một tư liệu quý cho dòng họ, và mãi mãi trường tồn.

Kính thư

Năm Canh Thìn

Sau tiết lập đông

Khi đã sơ bộ hoàn thành Gia phổ

Ban Biên tập